

- Bệnh nhân là những người mang mầm bệnh vào viện khám và điều trị, dịch bệnh có thể lây lan từ người có mầm bệnh tới các bệnh nhân khác và CBCNV trực tiếp khám và điều trị. Bệnh nhân được bác sĩ khám chẩn đoán nếu có nghi ngờ về các bệnh dễ lây lan trong cộng đồng như: Cúm A, sốt xuất huyết, sởi, thủy đậu, ho gà, Covid-19... sẽ được đưa đi xét nghiệm, phát hiện dương tính với bệnh sẽ cách ly với người khác để điều trị, bệnh nhân sẽ được điều trị tại khoa Truyền nhiễm.

*** Biện pháp ngăn ngừa lây chéo trong Trung tâm:**

- Tổ chức Phòng khám bệnh và tiếp nhận bệnh nhân khoa học (theo hướng đi một chiều), khám và chẩn đoán chính xác, cảnh giác đối với những bệnh đang trong thời gian ủ bệnh.

- Không để bệnh nhân tiếp xúc bừa bãi trong khi chờ khám bệnh.
- Tổ chức các buồng bệnh đủ điều kiện cách ly.
- Sắp xếp bệnh nhân theo nhóm bệnh vào các buồng bệnh cho hợp lý.
- Quy định nội quy bệnh nhân, không để bệnh nhân nằm ghép.
- Quy định chế độ làm việc cho nhân viên, đảm bảo không để mang mầm bệnh từ ngoài vào bệnh viện, từ bệnh nhân nọ sang bệnh nhân kia và không để bản thân nhân viên mắc bệnh.

- Quy định chế độ khử trùng, tẩy uế buồng bệnh, đồ đạc, dụng cụ, chất thải... để tiêu diệt các trung gian truyền bệnh.

- Phát hiện các đợt dịch bệnh và có biện pháp cách ly kịp thời.

7.5. Sự cố an toàn phòng xét nghiệm

An toàn sinh học phòng xét nghiệm là thuật ngữ được sử dụng để mô tả những nguyên tắc, kỹ thuật và thực hành cần thiết để ngăn ngừa những phơi nhiễm không mong muốn hoặc làm thất thoát tác nhân gây bệnh và độc tố. Người làm việc trong phòng thí nghiệm luôn phải đối mặt với nguy cơ bị lây nhiễm tác nhân gây bệnh. Để ngăn ngừa và giảm thiểu sự cố an toàn sinh học phòng xét nghiệm thì bệnh viện đã thực hiện các biện pháp sau:

a). Cơ sở vật chất phòng xét nghiệm:

- Cửa đi: Có khuôn, chốt, khóa an toàn; cánh cửa vật liệu tổng hợp hoặc kim loại kết hợp với kính.

- Cửa sổ: Có khuôn, chốt an toàn; cánh cửa bằng gỗ hoặc vật liệu tổng hợp hoặc kim loại kết hợp với kính trong hoặc mờ để chiếu sáng tự nhiên.

- Sàn: Nhẵn, không trơn trượt, chịu được hóa chất, chống thấm và dễ cọ rửa vệ sinh. Trong các phòng rửa tiệt trùng, chuẩn bị môi trường hoặc chuẩn bị mẫu phải có chỗ thu nước khi cọ rửa;

- Tường: Bằng phẳng, dễ lau chùi, không thấm nước và chống được các loại hóa chất thường dùng trong phòng xét nghiệm.

- Trần: Phẳng, nhẵn, chống thấm và lắp đặt được các thiết bị (chiếu sáng, phòng cháy, chữa cháy, điều hòa không khí hoặc thiết bị khác).

- Mặt bàn xét nghiệm: Không thấm nước, chịu được các dung dịch chất khử trùng, axit, kiềm, dung môi hữu cơ và chịu nhiệt.

- Chỗ để quần áo và đồ dùng cá nhân cho nhân viên phòng xét nghiệm ở bên ngoài và chỗ treo áo choàng phòng xét nghiệm ở bên trong, gần cửa ra vào phòng xét nghiệm;

- Thiết bị rửa mắt khẩn cấp và hộp sơ cứu đặt tại vị trí thuận lợi cho việc sử dụng;

- Khu vực có tia cực tím, tia laze, chất phóng xạ, chất độc phải có các biển báo tương ứng;

- Có thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

b) Quản lý ra vào phòng xét nghiệm:

- Chỉ những người có trách nhiệm mới được phép ra vào khu vực làm việc.

- Cửa phòng xét nghiệm luôn đóng.

- Không cho phép trẻ em vào khu vực làm việc.

- Không cho bệnh nhân vào phòng xét nghiệm để lấy mẫu bệnh phẩm.

c) Trang thiết bị bảo hộ cho nhân viên phòng xét nghiệm:

- Sử dụng trang bị bảo hộ và vệ sinh cá nhân

- Mặc áo choàng, hoặc đồng phục của phòng xét nghiệm trong suốt thời gian làm việc trong phòng xét nghiệm.

- Đeo găng tay trong tất cả các quá trình tiếp xúc trực tiếp với máu, dịch cơ thể, các chất có khả năng gây nhiễm trùng khác. Sau khi sử dụng, tháo bỏ găng tay và rửa tay đúng cách.

- Rửa tay sau khi thao tác với vật liệu bị nhiễm trùng và trước khi ra khỏi khu vực làm việc của phòng xét nghiệm.

- Đeo kính bảo hộ, mặt nạ hoặc các thiết bị bảo hộ khác để tránh bị phơi nhiễm với các dung dịch nhiễm trùng, hóa chất.

- Đeo khẩu trang thường hay khẩu trang có hiệu quả lọc cao trong trường hợp có khả năng văng, bắn hoặc tạo khí dung chứa tác nhân gây bệnh.

- Không mặc quần áo bảo hộ phòng xét nghiệm ra bên ngoài như nhà ăn, phòng giải khát, văn phòng, thư viện, nhà vệ sinh v.v.

- Không sử dụng giày, dép hở mũi chân trong phòng xét nghiệm.

- Không ăn uống, hút thuốc, dùng mỹ phẩm và đeo hay tháo kính áp tròng trong khu vực làm việc của phòng xét nghiệm.

- Không để thức ăn, nước uống ở trong khu vực làm việc của phòng xét nghiệm.

- Không để chung quần áo bảo hộ đã mặc trong phòng xét nghiệm với quần áo thông thường

d) An toàn trong quy trình xét nghiệm:

- Tuyệt đối không hút pipet bằng miệng.
- Không ngậm bất kỳ vật gì trong miệng. Không dùng nước bọt để dán nhãn.
- Tất cả các thao tác cần được thực hiện theo phương pháp làm giảm tối thiểu việc tạo các giọt hay khí dung.

- Hạn chế tối đa việc dùng bơm, kim tiêm. Không được dùng bơm, kim tiêm để thay thế pipet hoặc bất kỳ mục đích khác ngoài mục đích tiêm, truyền hay hút dịch từ động vật thí nghiệm. Tuyệt đối không được đẩy nắp các bơm kim tiêm lại sau khi sử dụng.

- Khi bị tràn, đổ vỡ, rơi vãi hay có khả năng phơi nhiễm với vật liệu lây nhiễm phải báo cáo cho người phụ trách phòng xét nghiệm. Cần lập biên bản và lưu giữ hồ sơ về các sự cố này.

- Xây dựng và thực hiện đúng quy trình xử lý các sự cố xảy ra trong phòng xét nghiệm.

- Tiệt trùng các dung dịch lây nhiễm trước khi thải ra hệ thống nước thải chung.

e) Xử lý sự cố trong phòng xét nghiệm:

Có nhiều sự cố có thể xảy ra. Những sự cố này có thể do sai sót trong thao tác của người làm xét nghiệm như bị tràn đổ dung dịch chứa tác nhân gây bệnh, bị vật sắc nhọn đâm vào tay chân khi làm việc với tác nhân gây bệnh hay sự cố do mất điện, thiên tai, hỏa hoạn... Cán bộ xét nghiệm phải được cảnh báo về các sự cố có thể xảy ra và được hướng dẫn xử lý các sự cố. Các hướng dẫn cụ thể sẽ được đề cập trong khóa huấn luyện về an toàn sinh học. Nguyên tắc xử lý trong trường hợp xảy ra sự cố như sau:

- Xử lý tại chỗ theo đúng quy trình;
- Ghi chép lại sự cố, biện pháp xử lý đã thực hiện;
- Báo cáo người phụ trách về sự cố này.
- Đối với sự cố bị vật sắc nhọn đâm vào tay trong khi làm việc với tác nhân gây bệnh: báo với đồng nghiệp làm việc gần đó; Bộc lộ vết thương; nhẹ nhàng nặn máu (chú ý không làm tổn thương tổ chức mô); xả nước tối thiểu trong vòng 5 phút; sử dụng băng gạc để che vết thương; rời khỏi phòng xét nghiệm; ghi chép và báo cáo sự việc với người chịu trách nhiệm quản lý phòng.

- Sự cố làm đổ dung dịch chứa tác nhân gây bệnh trong tủ an toàn sinh học:

Trong phòng xét nghiệm nên chuẩn bị trước hộp dụng cụ xử lý đánh đổ dung dịch có chứa tác nhân gây bệnh. Trong hộp này có dung dịch khử nhiễm, giấy thấm,

panh, kẹp, túi đựng chất thải lây nhiễm, trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp. Các dụng cụ này phải làm bằng các vật liệu không bị ăn mòn bởi các hóa chất trong phòng xét nghiệm. Khi đánh đổ dung dịch chứa tác nhân gây bệnh trong tủ an toàn sinh học, người làm xét nghiệm không được tắt tủ và tiến hành các bước sau:

- + Báo với đồng nghiệp đang làm việc gần đây.
- + Để cho tủ hoạt động 10 phút trước khi tiến hành các biện pháp xử lý đảm bảo cho tất cả các khí dung đã được lọc qua màng lọc HEPA của tủ.
- + Thay găng tay sạch và đi lấy bộ xử lý sự cố đổ mẫu.
- + Dùng giấy thấm phủ lên dung dịch bị đổ, đổ hóa chất khử trùng (dung dịch Bleach pha loãng 10 lần hoặc NaClO 0,5%), để khoảng 30 phút cho chất khử trùng phát huy tác dụng.
- + Thu nhặt vật sắc nhọn (nếu có) bằng kẹp bỏ vào hộp đựng vật sắc nhọn.
- + Dùng kẹp thu nhặt giấy thấm cho vào túi đựng chất thải lây nhiễm để tiệt trùng.
- + Lau bề mặt làm việc của tủ an toàn sinh học.
- + Kết thúc quá trình xử lý.
- + Sau khi kết thúc xét nghiệm và ra khỏi phòng xét nghiệm phải ghi chép, báo cáo sự việc với người phụ trách.

- Sự cố đổ dung dịch chứa tác nhân gây bệnh lên sàn nhà hoặc bàn xét nghiệm

Khi đánh đổ dung dịch chứa tác nhân gây bệnh lên sàn nhà hoặc mặt bàn xét nghiệm, cán bộ xét nghiệm cần tiến hành các bước xử lý như sau:

- + Ngay lập tức cảnh báo cho đồng nghiệp đang làm việc trong cùng phòng xét nghiệm.
- + Thay găng tay sạch và quần áo bảo hộ nếu dung dịch chứa tác nhân gây bệnh bắn lên quần áo.
- + Nhặt các vật sắc nhọn nếu có bằng kẹp.
- + Phủ giấy thấm lên toàn bộ bề mặt có dung dịch bị đổ theo trình tự từ ngoài vào trong.
- + Đổ hóa chất khử trùng (dung dịch Bleach pha loãng 10 lần hoặc NaClO 0,5%) lên chỗ đã được phủ giấy thấm theo chiều từ ngoài vào trong.
- + Đợi 30 phút.
- + Thu giấy thấm và tất cả các vật dụng lây nhiễm cho vào túi đựng rác thải để tiệt trùng.
- + Lau sạch khu vực bị đổ, vỡ.
- + Kết thúc quá trình xử lý.
- + Sau khi kết thúc xét nghiệm và ra khỏi phòng xét nghiệm phải ghi chép, báo cáo sự việc với người phụ trách.

7.6. Sự cố mất an toàn vệ sinh thực phẩm

Khu vực nhà ăn, khu chế biến của Trung tâm luôn gọn gàng ngăn nắp được vệ sinh thường xuyên, nhân viên nhà ăn luôn đội nón và đeo tạp dề, giặt tay khi chuẩn bị chế biến thực phẩm.

Sử dụng dụng cụ riêng và khu vực riêng cho chế biến thực phẩm sống với thực phẩm chín.

- Kế hoạch phòng chống :

- + Xây dựng kế hoạch cấp cứu khi có dịch và ngộ độc thực phẩm
- + Phối hợp chặt chẽ với các phòng ban tổ chức cấp cứu khi có ngộ độc.

- Kế hoạch ứng phó khi xảy ra sự cố:

- + Sơ cứu đối với trường hợp ngộ độc nặng, bị mất kiểm soát cơ thể
- + Báo ngay cho y bác sỹ để tiến hành sơ cứu.
- + Cảnh báo những người có nguy cơ bị ngộ độc nhằm theo dõi sức khỏe bản thân để có ứng cứu kịp thời
- + Điều tra, làm rõ nguyên nhân gây ngộ độc và có biện pháp xử lý, phòng tránh
- + Cách ly người bệnh với cán bộ công nhân viên bằng cách đưa tới khoa phòng chuyên môn để theo dõi

8. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: Không có

9. Các nội dung thay đổi của cơ sở so với giấy phép môi trường đã được cấp

Những nội dung thay đổi chính của cơ sở so với Giấy phép môi trường số 3034/GPMT-UBND ngày 18/12/2023 ở Bảng 3.9 sau:

Bảng 3.9. Những nội dung thay đổi so với Giấy phép môi trường số 3034/GPMT-UBND

TT	Tên công trình/ hạng mục	Thông số kỹ thuật	
		Đã được cấp theo Giấy phép môi trường số 3034/GPMT-UBND ngày 18/12/2023	Điều chỉnh bổ sung so với Giấy phép môi trường số 3034/GPMT-UBND ngày 18/12/2023
1	Quy mô giường bệnh	200 giường	215 giường
2	Các hạng mục bảo vệ môi trường		
2.1	Hệ thống bể tự hoại	Gồm 12 bể tự hoại, tổng thể tích 180m ³ , trong đó: nhà A1 02 bể (15m ³ /bể); nhà A2 04 bể (15m ³ /bể); nhà A3 01 bể 15m ³ ; Nhà A4 02 bể (15m ³ /bể); nhà chụp X quang 01 bể 15m ³ ; Khoa Truyền nhiễm 02 bể (15m ³ /bể)	Gồm 13 bể tự hoại, tổng thể tích 177m ³ , trong đó: Nhà A (nhà A1 cũ) 02 bể (15m ³ /bể); nhà B (xây mới) 03 bể (12m ³ /bể); nhà C (nhà điều trị nội trú cũ) 01 bể 15m ³ ; Nhà D (Khoa Truyền nhiễm) 02 bể (15m ³ /bể) Nhà E (xây mới) 03bể (12m ³ /bể); Nhà F (nhà A4 cũ) 02 bể (15m ³ /bể);
2.2	Hệ thống thu gom nước mưa, nước mặt	Hệ thống thoát nước mưa: Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ bề mặt khu vực Trung tâm Y tế huyện Nam Sách được thu gom vào rãnh thoát nước với tổng chiều dài xây gạch 790m, có độ dốc 0,2 (trong đó hệ thống rãnh chung có kích thước B (50x50cm), chiều dài 540m, rãnh thoát nước chạy xung quanh các khối nhà kích thước B (45x35cm), chiều dài 250m), trên hệ thống rãnh bố trí 10 hố ga lắng cạn kích thước (100x100x150cm), sau đó chảy ra mương thoát nước chung của khu đô thị phía Tây thị trấn Nam Sách	Hệ thống thoát nước mưa: Nước mưa chảy tràn trên toàn bộ bề mặt khu vực Trung tâm Y tế huyện Nam Sách được thu gom vào rãnh thoát nước B300 với tổng chiều dài 723m, có độ dốc 0,33%, trên tuyến rãnh bố trí 14 hố ga lắng cạn kích thước (600x600mm), rồi vào cống thoát nước mưa D400, độ dốc 0,25% có chiều dài 11m chảy ra mương thoát nước chung của khu đô thị phía Tây thị trấn Nam Sách
2.3	Hệ thống thu gom nước thải	- Nguồn số 01: Nước thải y tế từ phòng xét nghiệm, buồng mổ, các khoa, phòng điều trị được thu gom bằng ống PVC D60 dài 15,4m, D90 dài	- Nguồn số 01: Nước thải y tế từ phòng xét nghiệm, buồng mổ, các khoa, phòng điều trị được thu gom bằng các tuyến ống uPVC D42, D60, D90 với tổng chiều dài

TT	Tên công trình/ hạng mục	Đã được cấp theo Giấy phép môi trường số 3034/GPMT-UBND ngày 18/12/2023	Thông số kỹ thuật
		33,7m, độ dốc 0,2% sau đó được dẫn vào HTXL nước thải chung bằng đường ống PVC Class2 D225. - Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực giặt đồ, nước rửa sàn: được thu gom theo đường ống PVC D90 dài 2,2m, D225 dài 6,2 m, độ dốc 0,2% chảy về đường ống thu gom chung của HTXL nước thải chung bằng ống PVC Class2 D225. - Nguồn số 03: Nước thải từ các khối nhà vệ sinh chung và từ các nhà vệ sinh trong các khu vực buồng bệnh theo đường ống PVC Class2 chảy xuống bể phốt xây chìm phía ngoài các khối nhà sau đó sau đó được dẫn vào HTXL nước thải chung các đoạn đường ống PVC Class2 D90 dài 68,9m, D110 dài 38,5m, D160 dài 8 m độ dốc 0,2% rồi chảy về đường ống thu gom chung của HTXL nước thải chung bằng ống PVC Class2 D225. - Nguồn số 04: Nước thải từ khu vực dinh dưỡng (bếp ăn) theo đường ống dẫn PVC Class2 D90 dài 22m, D160 dài 8,5m độ dốc 0,2% thu gom về HTXL nước thải chung qua đường ống nhựa PVC Class2 D225. Cả 4 nguồn nước thải được đưa về hệ thống	Điều chỉnh bổ sung so với Giấy phép môi trường số 3034/GPMT-UBND ngày 18/12/2023 là 505,1 độ dốc 0,2% sau đó được dẫn vào ống thu nước thải chung uPVC Class2 D200 dẫn về hệ thống XLNT chung. - Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực giặt đồ, nước rửa sàn: được thu gom theo đường ống PVC D90, D225 dài 8,4m, độ dốc 0,2% chảy sau đó được dẫn vào ống thu nước thải chung uPVC Class2 D200 dẫn về hệ thống XLNT chung. - Nguồn số 03: Nước thải từ các khối nhà vệ sinh chung và từ các nhà vệ sinh trong các khu vực buồng bệnh theo đường ống PVC Class2 D60, D75, D90, D110 với tổng chiều dài 639,5m chảy xuống bể tự hoại của các khối nhà sau đó sau đó được dẫn vào đường ống thu gom nước thải chung uPVC Class2 D200 dẫn về hệ thống XLNT chung. - Nguồn số 04: Nước thải từ nhà dinh dưỡng theo đường ống dẫn PVC Class2 D90, D160 dài 30,5m độ dốc 0,2% thu gom dẫn vào đường ống thu gom nước thải chung uPVC Class2 D200 dẫn về hệ thống XLNT chung. Cả 4 nguồn nước thải được đưa về hệ thống đường

TT	Tên công trình/ hạng mục	Đã được cấp theo Giấy phép môi trường số 3034/GPMT-UBND ngày 18/12/2023	Thông số kỹ thuật
		đường ống gom chung về HTXL nước thải có kết cấu như sau: + Tuyến ống thu gom: ống nhựa PVC D225 với tổng chiều dài là 207,3m, độ dốc 0,2%. + Trên tuyến ống thu gom có bố trí các hố ga thu cặn, tổng số 29 hố kết cấu BTCT, kích thước mỗi hố ga 90x90x90cm.	ống gom chung về HTXL nước thải được xây mới năm 2024 thay thế tuyến ống cũ có kết cấu như sau: + Tuyến ống thu gom: ống nhựa uPVC Class D200 với tổng chiều dài là 762m, độ dốc 0,5%, + Trên tuyến ống thu gom có bố trí các hố ga thu cặn, tổng số 35 hố kết cấu BTCT, kích thước mỗi hố ga 600x600x1200(mm)
3.4	HTXL nước thải tập trung	- Công suất hệ thống: 100 m³/ngày đêm. - Công nghệ xử lý: Johkasou là hệ thống xử lý nước thải tại nguồn bằng công nghệ sinh học của Nhật Bản. Là hệ thống làm sạch nước thải thông qua quá trình trao đổi chất của các hệ vi sinh vật với môi trường sống xung quanh nhằm loại bỏ các chất ô nhiễm có trong nước thải. - Nguồn gốc xuất xứ hệ thống: Nhật Bản - Chất lượng nước thải đầu ra nằm trong ngưỡng cho phép của cột B, QCVN 28:2010.	- Công suất hệ thống: 250 m³/ngày đêm. - Công nghệ xử lý: Hệ thống xử lý nước thải y tế công suất xử lý 250m³/ngày.đêm được áp dụng theo công nghệ AO kết hợp giá thể di động MBBR. Trong đó, cụm bể Thiếu khí- Hiếu khí xử lý NH₄, T-N, BOD, COD; cụm bể lắng xử lý chất rắn lơ lửng SS; bể khử trùng loại bỏ coliform trước khi nước xả ra môi trường. Hệ thống có bổ sung các cụm châm hóa chất gồm có: dinh dưỡng, NaOH hỗ trợ quá trình xử lý - Nguồn gốc xuất xứ hệ thống: Xây dựng lắp ráp tại Việt Nam. - Chất lượng nước thải đầu ra nằm trong ngưỡng cho phép của cột A, QCVN 28:2010.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:
- Nguồn số 01: Nước thải y tế từ các khoa, phòng.
- Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực nhà giặt.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh chung trong khu vực khám chữa bệnh, khu hành chính.
- Nguồn số 04: Nước thải từ khu vực nhà dinh dưỡng.
- Lưu lượng xả thải tối đa: 250 m³/ngày đêm.
- Dòng nước thải: 01 dòng (là dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận).

- *Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:* đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (mức A, giá trị $C_{\max}$ với hệ số K =1,2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A) giá trị $C_{\max}$
1	pH	-	6,5 - 8,5
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	30
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	50
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/l	50
5	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/l	1,0
6	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	5
7	PO ₄ ³⁻ -P)	mg/l	30
8	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	6
9	Dầu, mỡ động thực vật	ml	10
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α^*	Bq/l	0,1
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β^*	Bq/l	1,0
12	Coliform	MPN/ 100ml	3000
13	Salmonella*	VK/ 100ml	KPH
14	Shigella*	VK/ 100ml	KPH
15	Vibrio cholerae*	VK/ 100ml	KPH

- Vị trí, phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải
 + Vị trí xả nước thải: Nước thải sau xử lý theo đường ống thoát nước PVC D200 dài 20m được đấu nối vào hệ thống công thoát nước của khu đô thị phía Tây thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

+ Tọa độ vị trí xả thải (theo tọa độ VN2000):

$$X(m)= 2322232; Y(m)= 638587$$

+ Phương thức xả thải: Tự chảy ra nguồn nước tiếp nhận, với chế độ tự động không theo chu kỳ nhất định 24 giờ/ngày đêm.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung được chảy về hồ thu theo đường ống PVC D200 dài 20m tự chảy ra cống thoát nước của khu đô thị phía Tây thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương sau đó ra kênh tiêu phía Tây Bắc thuộc hệ thống trạm bơm Chu Đậu.

2. Nội dung đề nghị cấp phép khí thải: Không có

Đặc điểm hoạt động của Trung tâm-Trụ sở chính không có nguồn phát sinh khí thải mà chỉ các các nguồn mặt tại một số phòng khoa chức năng, Trung tâm thực hiện quá trình các giải pháp vệ sinh, làm sạch tại chỗ, đảm bảo môi trường trong sạch, phù hợp với hoạt động của Trung tâm.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Môi trường tại Trụ sở chính của Trung tâm là môi trường đặc biệt cần sự yên tĩnh cho bệnh nhân, vì vậy các nguồn ồn, độ rung đều được hạn chế thấp nhất nhằm giảm tác động tới sức khỏe bệnh nhân.

- Nguồn phát sinh: Trạm xử lý nước thải.

- Tọa độ vị trí phát sinh (hệ tọa độ VN2000):

$$X(m) = 2322669 \quad Y(m)= 586434$$

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT. Cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	55	45	Không thực hiện	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	60	55	Không thực hiện	Khu vực đặc biệt

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải

4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả vật sắc nhọn) gồm:	Rắn	22.310		
	1.1. Chất thải lây nhiễm sắc, nhọn	Rắn	830	13 01 01	NH
	1.2. Chất thải lây nhiễm không sắc, nhọn	Rắn	5.950		
	1.3. Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	Rắn	15.300		
	1.4. Chất thải giải phẫu	Rắn	230		
2	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (Presept, Chloramin B; Glutaraldehyd, Xylen,...)	Rắn/Lỏng	85	13 01 02	NH
3	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Rắn/Lỏng	35	13 01 03	NH
4	Chất hàn răng amalgam thải bỏ	Rắn	1	13 01 04	NH
5	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế...)	Rắn	6	13 0 02	NH
6	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (Bóng đèn led, tắc te, bóng lưu điện,...)	Rắn	17	16 01 13	NH
7	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	28	16 01 06	NH
8	Pin, ắc quy thải	Rắn	17	16 01 12	NH
9	Bao bì dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	55	18 01 01	NH

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
10	Giẻ lau, chất hấp thụ dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	33	18 02 01	KS
11	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Rắn	1.200	12 06 05	KS
Tổng			23.875		

4.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm (tã giấy,...)	Rắn	100	13 01 05
2	Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	Rắn	05	13 01 07
3	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	400	18 01 05
4	Bao bì nhựa (Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất; vỏ chai;...)	Rắn	450	18 01 06
5	Bao bì kim loại	Rắn	01	18 01 08
6	Bao bì thủy tinh (Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất; Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;...)	Rắn	1.200	18 01 09
7	Vỏ hộp mực in, cặn mực in văn phòng	Rắn	50	08 02 06
8	Bùn thải từ hệ thống thoát nước mưa	Lỏng	1.000	12 06 13
Tổng			3.206	

4.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 77,34 tấn/năm

4.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

4.4.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a. Thiết bị lưu chứa

Thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy với dung tích từ 15 lít/thùng - 240 lít/thùng; xe thùng vận chuyển chất thải nguy hại sức chứa từ 120 lít/xe - 240 lít/xe được dán tên và mã chất thải nguy hại.

b. Kho lưu chứa

- Gồm 02 kho chứa, diện tích các kho chứa: 1 kho chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm ($15m^2$), 01 kho chứa chất thải nguy hại lây nhiễm ($15m^2$).

- Thiết kế và cấu tạo kho chứa: Nhà cấp 4, tường xây gạch, mái bằng, nền bê tông, có cửa ra vào kiểm soát, có rãnh và hố thu chất thải nguy hại dạng lỏng phòng ngừa ứng phó khi có sự cố rò rỉ, bố trí các thiết bị PCCC, vật liệu thấm hút, phía ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

Chất thải nguy hại phải được phân định, phân loại, lưu chứa, thu gom, lưu giữ, chuyển giao, báo cáo và lập hồ sơ quản lý theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Khoản 2, Điều 3 và khoản c, Điều 7 Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương Ban hành Quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

4.4.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

a. Thiết bị lưu chứa

- Chất thải y tế:

+ Trang bị thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy với dung tích từ 5 lít/thùng - 60 lít/thùng.

+ Xe thùng vận chuyển chất thải sức chứa từ 120 lít/xe - 240 lít/xe.

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Trang bị thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 60 lít/thùng.

b. Kho lưu chứa

- Chất thải y tế có thể tái chế:

+ Diện tích kho chứa: $30 m^2$.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Nhà cấp 4, xây gạch, nền bê tông, trang bị dấu hiệu cảnh báo tại kho chứa, có cửa ra vào kiểm soát.

- Chất thải sinh hoạt:

+ Diện tích kho chứa: $15 m^2$.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Nhà cấp 4, xây gạch, nền bê tông, trang bị dấu hiệu cảnh báo tại kho chứa, có cửa ra vào kiểm soát

Chất thải rắn thông thường phải được phân định, phân loại, lưu chứa, thu gom, lưu giữ, chuyển giao, báo cáo và lập hồ sơ quản lý theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

4.4.3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

Chương V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

- Trung tâm Y tế huyện Nam Sách đã được UBND tỉnh Hải Dương cấp Giấy phép môi trường số 3034/GPMT- UBND ngày 18/12/2023.

- Năm 2024 Trung tâm đã thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại giấy phép môi trường.

- Thực hiện định kỳ bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải đã được cấp phép và lấy mẫu quan trắc nước thải sau xử lý.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh thu gom xử lý năm 2023 và 2024 của Trung tâm chi tiết ở bảng sau:

TT	Tổng lượng nước phát sinh	Năm 2024	Năm 2023
1	Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh (m ³)	6.014	9.896
2	Tổng lưu lượng nước thải Y tế phát sinh (m ³)	7.733	6.597

Kết quả quan trắc môi trường: Trong nội dung Giấy phép môi trường, Trung tâm y tế huyện Nam Sách không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ. Năm 2024, trung tâm thực hiện 01 lần quan trắc nước thải y tế để kiểm soát chất lượng của hệ thống xử lý nước thải ngày 04/6/2024

Bảng 5.1. Kết quả phân tích mẫu nước thải sau xử lý tháng 6/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 28:2010/ BTNMT (Cột B) giá trị C _{max}
1	pH	-	7,0	6,5-8,5
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	24	100
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	19	100
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/l	5	50
5	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/l	0,18	10
6	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	18,64	60
7	PO ₄ ³⁻ -P)	mg/l	1,29	12
8	Sunfua (S2-)	mg/L	<0,040	4,8
9	Dầu, mỡ động thực vật	ml	<3,5	24
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α*	Bq/l	KPH	0,1

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 28:2010/ BTNMT (Cột B) giá trị C _{max}
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β*	Bq/l	KPH	1,0
12	Coliform	MPN/100ml	2800	5.000
13	Salmonella*	VK/ 100ml	KPH	KPH
14	Shigella*	VK/ 100ml	KPH	KPH
15	Vibrio cholera*	VK/ 100ml	KPH	KPH

Ghi chú:

- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, áp dụng mức B.

+ C_{max}: Nồng độ tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải.

+ C_{max} được tính toán như sau: $C_{max} = C \times K$

Trong đó: K: Hệ số tính tới quy mô, đối với Trụ sở chính < 300 giường K=1,2

Nhận xét: Tại thời điểm lấy mẫu các thông số quan trắc đều đạt quy chuẩn cho phép theo QCVN 28:2010/BTNMT, mức B giá trị C_{max} và QCVN 14:2008/BTNMT mức B giá trị C_{max}

- Trong năm 2024, hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm không xảy ra sự cố.

3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải: Không có

4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:

Lượng chất thải y tế phát sinh và được xử lý tại Trung tâm năm 2024 chi tiết tại bảng 5.2:

Bảng 5.2. Lượng chất thải y tế phát sinh và được xử lý tại Trung tâm năm 2024

TT	Loại chất thải y tế	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng chất thải phát sinh	Xử lý chất thải y tế		
					Số lượng chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý	
						Số lượng	Tên đơn vị chuyển giao
1	2	3	4	5	6	7	8
I	Tổng lượng chất thải y tế nguy hại		kg/năm	7324.5	7324.5	7324.5	

1	2	3	4	5	6	7	8
1	Tổng lượng chất thải lây nhiễm:		kg/năm	7215.5	7215.5	7215.5	
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	SN, LN	kg/năm	836.9	836.9	836.9	Cty CPCN Môi trường An Sinh
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	LN	kg/năm	5978.6	5978.6	5978.6	Cty CPCN Môi trường An Sinh
1.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	LN	kg/năm	309	309	309	Cty CPCN Môi trường An Sinh
1.4	Chất thải giải phẫu	LN	kg/năm	91	91	91	Cty CPCN Môi trường An Sinh
2	Tổng lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm, gồm:		kg/năm	109	109	109	
2.1	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng	Đ, ĐS	kg/năm	50	50	50	Cty CPCN Môi trường An Sinh
2.2	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Đ	kg/năm	3	3	3	Cty CPCN Môi trường An Sinh
2.3	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Đ	kg/năm	39	39	39	Cty CPCN Môi trường An Sinh
2.4	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân, cadimi	Đ, ĐS	kg/năm	0	0	0	
2.5	Tổng lượng chất thải nguy hại khác	Đ, ĐS, C, AM	kg/năm	17	17	17	Cty CPCN Môi trường An Sinh
II	Tổng lượng chất thải rắn thông thường		kg/năm	69550	69550	69550	HTX VSMT TT. Nam Sách
III	Chất thải tái chế		kg/năm	691	691	691	Cty Bảo Ngọc

6. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

Năm 2024, Trung tâm không có cuộc kiểm tra, thanh tra của cơ quan chức năng.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được đầu tư, Trung tâm đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và chương trình quan trắc môi trường như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải công suất 250m³/ngày.đêm

Sau khi tiếp nhận hệ thống XLNT công suất 250 m³/ngày.đêm đã được đơn vị thi công vận hành đi vào ổn định do Chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh bàn giao. Sau khi được cấp Giấy phép môi trường, Trung tâm phối hợp với Chủ chủ đầu tư lập kế hoạch và tiến hành vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày.đêm theo quy định tại Mục c, Điểm 6, Khoản 13, Điều 1 của Nghị định 05/2025/NĐ-CP. Thời gian vận hành thử nghiệm không quá 6 tháng và thực hiện quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp kể từ ngày cấp phép.

Trung tâm đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải công suất 250m³/ngày.đêm, cụ thể như sau:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Hạng mục công trình	Thời gian vận hành thử nghiệm
Hệ thống xử lý xử lý nước thải công suất 250m ³ /ngày.đêm	Thời gian tối đa không quá 6 tháng và thực hiện quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp kể từ ngày cấp phép

1.2. Kế hoạch quan trắc đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải:

TT	Vị trí lấy mẫu	Kí hiệu	Thông số	Tần suất	Thời gian
1	Hố ga thu nước thải trước hệ thống xử lý	NT1	15 chỉ tiêu theo QCVN 28:2010/ BTNMT (Cột A) giá trị C _{max}	3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	Trong thời gian vận hành thử nghiệm
2	Hố ga thu gom nước thải sau hệ thống xử lý	NT2		3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp	

Cụ thể các chỉ tiêu như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A) giá trị C_{max}
1	pH	-	6,5 - 8,5
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	30
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	50
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/l	50
5	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/l	1,0
6	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	5
7	PO ₄ ³⁻ -P)	mg/l	30
8	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	6
9	Dầu, mỡ động thực vật	ml	10
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α^*	Bq/l	0,1
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β^*	Bq/l	1,0
12	Coliform	MPN/100ml	3000
13	Salmonella*	VK/ 100ml	KPH
14	Shigella*	VK/ 100ml	KPH
15	Vibrio cholerae*	VK/ 100ml	KPH

▪ *Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch*

Đơn vị quan trắc dự kiến phối hợp thực hiện:

- Tên đơn vị: Trung tâm Quan trắc và Tài nguyên, Môi trường, thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hải Dương.

+ Địa chỉ: 159 Ngô Quyền, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Điện thoại: 0223.898198

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Theo Khoản 46 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP và Điểm b Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Trung tâm không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải và khí thải định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Theo Khoản 46 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP và Điểm a Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Trung tâm không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải và khí thải tự động, liên tục.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Không thuộc đối tượng.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm:

Không thuộc đối tượng.

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Trung tâm Y tế huyện Nam Sách khi đi vào hoạt động cam kết:

* Cam kết toàn bộ các thông tin, thông số nêu trong bản Báo cáo đề xuất cấp lại Giấy phép môi trường nêu trên là hoàn toàn chính xác, trung thực, nếu có gì sai phạm chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

* Trung tâm Y tế huyện Nam Sách cam kết thực hiện nghiêm túc các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường theo Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải chung, công suất 250 m³/ngày đêm.
- Xây dựng, lắp đặt hệ thống thông thoáng nhà khám, điều trị, cải thiện vi khí hậu trong các khu khám chữa bệnh.
- Thu gom rác thải sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất và xử lý theo quy định.
- Thu gom, lưu giữ, bảo quản và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.
- Xây dựng hệ thống PCCC hoàn chỉnh theo đúng các quy định về PCCC.
- Thường xuyên vệ sinh mặt bằng khu vực Trung tâm.
- Trồng cây xanh tại những chỗ trống để tạo cảnh quan.

* Cam kết trong quá trình hoạt động đảm bảo đạt các tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường bao gồm:

* Cam kết trong quá trình hoạt động đảm bảo đạt các tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường bao gồm:

- Môi trường không khí: Các chất ô nhiễm trong khí thải của dự án khi thải ra môi trường bảo đảm đạt các tiêu chuẩn sau:

+ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

+ Thông tư số 19/2016/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 30/9/2016 của Bộ Y tế Hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động.

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu nơi làm việc.

- Tiếng ồn: Đảm bảo độ ồn sinh ra từ quá trình lắp đặt máy móc thiết bị và hoạt động của dự án sẽ đạt các tiêu chuẩn cho phép bao gồm:

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- Độ rung: Đảm bảo độ rung sinh ra từ quá trình lắp đặt máy móc thiết bị và hoạt động của dự án sẽ đạt các quy chuẩn cho phép bao gồm:

+ QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - giá trị cho phép tại nơi làm việc.

* Nước thải: mức A giá trị $C_{\max}$ của QCVN 28:2010/BTNMT với hệ số $K = 1,2$.

* Chất thải rắn và chất thải nguy hại: Thực hiện theo Quyết định số: 32/2023/QĐ-UBND ngày 04/10/2023 của UBND tỉnh Hải Dương Ban hành Quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

PHỤ LỤC

1. Quyết định về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện Nam Sách.
2. Mảnh trích lục và đo vẽ bản đồ địa chính
3. Quyết định số 1071/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND huyện Nam Sách về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm Y tế huyện Nam Sách.
4. Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 29/9/2022 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư Dự án: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương;
5. Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương;
6. Công văn số 1484/SXD-QLXD&HTKT ngày 09/8/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Hải Dương về thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 trung tâm y tế tuyến huyện trên địa bàn tỉnh Hải Dương;
7. Quyết định 4135/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng Công trình: Cải tạo, nâng cấp Khoa khám bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Nam Sách;
8. Quyết định 3471/QĐ-UBND ngày 30/9/2008 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Công trình: Nhà Hồi sức cấp cứu, phục hồi chức năng, khoa được của Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách
9. Quyết định 290/QĐ ngày 09/10/2008 của Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Công trình: Nhà Hồi sức cấp cứu, phục hồi chức năng, khoa được của Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách
10. Quyết định 4703/QĐ-UBND ngày 18/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư Công trình: Nhà Khoa Truyền nhiễm và tường rào Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách;
11. Biên bản bàn giao công trình đưa vào khai thác sử dụng;
12. Công văn số 3185/SKHCHN-QLCN về việc ý kiến phương án công nghệ hạng mục Trạm xử lý nước thải của Trung tâm Y tế huyện Nam Sách thuộc dự án Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm thiết bị 12 Trung tâm Y tế huyện, tỉnh Hải Dương ngày 02/11/2023
13. Bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải công suất 250m³/ngày đêm;
14. Hướng dẫn vận hành, kiểm soát bảo trì- bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải công suất 250m³/ngày đêm;

15. Giấy phép môi trường số 3034/GPMT-UBND ngày 18/12/2023 của UBND tỉnh Hải Dương;
16. Chứng từ chất thải nguy hại năm 2024;
17. Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (số 2140/GP-SKHCN ngày 25/12/2024 và 1309/GP-SKHCN ngày 23/12/2022);
18. Báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế năm 2024;
19. Hợp đồng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt, chất thải tái chế;
20. Phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở năm 2024;
21. Bản sao hóa đơn tiền điện, tiền nước.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2002/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 20 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện Nam Sách

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 05/2008/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2008 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy dân số-kế hoạch hoá gia đình ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án số 03-ĐA/TU ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Tỉnh uỷ Hải Dương về sắp xếp lại tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh giai đoạn 2016-2021; Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 392/TTr-SNV ngày 19 tháng 6 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Trung tâm Y tế huyện Nam Sách (sau đây gọi tắt là Trung tâm) trực thuộc Sở Y tế trên cơ sở sáp nhập Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách, Trung tâm Y tế huyện Nam Sách và Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Nam Sách.

Điều 2. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm

1. Vị trí và chức năng của Trung tâm

a) Trung tâm Y tế huyện Nam Sách là đơn vị sự nghiệp y tế công lập, tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, trực thuộc Sở Y tế, có tư cách pháp nhân, có trụ

sở, con dấu, tài khoản riêng được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Trụ sở chính của Trung tâm: Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách (cũ);

- Cơ sở 1: Trung tâm Y tế huyện Nam Sách (cũ);

- Cơ sở 2: Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Nam Sách (cũ).

Trung tâm Y tế huyện Nam Sách chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, nhân lực, hoạt động, tài chính và cơ sở vật chất của Sở Y tế; chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của các đơn vị y tế tuyến tỉnh, Trung ương; chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách theo quy định của pháp luật.

b) Trung tâm Y tế huyện Nam Sách có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; dân số-kế hoạch hoá gia đình và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm

a) Thực hiện các hoạt động phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh không lây nhiễm, bệnh chưa rõ nguyên nhân; tiêm chủng phòng bệnh; y tế trường học; phòng, chống các yếu tố nguy cơ tác động lên sức khỏe, phát sinh, lây lan dịch, bệnh; quản lý và nâng cao sức khỏe cho người dân.

b) Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế; vệ sinh và sức khỏe lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; vệ sinh trong hoạt động mai táng, hỏa táng; giám sát chất lượng nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt và dinh dưỡng cộng đồng.

c) Thực hiện các hoạt động phòng chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn; tham gia thẩm định cơ sở đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp; tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm, phòng chống bệnh truyền qua thực phẩm; hướng dẫn, giám sát cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, ăn uống trong việc bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp.

d) Thực hiện sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo quy định của cấp có thẩm quyền và giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho các trường hợp bệnh nhân tự đến, bệnh nhân được chuyển tuyến, bệnh nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên chuyển về để tiếp tục theo dõi điều trị, chăm sóc, phục hồi chức năng; thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, chuyển tuyến theo quy định của pháp luật; khám sức khỏe và chứng nhận sức khỏe theo quy định; tham gia khám giám định y khoa, khám giám định pháp y khi được trưng cầu.

đ) Thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản và cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em;

e) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, kỹ thuật về Dân số kế hoạch hóa gia đình và truyền thông giáo dục về Dân số kế hoạch hóa gia đình trên cơ sở kế hoạch của Chỉ cục Dân số kế hoạch hóa gia đình thuộc Sở Y tế và tình hình thực tế trên địa bàn huyện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

g) Triển khai, phối hợp thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật, cung cấp dịch vụ về Dân số kế hoạch hóa gia đình theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

h) Triển khai, phối hợp thực hiện các hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động, phổ biến các sản phẩm truyền thông về Dân số kế hoạch hóa gia đình theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

i) Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm và nhu cầu của người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định.

k) Thực hiện tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về y tế; tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe về y tế, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn.

l) Chỉ đạo tuyên truyền, hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật đối với các phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã, thị trấn, y tế thôn, khu dân cư, cán bộ chuyên trách Dân số kế hoạch hóa gia đình xã, thị trấn, cộng tác viên Dân số kế hoạch hóa gia đình thôn, khu dân cư và các cơ sở y tế thuộc cơ quan, trường học, công nông trường, xí nghiệp trên địa bàn huyện.

m) Thực hiện đào tạo liên tục cho đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho đội ngũ nhân viên y tế thôn, khu dân cư, cán bộ chuyên trách Dân số kế hoạch hóa gia đình xã, thị trấn, cộng tác viên Dân số kế hoạch hóa gia đình thôn, khu dân cư và các đối tượng khác theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe và hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật.

n) Thực hiện việc cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng và tiếp nhận thuốc, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo phân cấp của Sở Y tế và quy định của pháp luật.

o) Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế ở địa phương theo phân công, phân cấp của Sở Y tế; tổ chức điều trị nghiện chất bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật; thực hiện kết hợp quân - dân y theo tình hình thực tế ở địa phương.

p) Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm và các đơn vị y tế thuộc Trung tâm theo quy định của pháp luật.

q) Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực liên quan.

r) Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo theo quy định của pháp luật.

s) Thực hiện quản lý nhân lực, tài chính, tài sản theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

t) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Sở Y tế và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giao theo quy định của pháp luật.

3. Cơ cấu tổ chức của Trung tâm

3.1. Cơ cấu tổ chức của Trung tâm bao gồm:

a) Lãnh đạo Trung tâm: Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.

b) Các phòng chức năng, gồm có: (03 phòng)

- Phòng Tổ chức - Hành chính;

- Phòng Kế hoạch - Tài chính - Điều dưỡng;

- Phòng Dân số và Phát triển.

c) Các khoa chuyên môn, gồm có: (13 khoa)

- Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS;

- Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm;

- Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản;

- Khoa Khám bệnh;

- Khoa Hồi sức cấp cứu;

- Khoa Nội tổng hợp;

- Khoa Ngoại tổng hợp;

- Khoa Nhi;

- Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng;

- Khoa Liên chuyên khoa (Răng Hàm Mặt - Mắt - Tai Mũi Họng);

- Khoa Dược- Kiểm soát nhiễm khuẩn - Trang thiết bị - Vật tư y tế;

- Khoa Truyền nhiễm;

- Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh.

d) Các đơn vị y tế trực thuộc Trung tâm: Các Trạm y tế xã, thị trấn.

3.2. Số lượng người làm việc của Trung tâm

Số lượng người làm việc của Trung tâm được xác định trên cơ sở Đề án vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế, số lượng người làm việc của Sở Y tế được cơ quan có thẩm quyền giao và phê duyệt.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Sở Y tế tiếp tục quản lý Trung tâm cho đến khi hoàn thành việc sáp nhập xong tổ chức bộ máy, sau khi có hướng dẫn cụ thể của Trung ương, bàn giao về Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách quản lý.

2. Trong thời gian thực hiện sắp xếp lại, số lượng cấp phó của Trung tâm do sáp nhập, hợp nhất có thể cao hơn quy định, nhưng khi có cấp phó nghỉ hưu hoặc điều chuyển công tác thì không được bổ sung; đồng thời phải có giải pháp điều chuyển, sắp xếp lại số lượng cấp phó trong thời hạn tối đa 3 năm kể từ ngày sáp nhập, hợp nhất. Trường hợp điều chuyển giữ chức vụ thấp hơn thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ đến hết thời hạn bổ nhiệm.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Nam Sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các đơn vị thuộc VPUBND tỉnh: KG-VX; KT; TH; Trung tâm CNTT;
- Lưu: VT, NC.Th(35b) //

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Dương Thái

Số: 977 /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 26 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Trung tâm Y tế huyện Nam Sách**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BYT ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Bộ Y tế Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 35/TTr-YT ngày 18 tháng 4 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trung tâm Y tế huyện Nam Sách như sau:

1. Về vị trí và chức năng

a) Trung tâm Y tế huyện Nam Sách là đơn vị sự nghiệp y tế công lập, tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, trực thuộc Sở Y tế, có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu, tài khoản riêng được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Trụ sở chính của Trung tâm: Số 345 đường Trần Phú, khu La Văn Cầu, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Cơ sở 1: Quốc lộ 37, khu Đồng Khê, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

- Cơ sở 2: Đường Hùng Vương, khu Nguyễn Văn Trỗi, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Trung tâm Y tế huyện Nam Sách chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp về tổ chức, nhân lực, hoạt động, tài chính và cơ sở vật chất của Sở Y tế; chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ của các đơn vị y tế, dân số tuyến tỉnh, Trung ương và chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách theo quy định của pháp luật.

b) Trung tâm Y tế huyện Nam Sách có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng, an toàn thực phẩm, dân số và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

a) Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng:

- Triển khai thực hiện các hoạt động phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS: giám sát, sàng lọc phát hiện sớm, tiêm chủng phòng bệnh, điều trị dự phòng, triển khai các biện pháp chống dịch và khắc phục hậu quả của dịch bệnh; phòng, chống yếu tố nguy cơ phát sinh, lây lan dịch, bệnh;

- Triển khai thực hiện các hoạt động phòng, chống bệnh không lây nhiễm: kiểm soát và phòng, chống các yếu tố nguy cơ, giám sát, sàng lọc phát hiện, quản lý và triển khai các biện pháp phòng, chống bệnh không lây nhiễm;

- Thực hiện các hoạt động dinh dưỡng cộng đồng, vệ sinh môi trường, y tế trường học, sức khỏe lao động, phòng, chống bệnh nghề nghiệp, tai nạn thương tích; giám sát chất lượng nước dùng cho ăn uống, sinh hoạt và bảo vệ môi trường đối với các cơ sở y tế và phòng, chống các yếu tố nguy cơ có hại cho sức khỏe theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức thực hiện khám, phân loại sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng:

- Thực hiện sơ cứu, cấp cứu;

- Thực hiện khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và phạm vi hoạt động chuyên môn được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho các trường hợp bệnh nhân tự đến, bệnh nhân được chuyển tuyến, bệnh nhân do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên chuyển về để tiếp tục theo dõi, điều trị, chăm sóc, phục hồi chức năng;

- Thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật, phẫu thuật, chuyển tuyến theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức, quản lý điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, điều trị nghiện chất khác và điều trị HIV/AIDS theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện khám giám định y khoa theo quy định của pháp luật; tham gia khám giám định pháp y khi được trưng cầu.

c) Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ về chuyên môn, kỹ thuật về chăm sóc sức khỏe sinh sản:

- Triển khai thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh và trẻ em; chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên và thanh niên; sức khỏe sinh sản nam giới và người cao tuổi;

- Thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật chuyên ngành phụ sản và biện pháp tránh thai theo quy định;

- Phòng, chống nhiễm khuẩn, ung thư đường sinh sản và các bệnh lây truyền từ cha mẹ sang con.

d) Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về an toàn thực phẩm:

- Triển khai thực hiện các hoạt động phòng chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn; điều tra, giám sát, xử lý các vụ ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm;

- Hướng dẫn, giám sát cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố trên địa bàn trong việc bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật;

- Tham gia thẩm định điều kiện của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn theo phân cấp; tham gia thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm và thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp.

đ) Thực hiện các hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về dân số:

- Triển khai thực hiện các hoạt động tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tư vấn, tầm soát, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh; dịch vụ kế hoạch hóa gia đình;

- Tổ chức thực hiện và phối hợp liên ngành trong triển khai thực hiện các hoạt động về công tác dân số nhằm điều chỉnh mức sinh, kiểm soát quy mô dân số, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

e) Thực hiện các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh và thăm dò chức năng phục vụ cho hoạt động chuyên môn, kỹ thuật theo chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm và nhu cầu của người dân; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm và an toàn bức xạ theo quy định của pháp luật.

g) Thực hiện các hoạt động dịch vụ y tế trong phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa và đáp ứng tình trạng khẩn cấp về y tế.

h) Tuyên truyền, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tổ chức các hoạt động tư vấn, giáo dục, truyền thông, vận động nhân dân tham gia các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, công tác dân số và phát triển trên địa bàn.

i) Quản lý, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ:

- Thực hiện lập hồ sơ quản lý sức khỏe người dân trên địa bàn;

- Trực tiếp quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật đối với các trạm y tế xã, thị trấn;

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hỗ trợ về chuyên môn kỹ thuật đối với các cơ sở y tế thuộc cơ quan, trường học, công nông trường, xí nghiệp trên địa bàn và đội ngũ nhân viên y tế thôn, cộng tác viên dân số.

k) Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ:

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

- Tập huấn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên y tế thôn, cộng tác viên dân số và các đối tượng khác theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương.

l) Thực hiện việc tiếp nhận, cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, phương tiện tránh thai, vắc xin, sinh phẩm y tế, hóa chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương và quy định của pháp luật.

m) Triển khai thực hiện các dự án, chương trình y tế, dân số theo quy định của cấp có thẩm quyền ở địa phương; thực hiện kết hợp quân - dân y theo đặc điểm, tình hình thực tế và theo quy định của pháp luật.

n) Thực hiện ký hợp đồng với cơ quan bảo hiểm xã hội để tổ chức khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tại Trung tâm Y tế và các đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế theo quy định của pháp luật.

o) Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; ứng dụng phát triển khoa học kỹ thuật trong hoạt động chuyên môn.

p) Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo; xây dựng, tổng hợp, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về y tế, dân số theo quy định của pháp luật.

q) Thực hiện quản lý nhân lực, tài chính, tài sản theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

r) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Sở Y tế và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách giao.

3. Cơ cấu tổ chức

a) Lãnh đạo Trung tâm: Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

b) Các phòng chức năng thuộc Trung tâm Y tế, gồm có: (05 phòng)

- Phòng Tổ chức - Hành chính;

- Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ (bao gồm cả lĩnh vực quản lý chất lượng, công tác xã hội);

- Phòng Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe;

- Phòng Điều dưỡng;

- Phòng Tài chính - Kế toán.

c) Các Khoa chuyên môn thuộc Trung tâm Y tế, gồm có: (15 khoa)

- Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS - Tư vấn và điều trị nghiện chất;

- Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm;

- Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản;

- Khoa Khám bệnh;

- Khoa Cấp cứu - Hồi sức tích cực và Chống độc;

- Khoa Nội;

- Khoa Ngoại- Phẫu thuật - Gây mê hồi sức;

- Khoa Nhi;
 - Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng;
 - Khoa Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng;
 - Khoa Xét nghiệm;
 - Khoa Chẩn đoán hình ảnh;
 - Khoa Truyền nhiễm;
 - Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn;
 - Khoa Dược - Trang thiết bị - Vật tư y tế.
- d) Các đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế
- Các Trạm Y tế xã, thị trấn.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.
2. Bãi bỏ Điều 2, Điều 3 Quyết định số 2002/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện Nam Sách.

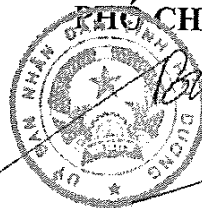
Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Y tế, Nội vụ, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nam Sách; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Nam Sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Bộ Y tế;
 - Thường trực Tỉnh uỷ;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Trung tâm CNTT-VPUBND tỉnh;
 - Lưu: VT, NC-KSTTHC (03b)
- } (để báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lưu Văn Bản

MẢNH TRÍCH LỤC VÀ ĐO VẼ BỔ SUNG BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG ĐẤT: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NAM SÁCH

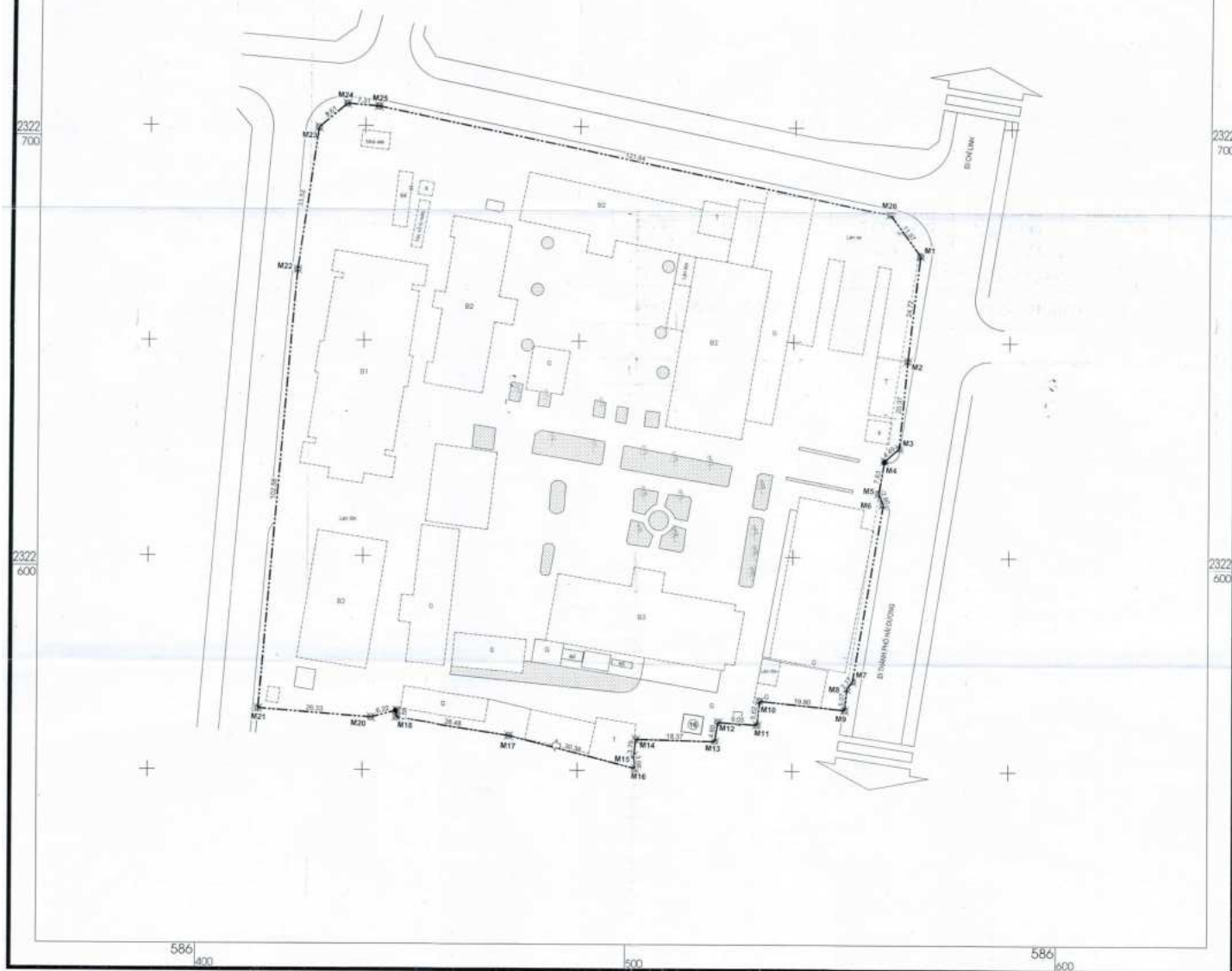
HỆ TOẠ ĐỘ VN - 2000 KHU VỰC THỊ TRẤN NAM SÁCH

(tài liệu phục vụ lập quy hoạch chi tiết xây dựng)

DỰ ÁN: ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NAM SÁCH

ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN NAM SÁCH - HUYỆN NAM SÁCH - TỈNH HẢI DƯƠNG

TỶ LỆ 1:500



TỶ LỆ 1:500
0 10 20 30 40 50m
1cm trên bản đồ bằng 5,0 m ngoài thực địa



Chỉ giới xây dựng - S=18.593,3 (m²)

Ranh giới quy hoạch - S=18.722,8 (m²)

Đ. M1 18.22

Mốc, số hiệu mốc, chiều dài

(18722,8)

Diện tích thực hiện dự án

Tổng diện tích đất thực hiện dự án quy hoạch TTYT: 18722,8 m²

BẢNG THÔNG KÊ TỌA ĐỘ

STT	Tọa độ VN 2000 KT 105 30		K/C(m)
	X (m)	Y (m)	
M1	2322677,06	586575,64	
M2	2322652,37	586574,40	
M3	2322532,01	586573,83	24,72
M4	2322628,84	586570,65	20,37
M5	2322621,25	586569,85	4,49
M6	2322618,73	586571,06	7,63
M7	2322577,06	586566,78	2,80
M8	2322575,26	586565,57	41,89
M9	2322570,19	586565,42	2,17
M10	2322570,99	586545,64	5,07
M11	2322565,38	586545,39	19,80
M12	2322565,45	586536,34	5,62
M13	2322560,87	586535,89	9,05
M14	2322560,18	586517,53	4,60

BẢNG THÔNG KÊ TỌA ĐỘ

STT	Tọa độ VN 2000 KT 105 30		K/C(m)
	X (m)	Y (m)	
M14	2322560,18	586517,53	
M15	2322556,40	586517,30	3,79
M16	2322553,57	586517,78	3,06
M17	2322559,03	586487,91	30,38
M18	2322561,49	586461,54	26,48
M19	2322563,07	586461,52	1,58
M20	2322561,08	586455,63	6,22
M21	2322561,46	586429,30	26,33
M22	2322664,02	586431,46	102,58
M23	2322697,43	586434,07	33,52
M24	2322703,39	586440,28	8,61
M25	2322703,24	586447,60	7,31
M26	2322686,18	586568,04	121,64
M1	2322677,06	586575,64	11,87

ĐƠN VỊ ĐO ĐẠC Ngày tháng năm 2023	UBND THỊ TRẤN NAM SÁCH Ngày tháng năm 2023	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NAM SÁCH Ngày tháng năm 2023	PHÒNG TNMT HUYỆN NAM SÁCH Ngày tháng năm 2023
 GIÁM ĐỐC NGUYỄN VĂN HÒA	 CHỦ TỊCH NGUYỄN HỮU HÙNG	 GIÁM ĐỐC BÙI THỊ THANH	 PHÓ TRƯỞNG PHÒNG VƯƠNG THANH CHIẾN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH**

Số: 1071 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nam Sách, ngày 15 tháng 05 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng
Trung tâm y tế huyện Nam Sách**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 31/12/2019 về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ xây dựng ban hành quy chuẩn Việt Nam 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng V/v: Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Hải Dương "Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Hải Dương";

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 88/TTr-KT&HT, ngày 15 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm y tế huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương do Công ty TNHH Kiến trúc Hàn Việt lập, phòng Kinh tế và Hạ tầng thẩm định với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm y tế huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

2. Chủ đầu tư: Trung tâm y tế huyện Nam Sách.

3. Vị trí khu đất quy hoạch: Thị trấn Nam Sách.

- Phía Bắc, phía Tây giáp đường đô thị phía Tây Nam Sách.
- Phía phía Đông, giáp đường trung tâm thị trấn Nam Sách.
- Phía Nam giáp khu dân cư.

4. Tổng diện tích điều chỉnh quy hoạch: 18.772,8 m²

Trong đó

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)
I	Đã được phê duyệt QH tại QĐ số 2382/QĐ-UBND ngày 17/6/2021	
1	Đất xây dựng công trình	5.357,3
2	Đất giao thông, sân bãi	8.860,1
3	Đất bồn hoa, cây xanh	3.720,5
4	Đất mặt nước	655,4
5	Đất lưu không đường	129,5
Tổng diện tích		18.722,8
I	Nay điều chỉnh quy hoạch chi tiết	
1	Đất xây dựng công trình	5.218,7
2	Đất giao thông, sân bãi	7.782,6
3	Đất bồn cây xanh + Mặt nước	5.592,0
4	Đất lưu không đường	129,5
Tổng diện tích		18.722,8

5. Dự toán kinh phí lập quy hoạch

- Chi phí lập quy hoạch điều chỉnh tỷ lệ 1/500: 45.740.000 đồng;
- Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch: 13.859.000 đồng;
- Thuế VAT: 5.960.000 đồng;
- Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch: 2.772.000 đồng;
- Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch: 5.626.000 đồng;
- Chi phí quản lý quy hoạch: 4.848.000 đồng;
- Chi phí công bố quy hoạch: 5.000.000 đồng;
- Tổng : 83.805.000 đồng.**

(Bằng chữ: Tám mươi ba triệu, tám trăm lẻ lăm nghìn đồng).

6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật: Theo quy hoạch chi tiết đi kèm do Công ty TNHH Kiến trúc Hàn Việt lập.

Điều 2. Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn thiết kế căn cứ các quy định tại Điều 1 để triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Nam Sách và Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

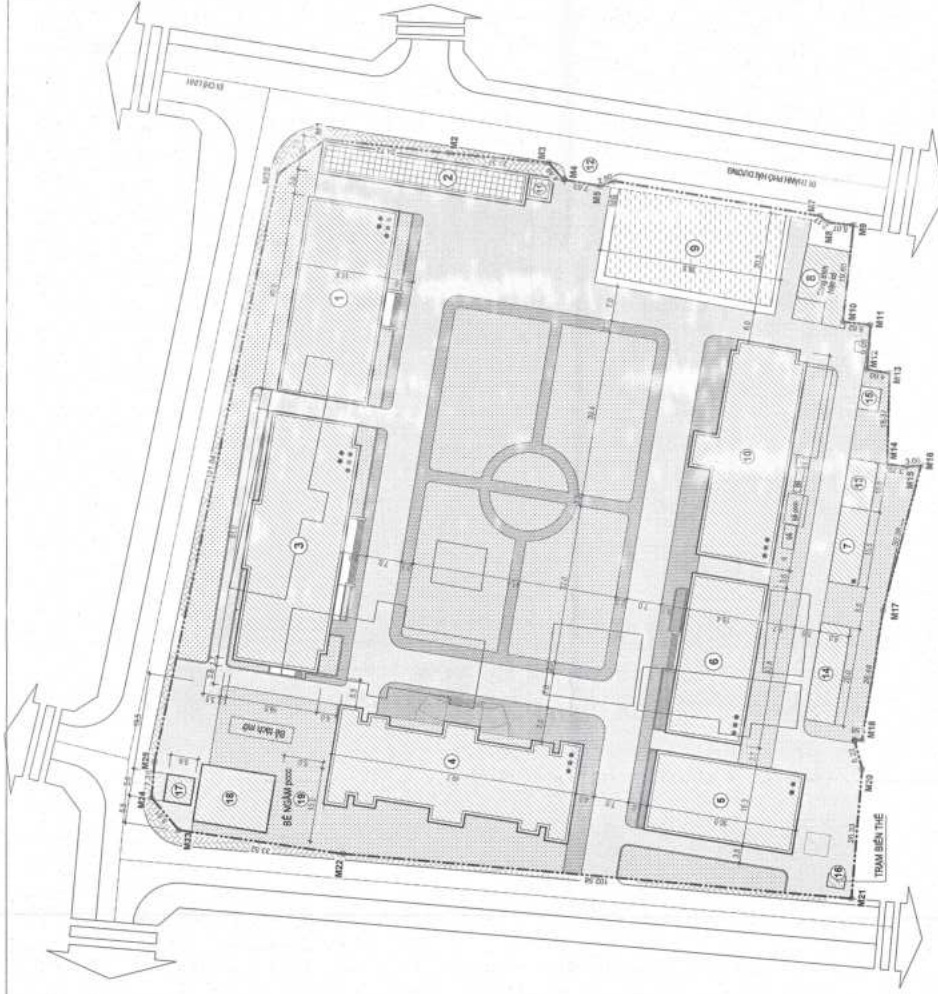
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.



ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT



BẢNG CƠ CẤU PHÂN BỐ SỬ DỤNG ĐẤT

KÝ HIỆU	LOẠI ĐẤT	ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH LẦN 1 (TTHQ/2021)				ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH LẦN 2				TỔNG
		DIỆN TÍCH (m ²)	TẦNG CAO TB	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (m ²)	TẦNG CAO TB	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)	
A	ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN	18.883,3		100	18.883,3		100	18.883,3		18.883,3
1	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	1.587,3	4	8,4	1.587,3	4	8,4	1.587,3	8,4	1.587,3
2	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	1.881,1		9,9	1.881,1		9,9	1.881,1	9,9	1.881,1
3	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	3.725,1		19,7	3.725,1		19,7	3.725,1	19,7	3.725,1
4	ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH	1.881,1		9,9	1.881,1		9,9	1.881,1	9,9	1.881,1
	TỔNG DIỆN TÍCH							18.722,8		18.722,8

GHI CHÚ

- CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
- ĐƯỜNG BÊ TÔNG ASPHALT
- ĐƯỜNG BÊ TÔNG ASPHALT
- VIA HẸ
- CÁI XANH
- MẶT NƯỚC
- CHỈ DẪN XÂY DỰNG - XÂY DỰNG XÂY DỰNG
- PHẠM VI QUY HOẠCH
- PHẠM VI QUY HOẠCH

GHI CHÚ

- 1. NHÀ CHỖ KHÁM BỆNH
- 2. NHÀ XE ĐẠP XE MÁY
- 3. NHÀ NGỒN LỬN
- 4. NHÀ ĐỂ TẢI
- 5. NHÀ TRƯỞNG NHẬN
- 6. NHÀ HẸM CHỜ
- 7. NHÀ XE ĐẠP XE MÁY
- 8. NHÀ XE ĐẠP XE MÁY
- 9. NHÀ XE ĐẠP XE MÁY
- 10. NHÀ XE ĐẠP XE MÁY
- 11. NHÀ XE ĐẠP XE MÁY
- 12. NHÀ XE ĐẠP XE MÁY
- 13. NHÀ XE ĐẠP XE MÁY
- 14. NHÀ XE ĐẠP XE MÁY
- 15. NHÀ XE ĐẠP XE MÁY
- 16. NHÀ XE ĐẠP XE MÁY
- 17. NHÀ XE ĐẠP XE MÁY
- 18. NHÀ XE ĐẠP XE MÁY
- 19. NHÀ XE ĐẠP XE MÁY



CƠ QUAN THÊ DUYỆT

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH

HỒ NGỌC LAM

CƠ QUAN THÊ DUYỆT

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN MẠNH

CƠ QUAN THÊ DUYỆT

UBND THỊ TRẤN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN MẠNH

CƠ QUAN THÊ DUYỆT

PHÒNG TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG H. NAM SÁCH

CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN MẠNH

CƠ QUAN THÊ DUYỆT

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN MẠNH

CƠ QUAN THÊ DUYỆT

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT

XÂY DỰNG TRUNG TÂM Y TẾ

HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500

TÊN BẢN VẼ

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

CHỦ TRÌ

KTS. HÀ QUỐC BÌNH

THIẾT KẾ

KTS. HÀ QUỐC BÌNH

THẺ HẸN

KTS. HOÀNG NGỌC HẢI

Kiểm tra

KTS. PHẠM VĂN HẢI

Giám đốc

KTS. PHẠM VĂN HẢI

TH. 10/2021

KÝ HIỆU

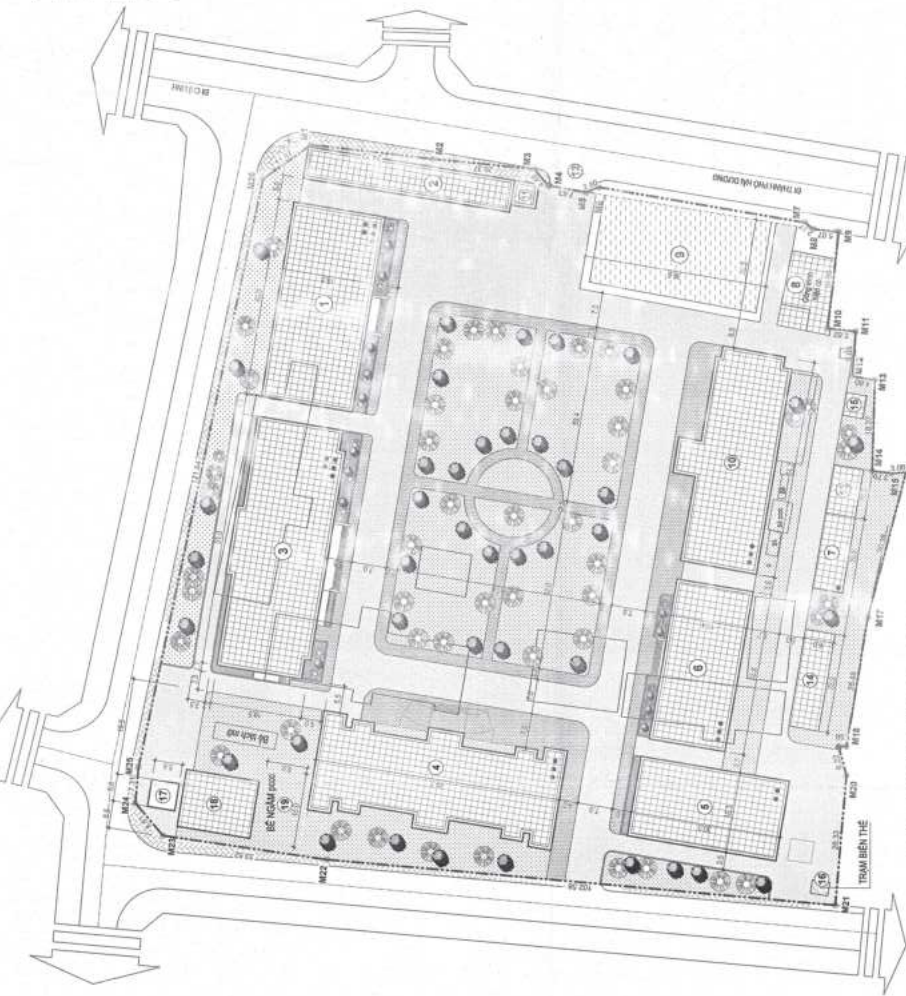
QH - 02

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC HÀN VIỆT

Số 01/2021

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC CẢNH QUAN



CHỈ TIÊU QUY HOẠCH

STT	LOẠI BÁT	DIỆN TÍCH (M ²)	TỶ LỆ (%)
1	BÁT THỰC HIỆN DỰ ÁN	18.893,3	100
2	BÁT MẶT ĐƯỜNG CÔNG TRÌNH	8.212,7	26,1
3	BÁT QUÂN TỌA ĐỘ SÀN BÀ	1.702,8	41,9
4	BÁT CÂY XANH + MẶT NƯỚC	5.982,2	30,9
5	BÁT LƯU KINH ĐƯỜNG	125,5	
TỔNG DIỆN TÍCH		18.722,8	102

GHI CHÚ

CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
MẶT ĐƯỜNG BÊ TÔNG
SÀN LƯT SẠCH
BƯỚC LÊN TẦNG
BƯỚC LÊN TẦNG
CÂY XANH
MẶT NƯỚC
CHỈ DẪN XÂY DỰNG
MẶT ĐƯỜNG XÂY DỰNG

GHI CHÚ

1	PHÂN KHU VỰC BÊN	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
2	LƯỚI LƯỚI ĐƯỜNG BÊ TÔNG	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
3	PHÂN KHU VỰC BÊN	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
4	PHÂN KHU VỰC BÊN	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
5	PHÂN KHU VỰC BÊN	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
6	PHÂN KHU VỰC BÊN	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
7	PHÂN KHU VỰC BÊN	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
8	PHÂN KHU VỰC BÊN	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
9	PHÂN KHU VỰC BÊN	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
10	PHÂN KHU VỰC BÊN	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
11	PHÂN KHU VỰC BÊN	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
12	PHÂN KHU VỰC BÊN	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
13	PHÂN KHU VỰC BÊN	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
14	PHÂN KHU VỰC BÊN	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
15	PHÂN KHU VỰC BÊN	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
16	PHÂN KHU VỰC BÊN	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
17	PHÂN KHU VỰC BÊN	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
18	PHÂN KHU VỰC BÊN	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
19	PHÂN KHU VỰC BÊN	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

CÔNG TRÌNH ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

KY HẸU	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH THEO CHỈ ĐƯỢC PHÉ DUYỆT (M ²)	DIỆN TÍCH CHỈ ĐƯỢC PHÉ DUYỆT (M ²)	TẦNG CAO	TẦNG CAO	TẦNG CAO	DIỆN TÍCH CHỈ ĐƯỢC PHÉ DUYỆT (M ²)	DIỆN TÍCH CHỈ ĐƯỢC PHÉ DUYỆT (M ²)	DIỆN TÍCH CHỈ ĐƯỢC PHÉ DUYỆT (M ²)
1	PHÂN KHU VỰC BÊN	208,8	208,8	1	1	1	208,8	208,8	208,8
2	LƯỚI LƯỚI ĐƯỜNG BÊ TÔNG	845,3	845,3	1	1	1	845,3	845,3	845,3
3	PHÂN KHU VỰC BÊN	855,1	855,1	1	1	1	855,1	855,1	855,1
4	PHÂN KHU VỰC BÊN	208,8	208,8	1	1	1	208,8	208,8	208,8
5	PHÂN KHU VỰC BÊN	208,8	208,8	1	1	1	208,8	208,8	208,8
6	PHÂN KHU VỰC BÊN	82,4	82,4	1	1	1	82,4	82,4	82,4
7	PHÂN KHU VỰC BÊN	23,7	23,7	1	1	1	23,7	23,7	23,7
8	PHÂN KHU VỰC BÊN	314,4	314,4	1	1	1	314,4	314,4	314,4
9	PHÂN KHU VỰC BÊN	314,4	314,4	1	1	1	314,4	314,4	314,4
10	PHÂN KHU VỰC BÊN	314,4	314,4	1	1	1	314,4	314,4	314,4

CÔNG TRÌNH GIỮ NGUYÊN HIỆN TRẠNG

KY HẸU	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH CHỈ ĐƯỢC PHÉ DUYỆT (M ²)	DIỆN TÍCH CHỈ ĐƯỢC PHÉ DUYỆT (M ²)	TẦNG CAO	TẦNG CAO	TẦNG CAO	DIỆN TÍCH CHỈ ĐƯỢC PHÉ DUYỆT (M ²)	DIỆN TÍCH CHỈ ĐƯỢC PHÉ DUYỆT (M ²)	DIỆN TÍCH CHỈ ĐƯỢC PHÉ DUYỆT (M ²)
1	PHÂN KHU VỰC BÊN	1077,8	1077,8	1	1	1	1077,8	1077,8	1077,8
2	PHÂN KHU VỰC BÊN	450	450	1	1	1	450	450	450
3	PHÂN KHU VỰC BÊN	102,2	102,2	1	1	1	102,2	102,2	102,2
4	PHÂN KHU VỰC BÊN	718	718	1	1	1	718	718	718
5	PHÂN KHU VỰC BÊN	18,3	18,3	1	1	1	18,3	18,3	18,3
6	PHÂN KHU VỰC BÊN	18,3	18,3	1	1	1	18,3	18,3	18,3
7	PHÂN KHU VỰC BÊN	18,3	18,3	1	1	1	18,3	18,3	18,3
8	PHÂN KHU VỰC BÊN	18,3	18,3	1	1	1	18,3	18,3	18,3
9	PHÂN KHU VỰC BÊN	18,3	18,3	1	1	1	18,3	18,3	18,3
10	PHÂN KHU VỰC BÊN	18,3	18,3	1	1	1	18,3	18,3	18,3



CƠ QUAN PHÉ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN TÙNG

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN TÙNG

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN TÙNG

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN TÙNG

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN TÙNG

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN TÙNG

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN TÙNG

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN TÙNG

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN TÙNG

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN TÙNG

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN TÙNG

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN TÙNG

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN TÙNG

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN TÙNG

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN TÙNG

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN TÙNG

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN TÙNG

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HUYỆN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN TÙNG

01	HÀM NGON NHƯ MÈ
02	LÀM BÉ DẠY TÔI MÀY
03	NHÀ NGƯỜI SẴN
04	NHÀ ĐUỐI TÔI
05	NGƯỜI TRÊN NƯỚC
06	NHÀ TRÊN CHÂN
07	NHÀ NGƯỜI CHƠI NGƯỜI
08	NHÀ ĐINH ĐUỐI
09	HỒI NHƯ CÁ
10	NHÀ ĐỒC, NHÀ ĐUỐI
11	NHÀ MÀO VỆ
12	CONG
13	NHÀ BÉ CHẴN DÔNG
14	NHÀ BÉ BẮC
15	TRAM BOM ĐỒC
16	TRAM BƠM THỂ
17	NHÀ SÀN THÉ
18	KHOA LƯU LƯU THÁI
19	MÈ ĐỒC

[illegible]

PHI CHỤ

	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
	SÀN CHỐNG BÊ TÔNG
	SÀN LÁT GẠCH
	CHỐNG BÊ TÔNG ASPHALT
	VÁCH
	CÂY XANH
	MẶT NƯỚC
	CHỐNG XÂY DỰNG - BÊ TÔNG
	TRANG TRÍ QUẢ KHU

PHI CHỤ 1/100

Figure 1 shows a cross-section of a road with a total width of 10.0m. The road is divided into two lanes, each 5.0m wide. On the left side, there is a 1.4m wide shoulder with a tree. On the right side, there is a 7.8m wide shoulder with a tree. The road is labeled 'ROAD' and 'SHOULDER'.

MAY CAT 3-3

MẬT CÁT 2-2

MẶT CẮT 1-1

α



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
NGÀY THIẾT LẬP: 28/01/2018

Kêu theo họ tên số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____
 CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TANG HUYỆN NAM SÁCH

CƠ QUAN SỞ TẠI
UBND THỊ TRẤN NAM SÁCH

CHỖ TỊCH

CƠ QUAN THỎA THUẬN

THƯỜNG PHÓN

CHỖ ĐẶT TỰ:
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NAM SÁCH

CÔNG TRÌNH

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT
XÂY DỰNG TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500

TÊN BẠN VÉ

**BẢN ĐỒ QUY HOẠCH
GIAO THÔNG, CẨM MỘC**

cuối trại	đến 1 giờ sáng hôm sau
-----------	------------------------

Year	Number of cases
1990	10
1991	15
1992	20
1993	25
1994	30
1995	35
1996	40
1997	45
1998	50
1999	55
2000	60
2001	65
2002	70
2003	75
2004	80
2005	85
2006	90
2007	95
2008	100
2009	105
2010	110
2011	115
2012	120
2013	125
2014	130
2015	135
2016	140
2017	145
2018	150
2019	155
2020	160
2021	165
2022	170
2023	175
2024	180
2025	185
2026	190
2027	195
2028	200
2029	205
2030	210
2031	215
2032	220
2033	225
2034	230
2035	235
2036	240
2037	245
2038	250
2039	255
2040	260
2041	265
2042	270
2043	275
2044	280
2045	285
2046	290
2047	295
2048	300
2049	305
2050	310
2051	315
2052	320
2053	325
2054	330
2055	335
2056	340
2057	345
2058	350
2059	355
2060	360
2061	365
2062	370
2063	375
2064	380
2065	385
2066	390
2067	395
2068	400
2069	405
2070	410
2071	415
2072	420
2073	425
2074	430
2075	435
2076	440
2077	445
2078	450
2079	455
2080	460
2081	465
2082	470
2083	475
2084	480
2085	485
2086	490
2087	495
2088	500
2089	505
2090	510
2091	515
2092	520
2093	525
2094	530
2095	535
2096	540
2097	545
2098	550
2099	555
2100	560

THIẾT KẾ	KS. LÊ TRUNG KIẾN
----------	-------------------

1998-1999	1999-2000
-----------	-----------

1515

UNIVERSITY OF CAMBRIDGE

TL-1500	HT (2023)	KV
---------	-----------	----

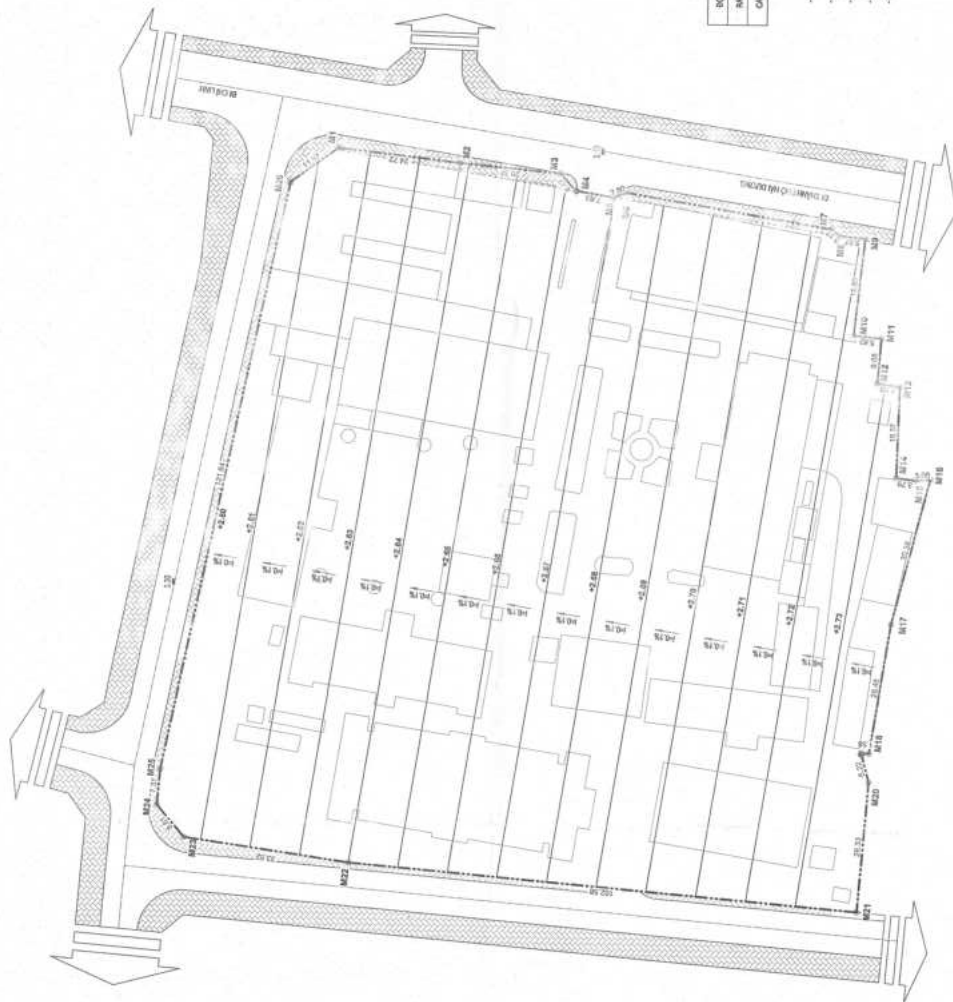
[illegible]

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC HÀN VIỆT

1000-0000

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH ĐỘ DỐC SAN NỀN



HỆ THỐNG KÝ HẸU VÀ BỊ CHỖ

SỐ ĐỐC SAN NỀN	ĐỘ DỐC
TAM GIỚI THIẾT KẾ SAN LẬP (TAM GIỚI ĐỢP)	-2.50
CAO ĐỘ ĐƯỜNG ĐỒNG ĐỐC THIẾT KẾ	-2.50

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

- MÀN LƯỚI THÉO HƯỚNG NẠP ĐƯỜNG ĐỒNG ĐỐC THIẾT KẾ
- SÀN NHÀ BÊ TÔNG CẮT BỀN ĐỀU CHỖ 16x16x0.00C + 1%
- CHẾO CAO NHÀ TRẠNG TRẠNG BÀN 16x16x0.00C + 1%
- CHẾO CAO SAN LẬP TRUNG BÀN 16x16x0.00C + 1%
- HƯỚNG ĐỐC THIẾT KẾ ĐỐC VỀ NHÀ BÊ BÊ ĐƯỢC



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
ĐƠN VỊ: 01/2023/UBND/H. NS

CHỖ TỊCH
NGUYỄN VĂN HÙNG

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN NAM SÁCH
ĐƠN VỊ: 01/2023/UBND/H. NS

CHỖ TỊCH
NGUYỄN VĂN HÙNG

CƠ QUAN ĐÓNG
UBND THỊ TRẤN NAM SÁCH
ĐƠN VỊ: 01/2023/UBND/H. NS

CHỖ TỊCH
NGUYỄN VĂN HÙNG

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
PHÒNG TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG H. NAM SÁCH
ĐƠN VỊ: 01/2023/UBND/H. NS

CHỖ TỊCH
NGUYỄN VĂN HÙNG

CƠ QUAN ĐÓNG
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NAM SÁCH
ĐƠN VỊ: 01/2023/UBND/H. NS

CHỖ TỊCH
NGUYỄN VĂN HÙNG

CÔNG TRÌNH
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT
XÂY DỰNG TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500

TÊN BẢN VẼ
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH
ĐỘ DỐC SAN NỀN

CHỦ TỊCH
KTS. LÊ TRUNG KIẾN
THIẾT KẾ
KTS. LÊ TRUNG KIẾN
THIẾT KẾ
KTS. HOÀNG NGỌC HẢI
KIỂM TRA
KTS. PHẠM VĂN HẢI
QUẢN LÝ
KTS. PHẠM VĂN HẢI

CHỖ TỊCH
NGUYỄN VĂN HÙNG

CHỖ TỊCH
NGUYỄN VĂN HÙNG

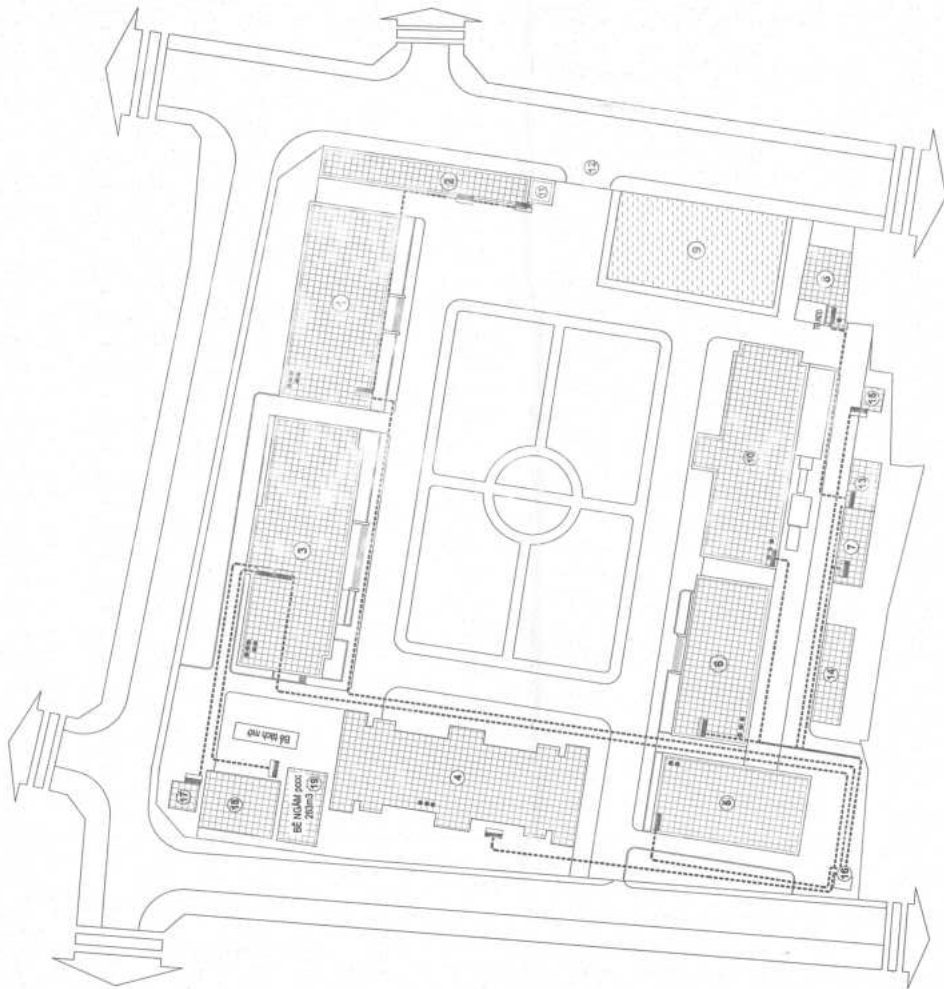
CHỖ TỊCH
NGUYỄN VĂN HÙNG

CHỖ TỊCH
NGUYỄN VĂN HÙNG

CHỖ TỊCH
NGUYỄN VĂN HÙNG

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN



GHỊ CHÚ

- 1 NHÀ ĐƠN KINH DOANH
- 2 NHÀ ĐƠN KINH DOANH
- 3 NHÀ ĐƠN KINH DOANH
- 4 NHÀ ĐƠN KINH DOANH
- 5 NHÀ ĐƠN KINH DOANH
- 6 NHÀ ĐƠN KINH DOANH
- 7 NHÀ ĐƠN KINH DOANH
- 8 NHÀ ĐƠN KINH DOANH
- 9 NHÀ ĐƠN KINH DOANH
- 10 NHÀ ĐƠN KINH DOANH
- 11 NHÀ ĐƠN KINH DOANH
- 12 NHÀ ĐƠN KINH DOANH
- 13 NHÀ ĐƠN KINH DOANH
- 14 NHÀ ĐƠN KINH DOANH
- 15 NHÀ ĐƠN KINH DOANH
- 16 NHÀ ĐƠN KINH DOANH
- 17 NHÀ ĐƠN KINH DOANH
- 18 NHÀ ĐƠN KINH DOANH

CHỮ THÍCH

TỔ ĐƠN KINH DOANH HẠ THẺ TỔNG TỰ ĐƠN CÁC NHÀ MẠC.
CẤP ĐIỆN ĐƯỢC LƯU LƯU TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500.
TỔ ĐƠN CÁC NHÀ MẠC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500.
TỔ ĐƠN CÁC NHÀ MẠC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500.
TỔ ĐƠN CÁC NHÀ MẠC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500.



CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
CHỦ TỊCH
HỒ NGỌC LÂM

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN NAM SÁCH
CHỦ TỊCH
TRẦN VĂN THỊNH

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
UBND THỊ TRẤN NAM SÁCH
CHỦ TỊCH
NGUYỄN VĂN BỈNH

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
PHÒNG TÀI CHÍNH HUYỆN NAM SÁCH
CHỦ TỊCH
TRẦN VĂN THỊNH

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NAM SÁCH
CHỦ TỊCH
TRẦN VĂN THỊNH

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
XÂY DỰNG TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500
CHỦ TỊCH
TRẦN VĂN THỊNH

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH
HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN
CHỦ TỊCH
TRẦN VĂN THỊNH

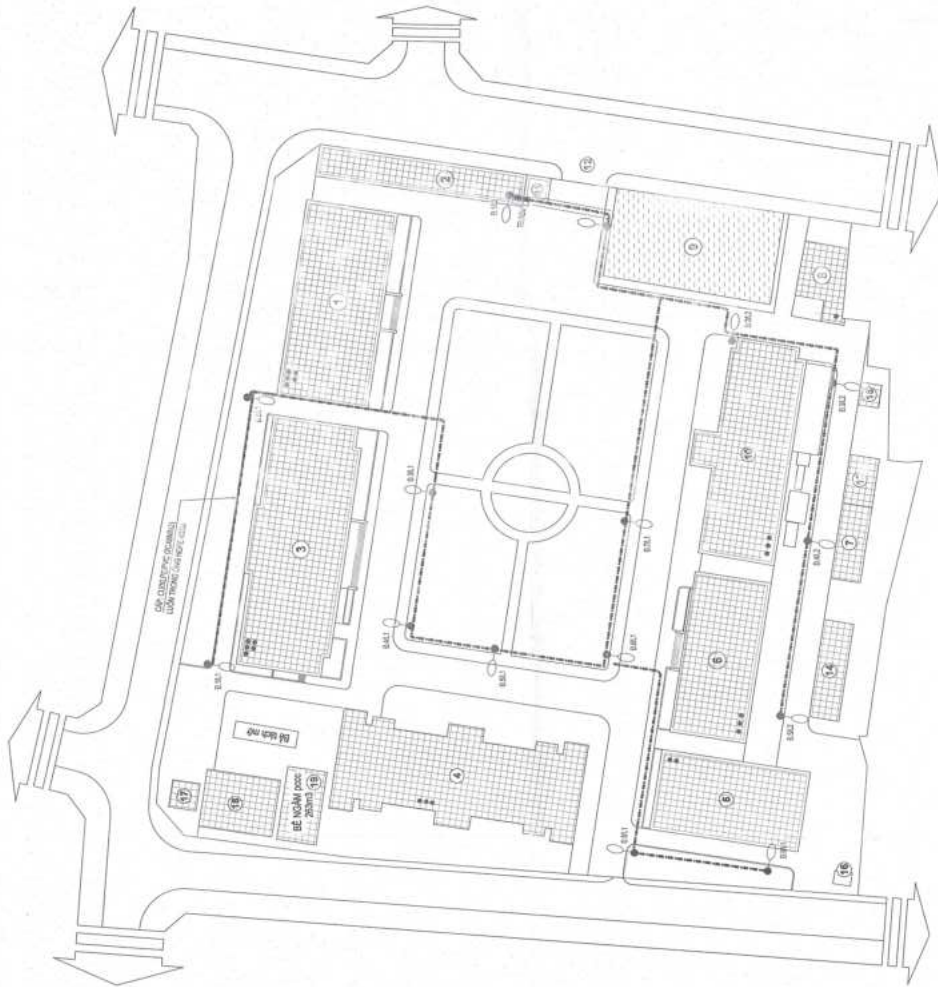
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
KTS. TRẦN VĂN THỊNH
KTS. TRẦN VĂN THỊNH
KTS. TRẦN VĂN THỊNH
KTS. TRẦN VĂN THỊNH

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
KTS. TRẦN VĂN THỊNH
KTS. TRẦN VĂN THỊNH
KTS. TRẦN VĂN THỊNH
KTS. TRẦN VĂN THỊNH

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC HÀN VIỆT
ĐẠO CHỈ SỞ HẠ TẦNG - KINH DOANH - NHÀ MẠC
BỘ KẾT: 2008

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG



GHI CHÚ

- 1 NHÀ DẠNG HÌNH NHƯ
- 2 LƯỚI SẴN SẴN KẸ BÁT
- 3 NHÀ NGUYỄN SẴN
- 4 NHÀ DẠNG NHƯ
- 5 NHÀ TRUYỀN NHƯ
- 6 NHÀ DẠNG NHƯ
- 7 NHÀ DẠNG NHƯ
- 8 NHÀ DẠNG NHƯ
- 9 NHÀ DẠNG NHƯ
- 10 NHÀ DẠNG NHƯ
- 11 NHÀ DẠNG NHƯ
- 12 NHÀ DẠNG NHƯ
- 13 NHÀ DẠNG NHƯ
- 14 NHÀ DẠNG NHƯ
- 15 NHÀ DẠNG NHƯ
- 16 NHÀ DẠNG NHƯ
- 17 NHÀ DẠNG NHƯ
- 18 NHÀ DẠNG NHƯ

CHỈ THÍCH

- ĐƯỜNG DẪN VÀO CÔT THIỆT BÁT CÁC CẠNH CÁC LƯỚI CÁC LƯỚI
- ĐƯỜNG DẪN VÀO CÔT THIỆT BÁT CÁC CẠNH CÁC LƯỚI CÁC LƯỚI
- ĐƯỜNG DẪN VÀO CÔT THIỆT BÁT CÁC CẠNH CÁC LƯỚI CÁC LƯỚI
- ĐƯỜNG DẪN VÀO CÔT THIỆT BÁT CÁC CẠNH CÁC LƯỚI CÁC LƯỚI



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN THƯỜNG
CHỨC VỤ: CHỦ TỊCH
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ: NGUYỄN VĂN THƯỜNG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN THƯỜNG
CHỨC VỤ: CHỦ TỊCH
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ: NGUYỄN VĂN THƯỜNG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN THƯỜNG
CHỨC VỤ: CHỦ TỊCH
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ: NGUYỄN VĂN THƯỜNG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN THƯỜNG
CHỨC VỤ: CHỦ TỊCH
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ: NGUYỄN VĂN THƯỜNG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN THƯỜNG
CHỨC VỤ: CHỦ TỊCH
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ: NGUYỄN VĂN THƯỜNG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN THƯỜNG
CHỨC VỤ: CHỦ TỊCH
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ: NGUYỄN VĂN THƯỜNG

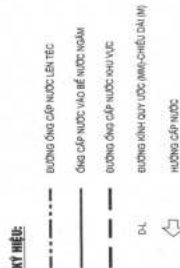
CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN THƯỜNG
CHỨC VỤ: CHỦ TỊCH
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ: NGUYỄN VĂN THƯỜNG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN THƯỜNG
CHỨC VỤ: CHỦ TỊCH
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ: NGUYỄN VĂN THƯỜNG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN THƯỜNG
CHỨC VỤ: CHỦ TỊCH
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ: NGUYỄN VĂN THƯỜNG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN THƯỜNG
CHỨC VỤ: CHỦ TỊCH
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ: NGUYỄN VĂN THƯỜNG

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG CẤP NƯỚC



GHI CHÚ	
1	NAH OYCA NHAN NGON
2	NAH NGON NHAN NGON
3	NAH NGON NHAN NGON
4	NAH NGON NHAN NGON
5	NAH NGON NHAN NGON
6	NAH NGON NHAN NGON
7	NAH NGON NHAN NGON
8	NAH NGON NHAN NGON
9	NAH NGON NHAN NGON
10	NAH NGON NHAN NGON
11	NAH NGON NHAN NGON
12	NAH NGON NHAN NGON
13	NAH NGON NHAN NGON
14	NAH NGON NHAN NGON
15	NAH NGON NHAN NGON
16	NAH NGON NHAN NGON
17	NAH NGON NHAN NGON
18	NAH NGON NHAN NGON
19	NAH NGON NHAN NGON
20	NAH NGON NHAN NGON
21	NAH NGON NHAN NGON
22	NAH NGON NHAN NGON
23	NAH NGON NHAN NGON
24	NAH NGON NHAN NGON
25	NAH NGON NHAN NGON
26	NAH NGON NHAN NGON
27	NAH NGON NHAN NGON
28	NAH NGON NHAN NGON
29	NAH NGON NHAN NGON
30	NAH NGON NHAN NGON
31	NAH NGON NHAN NGON
32	NAH NGON NHAN NGON
33	NAH NGON NHAN NGON
34	NAH NGON NHAN NGON
35	NAH NGON NHAN NGON
36	NAH NGON NHAN NGON
37	NAH NGON NHAN NGON
38	NAH NGON NHAN NGON
39	NAH NGON NHAN NGON
40	NAH NGON NHAN NGON
41	NAH NGON NHAN NGON
42	NAH NGON NHAN NGON
43	NAH NGON NHAN NGON
44	NAH NGON NHAN NGON
45	NAH NGON NHAN NGON
46	NAH NGON NHAN NGON
47	NAH NGON NHAN NGON
48	NAH NGON NHAN NGON
49	NAH NGON NHAN NGON
50	NAH NGON NHAN NGON
51	NAH NGON NHAN NGON
52	NAH NGON NHAN NGON
53	NAH NGON NHAN NGON
54	NAH NGON NHAN NGON
55	NAH NGON NHAN NGON
56	NAH NGON NHAN NGON
57	NAH NGON NHAN NGON
58	NAH NGON NHAN NGON
59	NAH NGON NHAN NGON
60	NAH NGON NHAN NGON
61	NAH NGON NHAN NGON
62	NAH NGON NHAN NGON
63	NAH NGON NHAN NGON
64	NAH NGON NHAN NGON
65	NAH NGON NHAN NGON
66	NAH NGON NHAN NGON
67	NAH NGON NHAN NGON
68	NAH NGON NHAN NGON
69	NAH NGON NHAN NGON
70	NAH NGON NHAN NGON
71	NAH NGON NHAN NGON
72	NAH NGON NHAN NGON
73	NAH NGON NHAN NGON
74	NAH NGON NHAN NGON
75	NAH NGON NHAN NGON
76	NAH NGON NHAN NGON
77	NAH NGON NHAN NGON
78	NAH NGON NHAN NGON
79	NAH NGON NHAN NGON
80	NAH NGON NHAN NGON
81	NAH NGON NHAN NGON
82	NAH NGON NHAN NGON
83	NAH NGON NHAN NGON
84	NAH NGON NHAN NGON
85	NAH NGON NHAN NGON
86	NAH NGON NHAN NGON
87	NAH NGON NHAN NGON
88	NAH NGON NHAN NGON
89	NAH NGON NHAN NGON
90	NAH NGON NHAN NGON
91	NAH NGON NHAN NGON
92	NAH NGON NHAN NGON
93	NAH NGON NHAN NGON
94	NAH NGON NHAN NGON
95	NAH NGON NHAN NGON
96	NAH NGON NHAN NGON
97	NAH NGON NHAN NGON
98	NAH NGON NHAN NGON
99	NAH NGON NHAN NGON
100	NAH NGON NHAN NGON

of fund-raising events.

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT
XÂY DỰNG TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/500

**BẢN ĐỒ QUY HOẠCH
HỆ THỐNG CẤP NƯỚC**

[illegible]

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC HÀN VIỆT
ĐỊA CHỈ SỐ 91 TÔ TIÊN - KHÁM THIÊN - ĐÔNG ĐÀ - HÀ NỘI



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH
Đã phê duyệt và ký: *[Signature]* Ngày 5 tháng 5 năm 2023

CHỦ TỊCH
HỒ NGỌC LÂM
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

Handwritten signature and red circular official stamp.

CƠ QUAN SỞ TÀI
UBND THỊ TRẦN NAM SÁCH

CHỦ TỊCH
NGUYỄN HỮU HỒNG

Alamin

CHỖ ĐẤU TỬ
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN NAM SÁCH

GIÁM ĐỐC
BSC&B: TRẦN THỊ THANH

CÔNG TRÌNH

XÂY DỰNG TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN NAM SÁCH, TỶ LỆ 1/100

TÊN BẢN VẼ

CHỦ TRÌ	KB. PHẠM VĂN QUẢN
CHỖ ĐÓNG CHỮ	ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

THỂ HIỆN	KS. PHẠM MINH SÁNG
KIỂM TRA	KTS. PHẠM VĂN HẢI
GIÁM ĐỐC 	

KT.S. PHẠM VĂN HỮU


CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC HẢI
 ĐỊA CHỈ: SỐ 89 TÔ TIẾN - KHÁM THIỆN - ĐÔNG S

Số: *M* /NQ-HĐND

Hải Dương, ngày *29* tháng 9 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc quyết định chủ trương đầu tư

**Dự án: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị
12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của
Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát
triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính
phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị
quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ
Chương trình;

Căn cứ Văn bản số 681/TTg-KTTH ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự
án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2);

Xét Tờ trình số 50/TTr-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng
mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện,

tỉnh Hải Dương; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương (Chi tiết theo Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư dự án; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện hoàn thành dự án theo đúng chủ trương đầu tư đã được quyết định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương khóa XVII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 29 tháng 9 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TV Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UB MTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Lãnh đạo và CV Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Hải Dương, Trang TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm CNTT-VP UBND tỉnh;
- Lưu VT.

(để báo cáo)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Ngọc Bích



PHỤ LỤC

Nội dung chủ trương đầu tư Dự án: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 29/9/2022 của HĐND tỉnh)

1. Mục tiêu đầu tư

Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp các công trình và mua sắm trang thiết bị y tế cho 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương nhằm góp phần hoàn thiện cơ sở vật chất tại các Trung tâm Y tế, giúp nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh tuyến huyện, đồng thời đáp ứng yêu cầu tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

2. Nội dung và quy mô đầu tư

2.1. Trung tâm Y tế huyện Cẩm Giàng

- Cải tạo nhà Khám bệnh 03 tầng.
- Cải tạo nhà Hồi sức cấp cứu, chống độc 02 tầng.

2.2. Trung tâm Y tế huyện Thanh Miện

- Xây mới nhà điều hành: Quy mô 03 tầng, diện tích xây dựng 266,22m², tổng diện tích sàn khoảng 807m².
- Xây mới nhà Khoa chống nhiễm khuẩn: Quy mô 02 tầng, diện tích xây dựng 204,45m², tổng diện tích sàn khoảng 413m².
- Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải: Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải từ 50m³/ngày đêm lên 250m³/ngày đêm.
- Cải tạo và xây mới phần hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà: Phục vụ cho việc khai thác, vận hành các hạng mục xây mới diện tích dự kiến khoảng 2.400m².
- Phá dỡ công trình hiện trạng: nhà nhiễm khuẩn 02 tầng...

2.3. Trung tâm Y tế huyện Thanh Hà

- Xây mới nhà hành chính quản trị: Quy mô nhà 03 tầng, diện tích xây dựng 486m², tổng diện tích sàn khoảng 1.475m².
- Xây mới nhà khoa cấp cứu + khoa đờn: Quy mô 03 tầng, diện tích xây dựng 673m², tổng diện tích sàn khoảng 2.019m².
- Xây mới khoa ngoại + Đơn vị phẫu thuật: Quy mô 02 tầng, diện tích xây dựng 582,4m², tổng diện tích sàn khoảng 1.165m².
- Cải tạo và xây mới phần hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà: phục vụ cho việc khai thác, vận hành các hạng mục xây mới diện tích dự kiến khoảng 2.500m².
- Phá dỡ công trình hiện trạng: nhà để ô tô xe máy; nhà khoa khám bệnh cũ; nhà khoa dinh dưỡng...



2.4. Trung tâm Y tế huyện Kim Thành

- Xây dựng khoa truyền nhiễm: Quy mô 02 tầng, diện tích xây dựng 560m², tổng diện tích sàn khoảng 1.131m².
- Xây mới phần hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà: phục vụ cho việc khai thác, vận hành nhà khoa truyền nhiễm, diện tích khoảng 1.000m².

2.5. Trung tâm Y tế thị xã Kinh Môn

- Xây mới khoa xét nghiệm cận lâm sàng: Quy mô 03 tầng, diện tích xây dựng 345,6m², tổng diện tích sàn khoảng 1.047m².
- Xây mới nhà nội nhi: Quy mô 02 tầng, diện tích xây dựng 441,4m², tổng diện tích sàn khoảng 882,8m².
- Cải tạo và xây mới phần hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà: phục vụ cho việc khai thác, vận hành các hạng mục xây mới diện tích khoảng 2.000m².
- Phá dỡ công trình hiện trạng: Nhà chụp CT; nhà nội nhi...
- Cải tạo phòng khám đa khoa Phúc Thành.

2.6. Trung tâm Y tế huyện Nam Sách

- Xây mới nhà hành chính: Quy mô 03 tầng, diện tích xây dựng 505,1m², tổng diện tích sàn khoảng 1.515,3m².
- Xây dựng mới nhà ngoại sản: Quy mô 05 tầng, diện tích xây dựng 943,5m², tổng diện tích sàn khoảng 4.718m².
- Xây dựng nhà đại thể: Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 31,4m².
- Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải: Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải từ 50m³/ngày đêm lên 250m³/ngày đêm.
- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Xây dựng hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
- Phá dỡ một số công trình hiện trạng: Nhà ngoại sản, nhà nội nhi, nhà hội trường, nhà chụp X-quang và nhà điều trị nội trú...

2.7 Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế

*** Trung tâm Y tế thành phố Hải Dương**

- Máy chạy thận nhân tạo: 07.
- Máy điện tim: 02.
- Máy xét nghiệm điện giải: 01.

*** Trung tâm Y tế thành phố Chí Linh**

- Máy chụp X-quang kỹ thuật số: 01.
- Hệ thống nội soi tiêu hóa ống mềm: 01.
- Hệ thống nội soi tai mũi họng: 01.

- Máy gây mê kèm thở: 01.

*** Trung tâm Y tế huyện Ninh Giang**

- Máy siêu âm chuyên tim mạch: 01.
- Máy đo độ loãng xương: 01.
- Máy đo lưu huyết não: 01.
- Monitor theo dõi bệnh nhân 06 thông số: 05.
- Máy chạy thận nhân tạo: 02.

*** Trung tâm Y tế huyện Tứ Kỳ**

- Máy phân tích khí máu: 01.
- Máy siêu âm chuyên tim mạch: 01.
- Hệ thống X-quang kỹ thuật số: 01.
- Giường hồi sức: 10.
- Đèn mổ treo trần LED hai chóa: 01.

*** Trung tâm Y tế huyện Gia Lộc**

- Máy chạy thận nhân tạo: 05.
- Lòng ấp sơ sinh: 01.
- Máy xét nghiệm sinh hoá: 01.
- Monitor theo dõi bệnh nhân 06 thông số: 09.

*** Trung tâm Y tế huyện Bình Giang**

- Máy siêu âm chuyên tim mạch: 01.
- Monitor theo dõi bệnh nhân 06 thông số: 02.
- Hệ thống nội soi tai mũi họng: 01.

3. Nhóm dự án: Nhóm B.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh.

5. Tổng mức đầu tư dự án (làm tròn): 235.000.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai trăm ba mươi lăm tỷ đồng).

6. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương từ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

7. Địa điểm thực hiện dự án: Trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố: Hải Dương, Nam Sách, Kim Thành, Chí Linh, Kinh Môn, Thanh Hà, Tứ Kỳ, Ninh Giang, Gia Lộc, Thanh Miện, Bình Giang, Cẩm Giàng.

8. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022-2023.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG



QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi
Dự án: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị
12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 28 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản
lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9 tháng 2 năm 2021 của
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao vốn kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương
của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;
Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Hội
đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án:
Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm
Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2417
/TTr-SKHĐT ngày 30 tháng 8 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án: Đầu tư xây dựng dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế huyện, tỉnh Hải Dương, với những nội dung như sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế huyện, tỉnh Hải Dương.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương.

3. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng

3.1. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp các công trình và mua sắm trang thiết bị y tế cho 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương nhằm góp phần hoàn thiện cơ sở vật chất tại các Trung tâm Y tế, giúp nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh tuyến huyện, đồng thời đáp ứng yêu cầu tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

3.2. Quy mô đầu tư:

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương, cụ thể như sau:

3.2.1. Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp:

- **Trung tâm Y tế huyện Cẩm Giàng:** Cải tạo các công trình: Nhà Khám bệnh (03 tầng) và Nhà Hồi sức cấp cứu, chống độc (02 tầng).

- **Trung tâm Y tế huyện Thanh Miện:** Xây dựng mới các công trình: Nhà điều hành (03 tầng) và Khoa chống nhiễm khuẩn (02 tầng); Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải từ 50m³/ngày đêm lên 250m³/ngày đêm; Cải tạo, xây mới hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà; Phá dỡ công trình hiện trạng: Nhà khoa nhiễm khuẩn, Nhà để máy lò hơi, Nhà để xe cứu thương, Lán giặt, phơi đồ, Bể chứa nước thải, 02 Nhà chứa rác thải.

- **Trung tâm Y tế huyện Thanh Hà:** Xây dựng mới các công trình: Nhà hành chính quản trị (03 tầng), Nhà khoa cấp cứu + khoa dược (03 tầng), Nhà khoa ngoại + đơn vị phẫu thuật (02 tầng); Cải tạo, xây mới phần hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà; Phá dỡ công trình hiện trạng: Nhà để xe công dân, Nhà kho và đa năng, Nhà thuốc + căn tin, Nhà căn tin và Nhà khoa nhi.

- **Trung tâm Y tế huyện Kim Thành:** Xây dựng Nhà Khoa truyền nhiễm (02 tầng); Cải tạo, xây mới hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà.

- **Trung tâm Y tế thị xã Kinh Môn:** Xây dựng mới các công trình: Nhà Khoa xét nghiệm cận lâm sàng (03 tầng) và Nhà nội nhi (02 tầng); Cải tạo, xây mới hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà; Phá dỡ công trình hiện trạng: Nhà chụp Citi, Nhà nội nhi; Cải tạo phòng khám đa khoa Phúc Thành.

- **Trung tâm Y tế huyện Nam Sách:** Xây dựng mới các công trình: Nhà hành chính (03 tầng) và Nhà ngoại sản (05 tầng) và Nhà đại thể (01 tầng); Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải từ 50m³/ngày đêm lên 250m³/ngày đêm; Cải tạo, xây mới hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà; Phá dỡ công trình hiện trạng: Nhà ngoại sản, Nhà nội nhi, Nhà hội trường, Nhà chụp X-Quang, Nhà cách ly tập trung.

3.2.2. Về mua sắm trang thiết bị Y tế:

- Trung tâm Y tế thành phố Hải Dương:

Mua sắm: Máy chạy thận nhân tạo (07 máy), máy điện tim (02 máy) và máy xét nghiệm điện giải (01 máy).

- Trung tâm Y tế thành phố Chí Linh:

Mua sắm: Máy chụp X-Quang kỹ thuật số (01 hệ thống), hệ thống nội soi tiêu hóa ống mềm (01 hệ thống), hệ thống nội soi tai mũi họng (01 hệ thống) và máy gây mê kèm thở (01 máy).

- Trung tâm Y tế huyện Ninh Giang:

Mua sắm: Máy siêu âm chuyên tim mạch (01 máy), máy đo độ loãng xương (01 máy), máy đo lưu huyết não (01 máy), Monitor theo dõi bệnh nhân 06 thông số (05 máy) và máy chạy thận nhân tạo (02 máy).

- Trung tâm Y tế huyện Tứ Kỳ:

Mua sắm: Máy phân tích khí máu (01 máy), máy siêu âm chuyên tim mạch (01 máy), hệ thống X-Quang kỹ thuật số (01 hệ thống), giường hồi sức (10 giường) và đèn mổ treo trần LED 02 chóa (01 đèn).

- Trung tâm Y tế huyện Gia Lộc:

Mua sắm: Máy chạy thận nhân tạo (05 máy), lồng ấp sơ sinh (01 lồng), máy xét nghiệm sinh hóa (01 máy) và Monitor theo dõi bệnh nhân 06 thông số (09 máy).

- Trung tâm Y tế huyện Bình Giang:

Mua sắm: Máy siêu âm chuyên tim mạch (01 máy), Monitor theo dõi bệnh nhân 06 thông số (02 máy) và hệ thống nội soi tai mũi họng (01 hệ thống).

4. Tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh nhà thầu PBI – Tấn Phát – Thành An.

5. Địa điểm thực hiện dự án: Trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố: Hải Dương, Nam Sách, Kim Thành, Chí Linh, Kinh Môn, Thanh Hà, Tứ Kỳ, Ninh Giang, Gia Lộc, Thanh Miện, Bình Giang và Cẩm Giàng.

6. Nhóm dự án; loại, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III

7. Số bước thiết kế: Thiết kế 2 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành (chi tiết trong thuyết minh thiết kế cơ sở đã được thẩm định).

9. Tổng mức đầu tư: 235.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi lăm tỷ đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	167.860.864.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	47.649.511.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	4.166.603.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	10.978.292.000 đồng
- Chi phí khác:	1.960.106.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	2.384.624.000 đồng

10. Nguồn vốn: Ngân sách trung ương từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2022-2023.

(Chi tiết theo Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi Đầu tư xây dựng dự án do Liên danh nhà thầu PBI – Tấn Phát – Thành An lập; Công ty cổ phần kiến trúc Việt Hà thẩm tra; Sở Xây dựng thẩm định; Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định tổng hợp trình).

13. Tổ chức thực hiện

13.1. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh có trách nhiệm: Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

13.2. Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm bàn giao các khối nhà, mặt bằng cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương để tổ chức thực hiện phá dỡ, đảm bảo mặt bằng phục vụ thi công theo đúng quy định, yêu cầu tiến độ đã được phê duyệt.

13.3. Các sở, ngành, đơn vị liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Xây dựng, Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Các PCT UBND tỉnh;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - CV VP UBND tỉnh: Hương, Đôn;
 - Lưu: VT, KTN, NCC (10b).
- } (để báo cáo)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lưu Văn Bản

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1484/SXD-QLXD&HTKT

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2023

V/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương

Kính gửi: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương

Sở Xây dựng đã nhận Tờ trình số 952/TTr-BQLDA ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Hải Dương ban hành quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chất lượng công trình; quản lý chi phí đầu tư xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng số 07/Thtra-VH ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Công ty cổ phần kiến trúc Việt Hà;

Căn cứ Hồ sơ chủ đầu tư trình thẩm định.

Sau khi xem xét, Sở Xây dựng thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương.

2. Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính thuộc dự án:

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Loại, cấp công trình chính: Công trình dân dụng; cấp III.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ:

- Tên chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương.

- Địa chỉ liên hệ: Số 16, đường Lê Viết Hưng, phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

5. Địa điểm xây dựng: Trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố: Hải Dương, Nam Sách, Kim Thành, Chí Linh, Kinh Môn, Thanh Hà, Tứ Kỳ, Ninh Giang, Gia Lộc, Thanh Miện, Bình Giang và Cẩm Giàng.

6. Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng (theo hồ sơ trình thẩm định): 235.000.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi lăm tỷ đồng).

7. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương từ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

8. Thời gian thực hiện (Theo Tờ trình): Năm 2023-2025.

9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các tiêu chuẩn, quy phạm chuyên ngành liên quan khác (cụ thể theo Thuyết minh thiết kế thiết kế cơ sở).

10. Nhà thầu khảo sát xây dựng, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh nhà thầu PBI - Tấn Phát - Thành An, trong đó:

- Công ty cổ phần tư vấn kiến trúc PBI (thành viên đứng đầu liên danh): Thực hiện công việc khảo sát địa hình, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi (trừ hạng mục PCCC);

- Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ thương mại Tấn Phát (thành viên liên danh): Thực hiện công việc khảo sát địa chất xây dựng;

- Công ty cổ phần tư vấn công nghệ Thành An (thành viên liên danh): Thực hiện thiết kế cơ sở hạng mục PCCC.

11. Nhà thầu thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần kiến trúc Việt Hà.

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

a) Văn bản pháp lý chung:

- Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương;

- Văn bản số 1264/STNMT-CCBVMT ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phúc đáp Công văn số 866/SXD-QLXD&HTKT ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Sở Xây dựng;

- Văn bản số 1065/SYT-KHTC ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Sở Y tế về việc tham gia ý kiến về giải pháp thiết kế, danh mục mua sắm trang thiết bị của dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương;

- Quyết định số 402/QĐ-BQLDA ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Tư vấn khảo sát xây dựng và lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thuộc dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế huyện, tỉnh Hải Dương;

- Quyết định số 441/QĐ-BQLDA ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu số 02: Tư vấn kiểm định chất lượng công trình, thuộc dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế huyện, tỉnh Hải Dương;

- Quyết định số 442/QĐ-BQLDA ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu số 03: Tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi, thuộc dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế huyện, tỉnh Hải Dương;

- Các tài liệu và văn bản pháp lý khác có liên quan.

b) Văn bản pháp lý đối với từng cơ sở Y tế:

- Trung tâm Y tế huyện Cẩm Giàng:

+ Văn bản số 176/TDTKCS-PCCC ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Hải Dương về việc góp ý về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế cơ sở;

+ Văn bản số 250/TTYTCG ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Cẩm Giàng về việc cho ý kiến về giải pháp thiết kế dự án cải tạo, nâng cấp công trình thuộc TTYT Cẩm Giàng.

- Trung tâm Y tế huyện Thanh Miện:

+ Quyết định phê duyệt số 11/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2016 của UBND huyện Thanh Miện về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Miện.

+ Văn bản số 177/TDTKCS-PCCC ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Hải Dương về việc góp ý về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế cơ sở;

+ Văn bản số 82/CV-TTYT ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Thanh Miện về việc tham gia ý kiến về giải pháp thiết kế, cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế cấp huyện.

- Trung tâm Y tế huyện Thanh Hà:

+ Quyết định số 10024/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2016 của UBND huyện Thanh Hà về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết mở rộng Bệnh viện đa khoa huyện Thanh Hà, thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;

+ Văn bản số 178/TDTKCS-PCCC ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Hải Dương về việc góp ý về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế cơ sở;

+ Văn bản số 575/TTYT ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Thanh Hà về việc cho ý kiến về giải pháp thiết kế các công trình của dự án đầu tư xây dựng mới.

- Trung tâm Y tế huyện Kim Thành:

+ Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2011 của UBND huyện Kim Thành về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Bệnh viện Đa Khoa khu vực huyện Kim Thành;

+ Văn bản số 179/TDTKCS-PCCC ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Hải Dương về việc góp ý về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế cơ sở;

+ Văn bản số 487/TTYTKT ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Kim Thành về việc cho ý kiến về giải pháp thiết kế xây dựng dự án và cải tạo, nâng cấp công trình thuộc TTYT Kim Thành.

- Trung tâm Y tế thị xã Kinh Môn:

+ Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2020 của UBND thị xã Kinh Môn về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng TL1/500 Trung tâm Y tế thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;

+ Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2022 của UBND thị xã Kinh Môn về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng TL1/500 Trung tâm Y tế thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;

+ Văn bản số 181/TDTKCS-PCCC ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Hải Dương về việc góp ý về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế cơ sở;

+ Văn bản số 218/TDTKCS-PCCC ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Hải Dương về việc góp ý về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế cơ sở;

+ Văn bản số 348/CV-TTYT ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Trung tâm Y tế thị xã Kinh Môn về việc cho ý kiến về giải pháp thiết kế, danh mục mua sắm trang thiết bị của dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương.

- Trung tâm Y tế huyện Nam Sách:

+ Quyết định phê duyệt số 1071/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 của UBND huyện Nam Sách về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Trung tâm Y tế huyện Nam Sách.

+ Văn bản số 180/TDTKCS-PCCC ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Hải Dương về việc góp ý về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế cơ sở;

+ Văn bản số 40/BC-TTYT ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Nam Sách về việc cho ý kiến về giải pháp thiết kế, danh mục mua sắm trang thiết bị của dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị Trung tâm Y tế huyện Nam Sách.

- Trung tâm Y tế thành phố Hải Dương:

+ Văn bản số 285/CV-TTYT ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Trung tâm Y tế thành phố Hải Dương về việc ý kiến về danh mục mua sắm trang thiết bị của Trung tâm Y tế thành phố Hải Dương.

- Trung tâm Y tế thành phố Chí Linh:

+ Văn bản số 262/CV-TTYTCL ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Trung tâm Y tế thành phố Chí Linh về việc ý kiến về danh mục mua sắm trang thiết bị của Trung tâm Y tế thành phố Chí Linh.

- Trung tâm Y tế huyện Ninh Giang:

+ Văn bản số 60^b/CV-TTYT ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Ninh Giang về việc ý kiến danh mục mua sắm trang thiết bị của Trung tâm Y tế huyện Ninh Giang.

- Trung tâm Y tế huyện Tứ Kỳ:

+ Văn bản số 100/TTYT-KHNV ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Tứ Kỳ về việc cho ý kiến về sự phù hợp về số lượng, thông số kỹ thuật các trang thiết bị;

+ Văn bản số 97^a/CV-TTYT ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Tứ Kỳ về việc ý kiến về danh mục mua sắm trang thiết bị của Trung tâm Y tế huyện Tứ Kỳ.

- Trung tâm Y tế huyện Gia Lộc:

+ Văn bản số 74/CV-TTYT ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Gia Lộc về việc ý kiến về danh mục mua sắm trang thiết bị của Trung tâm Y tế huyện Gia Lộc.

- Trung tâm Y tế huyện Bình Giang:

+ Văn bản số 134/TTYT-TCHC ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Trung tâm Y tế huyện Bình Giang về việc cho ý kiến về giải pháp thiết kế, danh mục mua sắm TTB của dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm TTB 12 TTYT huyện, tỉnh Hải Dương.

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra:

- Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng số 07/Thtra-VH ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Công ty cổ phần kiến trúc Việt Hà;

- Hồ sơ Quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt của các Trung tâm Y tế các huyện, thị xã: Thanh Miện, Thanh Hà, Kim Thành, Kinh Môn và Nam Sách.

- Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng;

- Bản vẽ thiết kế cơ sở và thuyết minh thiết kế cơ sở;

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Báo cáo kiểm định chất lượng công trình (đối với Nhà khám bệnh 03 tầng, nhà hồi sức cấp cứu chống độc 02 tầng thuộc Trung tâm Y tế huyện Cẩm Giàng và Phòng khám đa khoa Phúc Thành thuộc Trung tâm Y tế thị xã Kinh Môn);

- Tổng mức đầu tư xây dựng;

- Các tài liệu khác có liên quan.

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

3.1. Năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức:

- Nhà thầu khảo sát xây dựng, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh nhà thầu PBI - Tấn Phát - Thành An:

+ Công ty cổ phần tư vấn kiến trúc PBI - Số HAN-00012077;

+ Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ thương mại Tấn Phát - Số HAD-00009334;

+ Công ty cổ phần tư vấn công nghệ Thành An - Số HAN-00036603.

- Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Công ty cổ phần kiến trúc Việt Hà - Số HAD-00000077.

3.2. Năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia thiết kế, thẩm tra, khảo sát xây dựng công trình:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số chứng chỉ
1	Nguyễn Đình Quang	Chủ nhiệm thiết kế	BXD-00089910
2	Phạm Văn Hải	Chủ trì thiết kế kiến trúc	BXD-00052695
3	Phạm Văn Quang	Chủ trì thiết kế kết cấu	BXD-000452698

4	Văn Đức Mạnh	Chủ trì thiết kế cấp, thoát nước	BXD-00004233
5	Nguyễn Văn Nghiệp	Chủ trì thiết kế điện	HNT-00126117
6	Nguyễn Quốc Thắng	Chủ trì thiết kế PCCC	0004/2021/PCCC
7	Dương Thị Ngọc Bích	Chủ trì lập dự toán	BXD-00025632
8	Nguyễn Văn Hà	Chủ nhiệm thẩm tra	HAD-00023863
9	Phạm Quang Thiện	Chủ trì thẩm tra kiến trúc	HAD-00023869
10	Nguyễn Anh Vinh	Chủ trì thẩm tra kết cấu	HAD-00050987
11	Bùi Văn Vĩnh	Chủ trì thẩm tra điện	HAD-00023776
12	Vũ Ngọc Linh	Chủ trì thẩm tra cấp, thoát nước	HAD-00050986
13	Đỗ Thị Huyền	Chủ trì thẩm tra dự toán	HAD-00023868
14	Mạc Đức Công	Chủ nhiệm khảo sát địa chất	HAD-00039323
15	Nguyễn Minh Tuấn	Chủ nhiệm khảo sát địa hình	BXD-00069976

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Nội dung và quy mô dự án:

Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương, cụ thể:

1.1. Về xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp:

1.1.1. Trung tâm Y tế huyện Cẩm Giàng:

Cải tạo các công trình: Nhà Khám bệnh (03 tầng) và Nhà Hồi sức cấp cứu, chống độc (02 tầng).

1.1.2. Trung tâm Y tế huyện Thanh Miện:

- Xây dựng mới các công trình: Nhà điều hành (03 tầng) và Khoa chống nhiễm khuẩn (02 tầng);
- Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải từ 50m³/ngày đêm lên 250m³/ngày đêm;
- Cải tạo, xây mới phần hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà;
- Phá dỡ công trình hiện trạng: Nhà khoa nhiễm khuẩn; Nhà để máy lò hơi; Nhà để xe cứu thương; Lán giặt, phơi đồ; Bể chứa nước thải; 02 Nhà chứa rác thải.

1.1.3. Trung tâm Y tế huyện Thanh Hà:

- Xây dựng mới các công trình: Nhà hành chính quản trị (03 tầng), Nhà khoa cấp cứu + khoa dược (03 tầng), Nhà khoa ngoại + đơn vị phẫu thuật (02 tầng);
- Cải tạo, xây mới phần hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà;
- Phá dỡ công trình hiện trạng: Nhà để xe công dân, Nhà kho & đa năng, Nhà thuốc + căn tin, Nhà căn tin và Nhà khoa nhi.

1.1.4. Trung tâm Y tế huyện Kim Thành:

- Xây dựng Nhà Khoa truyền nhiễm (02 tầng);
- Cải tạo, xây mới phần hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà.

1.1.5. Trung tâm Y tế thị xã Kinh Môn:

- Xây dựng mới các công trình: Nhà Khoa xét nghiệm cận lâm sàng (03 tầng) và Nhà nội nhi (02 tầng);
- Cải tạo, xây mới phần hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà;
- Phá dỡ công trình hiện trạng: Nhà chụp Citi, Nhà nội nhi.
- Cải tạo phòng khám đa khoa Phúc Thành.

1.1.6. Trung tâm Y tế huyện Nam Sách:

- Xây dựng mới các công trình: Nhà hành chính (03 tầng) và Nhà ngoại sản (05 tầng) và Nhà đại thể (01 tầng);
- Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải từ 50m³/ngày đêm lên 250m³/ngày đêm;
- Cải tạo, xây mới phần hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà;
- Phá dỡ công trình hiện trạng: Nhà ngoại sản, Nhà nội nhi, Nhà hội trường, Nhà chụp X-Quang, Nhà cách ly tập trung.

1.2. Về mua sắm trang thiết bị Y tế:

1.2.1. Trung tâm Y tế thành phố Hải Dương:

Mua sắm: Máy chạy thận nhân tạo (07 máy), máy điện tim (02 máy) và máy xét nghiệm điện giải (01 máy).

1.2.2. Trung tâm Y tế thành phố Chí Linh:

Mua sắm: Máy chụp X-Quang kỹ thuật số (01 máy), hệ thống nội soi tiêu hóa ống mềm (01 hệ thống), hệ thống nội soi tai mũi họng (01 hệ thống) và máy gây mê kèm thở (01 máy).

1.2.3. Trung tâm Y tế huyện Ninh Giang:

Mua sắm: Máy siêu âm chuyên tim mạch (01 máy), máy đo độ loãng xương (01 máy), máy đo lưu huyết não (01 máy), Monitor theo dõi bệnh nhân 06 thông số (05 máy) và máy chạy thận nhân tạo (02 máy).

1.2.3. Trung tâm Y tế huyện Tứ Kỳ:

Mua sắm: Máy phân tích khí máu (01 máy), máy siêu âm chuyên tim mạch (01 máy), hệ thống X-Quang kỹ thuật số (01 hệ thống), giường hồi sức (10 giường) và đèn mổ treo trần LED 02 chóa (01 đèn).

1.2.5. Trung tâm Y tế huyện Gia Lộc:

Mua sắm: Máy chạy thận nhân tạo (05 máy), lồng ấp sơ sinh (01 lồng), máy xét nghiệm sinh hóa (01 máy) và Monitor theo dõi bệnh nhân 06 thông số (09 máy).

1.2.6. Trung tâm Y tế huyện Bình Giang:

Mua sắm: Máy siêu âm chuyên tim mạch (01 máy), Monitor theo dõi bệnh nhân 06 thông số (02 máy) và hệ thống nội soi tai mũi họng (01 hệ thống).

2. Giải pháp thiết kế chủ yếu:

2.1. Trung tâm Y tế huyện Cẩm Giàng:

2.1.1. Cải tạo Nhà Khám bệnh:

Quy mô 03 tầng, diện tích xây dựng 695,0m², tổng diện tích sàn xây dựng 1.865,0m². Kết cấu phần thân khung bê tông cốt thép; tường xây gạch. Giải pháp cải tạo chính như sau:

- Phá dỡ một số vị trí tường, vách ngăn để phân chia lại các phòng, khu vực sảnh chờ.
- Cầu thang bộ:
 - + Phá dỡ cầu thang bộ tại trục (5-6) - (D-E); xây dựng lại cầu thang bộ (lồng thang khép kín) đảm bảo phòng cháy chữa cháy.
 - + Xây dựng bổ sung cầu thang bộ tại trục (1A-1) - (B-C).
- Xây dựng bổ sung đường dốc dành cho người khuyết tật; cải tạo bậc tam cấp.
- Tróc toàn bộ lớp gạch ốp tường, vữa trát tường, trần trong và ngoài nhà; xây dựng cải tạo mặt đứng công trình; trát lại bằng vữa xi măng mác 75 (tường trong nhà ốp gạch ceramic cao 2,4m); lăn sơn toàn bộ công trình.
- Phá dỡ toàn bộ lớp gạch lát nền, sàn (trừ phòng chụp X-Quang); lát lại bằng gạch granite.
- Cải tạo các khu vệ sinh bệnh nhân.
- Khu vệ sinh nhân viên (tại trục (B-C) - (1-2) các tầng): Phá dỡ một phần để bố trí xây dựng thang máy; phần còn lại mở rộng, cải tạo.
- Thay mới toàn bộ hệ thống cửa bằng cửa khung nhôm kết hợp kính, cửa kính cường lực và cửa chống cháy.
- Làm mới toàn bộ mái chống nóng; xử lý chống thấm sân mái.
- Cải tạo hệ thống cấp điện, chống sét, điện nhẹ, cấp, thoát nước.

2.1.2. Cải tạo Nhà Hồi sức cấp cứu, chống độc:

Quy mô 02 tầng, diện tích xây dựng 327,0m², tổng diện tích sàn xây dựng 638,0m². Kết cấu phần thân xây tường chịu lực, sàn bê tông cốt thép. Giải pháp cải tạo chính như sau:

- Xây dựng bổ sung cầu thang thép ngoài nhà tại trục X1 đoạn (Y1-Y3).
- Xây dựng bổ sung đường dốc dành cho người khuyết tật; cải tạo bậc tam cấp.
- Tróc toàn bộ lớp gạch ốp tường, vữa trát tường, trần trong và ngoài nhà; xây dựng cải tạo mặt đứng công trình; trát lại bằng vữa xi măng mác 75 (tường trong nhà ốp gạch ceramic cao 2,4m); lăn sơn toàn bộ công trình.

- Phá dỡ toàn bộ lớp gạch lát nền, sàn; lát lại bằng gạch granite.
- Cải tạo khu vệ sinh tại các tầng.
- Thay mới toàn bộ hệ thống cửa bằng cửa khung nhôm kết hợp kính.
- Làm mới toàn bộ mái chống nóng; xử lý chống thấm sê nô mái.
- Cải tạo hệ thống cấp điện, điện nhẹ, cấp, thoát nước.

2.2. Trung tâm Y tế huyện Thanh Miện:

2.2.1. Xây dựng mới Nhà điều hành:

a) Giải pháp thiết kế kiến trúc:

- Quy mô 03 tầng + 01 tầng tum, diện tích xây dựng 296,0m², tổng diện tích sàn 895,0m², chiều cao công trình 16,35m (tầng 01 cao 3,9m; tầng tum cao 3,3m; các tầng còn lại cao 3,6m; cốt nền nhà +1,35m so với cốt mặt sân hiện trạng). Công trình sử dụng 02 cầu thang bộ, hành lang rộng 1,9m đến 2,9m, mặt bằng các tầng cụ thể như sau:

+ Tầng 01: Diện tích sàn 246,0m², bố trí: Các phòng làm việc và khu vệ sinh chung.

+ Tầng 02: Diện tích sàn 296,0m², bố trí: Các phòng làm việc, phòng thư viện và khu vệ sinh chung.

+ Tầng 03: Diện tích sàn 290,0m², bố trí: Các phòng làm việc, phòng họp và khu vệ sinh chung.

+ Tầng tum: Diện tích sàn 63,0m², bố trí tum thang và phòng kỹ thuật.

- Tường, trần trong và ngoài nhà lăn sơn hoàn thiện (tường trong khu vệ sinh ốp gạch ceramic). Nền, sàn các tầng lát gạch granite (khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn); bậc cầu thang, bậc tam cấp lát đá granite. Hệ thống cửa dùng cửa khung nhôm hệ kết hợp kính.

b) Giải pháp thiết kế kết cấu:

Kết cấu móng cọc bê tông ly tâm D300 loại A, mũi cọc đặt vào lớp sét pha, trạng thái nửa cứng; đài cọc và giằng đài bê tông cốt thép mác 300. Kết cấu phần thân khung bê tông cốt thép mác 300; tiết diện cột chính: 220x400mm, 220x220mm; tiết diện dầm chính: 220x450mm; tường xây gạch bê tông, vữa xi măng mác 75.

c) Giải pháp thiết kế điện, chống sét:

Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ nguồn điện hiện có của Trung tâm cấp đến tủ điện tổng của công trình sau đó cấp đến các tủ điện tầng và các thiết bị. Dùng các dây dẫn: CU/XLPE/PVC(3x16)mm², CU/PVC/PVC(1x10)mm²... Thiết bị điện chính gồm: Điều hòa nhiệt độ, quạt trần và đèn chiếu sáng.

Chống sét cho công trình dùng các kim thu sét thép D16 (dài 1,0m) đặt trên mái công trình; cọc tiếp địa thép L63x63x6mm, dài 2,5m; dây dẫn sét thép D10, dây tiếp địa thép D16.

d) Giải pháp thiết kế cấp, thoát nước:

Cấp nước: Nguồn nước cấp cho công trình lấy từ nguồn nước hiện có của Trung tâm cấp lên các téc nước đặt trên mái công trình rồi cấp đến các thiết bị. Ống cấp nước sử dụng loại PPR.

Thoát nước: Nước mái thu gom vào các ống đứng sau đó thoát xuống hệ thống thoát nước mặt ngoài nhà; nước thải từ các xí, tiêu được thu gom vào bể phốt để xử lý sau đó thoát ra hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà; nước thoát sàn, chậu rửa thoát ra hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà. Ống thoát nước sử dụng loại u.PVC.

2.2.2. *Xây dựng mới Nhà Khoa chống nhiễm khuẩn:*

a) Giải pháp thiết kế kiến trúc:

- Quy mô 02 tầng + 01 tầng tum, diện tích xây dựng 243,5m², tổng diện tích sàn 524,0m², chiều cao công trình 16,35m (tầng 01 cao 3,9m; tầng tum cao 3,3m; các tầng còn lại cao 3,6m; cốt nền nhà +1,35m so với cốt mặt sân hiện trạng). Công trình sử dụng 02 cầu thang bộ, 01 thang tời, hành lang rộng 2,1m, mặt bằng các tầng cụ thể như sau:

+ Tầng 01: Diện tích sàn 207,0m², bố trí: Phòng tiếp nhận, khu giặt tẩy và kho phát đồ sạch.

+ Tầng 02: Diện tích sàn 243,5m², bố trí: Phòng hành chính khoa, khu máy và khu vệ sinh chung.

+ Tầng tum: Diện tích sàn 73,5m², bố trí tum thang và khu phơi đồ.

- Tường, trần trong và ngoài nhà lăn sơn hoàn thiện (tường trong khu vệ sinh ốp gạch ceramic). Nền, sàn các tầng lát gạch granite (khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn); bậc cầu thang trong nhà, bậc tam cấp lát đá granite. Hệ thống cửa dùng cửa khung nhôm hệ kết hợp kính.

b) Giải pháp thiết kế kết cấu:

Kết cấu móng cọc bê tông ly tâm D300 loại A, mũi cọc đặt vào lớp sét pha, trạng thái nửa cứng; đài cọc và giằng đài bê tông cốt thép mác 300. Kết cấu phần thân khung bê tông cốt thép mác 300; tiết diện cột chính: 220x400mm, 220x300mm 220x220mm; tiết diện dầm chính: 220x450mm; tường xây gạch bê tông, vữa xi măng mác 75. Cầu thang bộ ngoài nhà dùng tổ hợp thép.

c) Giải pháp thiết kế điện, chống sét:

Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ nguồn điện hiện có của Trung tâm cấp đến tủ điện tổng của công trình sau đó cấp đến các tủ điện tầng và các thiết bị. Dùng các dây dẫn: CU/XLPE/PVC(3x16)mm², CU/PVC/PVC(1x2,5)mm²... Thiết bị điện chính gồm: Điều hòa nhiệt độ, quạt trần và đèn chiếu sáng.

Chống sét cho công trình dùng các kim thu sét thép D16 (dài 1,0m) đặt trên mái công trình; cọc tiếp địa thép L63x63x6mm, dài 2,5m; dây dẫn sét thép D10, dây tiếp địa thép D16.

d) Giải pháp thiết kế cấp, thoát nước:

Cấp nước: Nguồn nước cấp cho công trình lấy từ nguồn nước hiện có của Trung tâm cấp lên các téc nước đặt trên mái công trình rồi cấp đến các thiết bị. Ống cấp nước sử dụng loại PPR.

Thoát nước: Nước mái thu gom vào các ống đứng sau đó thoát xuống hệ thống thoát nước mặt ngoài nhà; nước thải từ các xí, tiêu được thu gom vào bể phốt để xử lý sau đó thoát ra hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà; nước giặt, nước thoát sàn, chậu rửa thoát ra hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà. Ống thoát nước sử dụng loại u.PVC.

2.2.3. *Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải (phần xây dựng):*

Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải từ 50m³/ngày đêm lên 250m³/ngày đêm, cụ thể:

- Xây mới Bể xử lý: Diện tích xây dựng 222,0m², cốt mặt bể +1,6m so với cốt mặt sân hiện trạng, cốt đáy bể -3,1m so với cốt mặt sân hiện trạng. Kết cấu bể bê tông cốt thép mác 300.

- Phòng vận hành: Xây trên mặt bể quy mô 01 tầng, diện tích sàn 21,5m², chiều cao 3,3m (tính từ cốt mặt bể); tường xây gạch bê tông, vữa xi măng mác 75; mái bê tông cốt thép mác 250.

2.2.4. *Cải tạo, xây mới phần hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà:*

b) Cấp điện:

Nguồn điện cấp cho các công trình xây mới thuộc dự án lấy từ nguồn hiện có của Trung tâm cấp đến tủ điện tổng của các công trình. Dây dẫn luôn trong ống nhựa xoắn HDPE đi ngầm đất, dùng các dây dẫn: Cấp CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC (3x35 + 1x25)mm², (3x50 + 1x35)mm²

c) Cấp, thoát nước:

- Cấp nước cho các công trình xây mới thuộc dự án được lấy từ nguồn cấp nước hiện trạng của Trung tâm; dùng các ống PPR D34.

- Nước thải từ các công trình xây mới thuộc dự án được thu gom về Trạm xử lý nước thải của Trung tâm qua hệ thống ống u.PVC D200 kết hợp các hố ga (xây mới), đầu nối với thống thoát nước thải hiện trạng. Thoát nước mưa sử dụng rãnh B300 (xây mới) đầu nối với hệ thống thoát nước mặt hiện trạng của Trung tâm.

2.3. Trung tâm Y tế huyện Thanh Hà:

2.3.1. *Xây dựng mới Nhà hành chính quản trị:*

a) Giải pháp thiết kế kiến trúc:

- Quy mô 03 tầng, diện tích xây dựng 493,0m², tổng diện tích sàn 1.479,0m², chiều cao công trình 14,75m (tầng 03 cao 4,2m; các tầng còn lại cao 3,9m; cốt nền nhà +0,75m so với cốt mặt sân). Công trình sử dụng 02 cầu thang bộ, hành lang rộng 3,0m, mặt bằng các tầng cụ thể như sau:

+ Tầng 01, 02: Diện tích sàn mỗi tầng 493,0m², bố trí: Các phòng làm việc, phòng lưu trữ và khu vệ sinh chung.

+ Tầng 03: Diện tích sàn 493,0m², bố trí: Hội trường, phòng chuẩn bị hội trường, khu sảnh chờ, phòng thư viện và khu vệ sinh chung.

- Tường trong và ngoài nhà lăn sơn hoàn thiện (tường trong khu vệ sinh ốp gạch ceramic); trần thạch cao tấm thả (khu vệ sinh dùng trần nhôm tấm thả). Nền, sàn các tầng lát gạch granite (khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn); bậc cầu thang trong nhà, sảnh và bậc tam cấp lát đá granite. Hệ thống cửa dùng cửa khung nhôm hệ kết hợp kính và cửa chống cháy.

b) Giải pháp thiết kế kết cấu:

Kết cấu móng cọc bê tông ly tâm D300 loại A, mũi cọc đặt vào lớp cát hạt mịn, trạng thái chặt vừa; đài cọc và giằng đài bê tông cốt thép mác 250. Kết cấu phần thân khung bê tông cốt thép mác 250; tiết diện cột chính: 220x350mm, 300x400mm; tiết diện dầm chính: 350x850mm, 220x600mm, 220x400mm; tường xây gạch bê tông, vữa xi măng mác 75. Cầu thang bộ ngoài nhà dùng tổ hợp thép.

c) Giải pháp thiết kế điện, chống sét:

Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ nguồn điện hiện có của Trung tâm cấp đến tủ điện tổng của công trình sau đó cấp đến các tủ điện tầng và các thiết bị. Dùng các dây dẫn: CU/XLPE/PVC(2x6)mm², (1x4)mm², (1x2,5)mm²... Thiết bị điện chính gồm: Điều hòa nhiệt độ, quạt trần và đèn chiếu sáng.

Chống sét cho công trình dùng các kim thu sét đồng D20 (dài 1,2m) đặt trên mái công trình; cọc tiếp địa đồng D20, dài 2,4m.

d) Giải pháp thiết kế cấp, thoát nước:

Cấp nước: Nguồn nước cấp cho công trình lấy từ nguồn nước hiện có của Trung tâm cấp lên các téc nước đặt trên mái công trình rồi cấp đến các thiết bị. Ống cấp nước sử dụng loại PPR.

Thoát nước: Nước mái thu gom vào các ống đứng sau đó thoát xuống hệ thống thoát nước mặt ngoài nhà; nước thải từ các xí, tiểu được thu gom vào bể phốt để xử lý sau đó thoát ra hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà; nước thoát sàn, chậu rửa thoát ra hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà. Ống thoát nước sử dụng loại u.PVC.

2.3.2. Xây dựng mới Nhà khoa cấp cứu + Khoa dược:

a) Giải pháp thiết kế kiến trúc:

- Quy mô 03 tầng + 01 tầng tum, diện tích xây dựng 673,0m², tổng diện tích sàn 2.067,0m², chiều cao công trình 16,05m (tầng 01 và tầng 03 cao 4,2m; tầng 02 cao 3,9m; tầng tum cao 3,0m; cốt nền nhà +0,45m so với cốt mặt sân). Công trình sử dụng 02 cầu thang bộ, 02 thang máy, hành lang rộng 3,25m đến 4,63m, mặt bằng các tầng cụ thể như sau:

+ Tầng 01: Diện tích sàn 673,0m², bố trí Khoa cấp cứu, gồm: Các phòng làm việc (phòng trực bác sỹ, phòng hành chính...), các phòng chức năng (phòng hồi sức tích cực, phòng thủ thuật, phòng tiêm...), phòng kho và khu vệ sinh chung.

+ Tầng 02: Diện tích sàn 657,0m², bố trí Khoa cấp cứu, gồm: Các phòng làm việc (phòng giao ban, phòng trưởng khoa, phòng phó khoa...), các phòng bệnh nhân, phòng kho, phòng thay đồ và khu vệ sinh chung.

+ Tầng 03: Diện tích sàn 657,0m², bố trí Khoa dược, gồm: Các phòng làm việc (phòng giao ban, phòng trưởng khoa, phòng phó khoa...), các phòng kho thuốc và khu vệ sinh chung.

+ Tầng tum: Tổng diện tích sàn 80,0m², bố trí tum thang và phòng kỹ thuật thang máy.

- Tường ngoài nhà lãn sơn hoàn thiện (một số vị trí ốp gạch trang trí), tường trong các phòng ốp gạch ceramic, tường trong khu vệ sinh ốp gạch ceramic cao sát trần giả; trần thạch cao tấm thả (khu vệ sinh dùng trần nhôm tấm thả). Nền, sàn các tầng lát gạch granite (khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn); bậc cầu thang trong nhà, sảnh và bậc tam cấp lát đá granite. Hệ thống cửa dùng cửa khung nhôm hệ kết hợp kính và cửa chống cháy.

b) Giải pháp thiết kế kết cấu:

Kết cấu móng cọc bê tông ly tâm D300 loại A, mũi cọc đặt vào lớp cát hạt mịn, trạng thái chặt vừa; đài cọc và giằng đài bê tông cốt thép mác 250. Kết cấu phần thân khung bê tông cốt thép mác 250; tiết diện cột chính: 220x400mm, 300x400mm, 300x350mm; tiết diện dầm chính: 220x650mm, 220x400mm; tường xây gạch bê tông, vữa xi măng mác 75. Cầu thang bộ ngoài nhà dùng tổ hợp thép.

c) Giải pháp thiết kế điện, chống sét:

Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ nguồn điện hiện có của Trung tâm cấp đến tủ điện tổng của công trình sau đó cấp đến các tủ điện tầng và các thiết bị. Dùng các dây dẫn: CU/XLPE/PVC(4x10)mm², (2x10)mm², (1x1,5)mm²... Thiết bị điện chính gồm: Điều hòa nhiệt độ, quạt trần và đèn chiếu sáng.

Chống sét cho công trình dùng các kim thu sét đồng D20 (dài 1,2m) đặt trên mái công trình; cọc tiếp địa đồng D20, dài 2,4m.

d) Giải pháp thiết kế cấp, thoát nước:

Cấp nước: Nguồn nước cấp cho công trình lấy từ nguồn nước hiện có của Trung tâm cấp lên các téc nước đặt trên mái công trình rồi cấp đến các thiết bị. Ống cấp nước sử dụng loại PPR.

Thoát nước: Nước mái thu gom vào các ống đứng sau đó thoát xuống hệ thống thoát nước mặt ngoài nhà; nước thải từ các xí, tiêu được thu gom vào bể phốt để xử lý sau đó thoát ra hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà; nước thoát sàn, chậu rửa thoát ra hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà. Ống thoát nước sử dụng loại u.PVC.

2.3.3. Xây dựng mới Nhà khoa ngoại + Đơn vị phẫu thuật:

a) Giải pháp thiết kế kiến trúc:

- Quy mô 02 tầng + 01 tầng tum, diện tích xây dựng 655,0m², tổng diện tích sàn 1.302,0m², chiều cao công trình 11,85m (tầng 01 cao 3,9m; tầng 02 cao 4,2m; tầng tum cao 3,0m; cốt nền nhà +0,75m so với cốt mặt sân). Công trình sử dụng 02 cầu thang bộ, 01 thang máy, hành lang rộng 3,0m, mặt bằng các tầng cụ thể như sau:

+ Tầng 01: Diện tích sàn 582,4m², bố trí: Các phòng bệnh nhân, các phòng chức năng (phòng cấp cứu, phòng thủ thuật bó bột, phòng tiêm...) và khu vệ sinh chung.

+ Tầng 02: Diện tích sàn 655,0m², bố trí: Các phòng làm việc (phòng giao ban, phòng trưởng khoa, phòng hành chính...), khu vực mổ (phòng mổ, phòng khử khuẩn, kho thiết bị...) và khu vệ sinh chung.

+ Tầng tum: Diện tích sàn 64,6m², bố trí tum thang và phòng kỹ thuật thang máy.

- Tường ngoài nhà lãn sơn hoàn thiện (một số vị trí ốp gạch trang trí), tường trong các phòng ốp gạch ceramic, tường trong khu vệ sinh ốp gạch ceramic cao sát trần giả; trần thạch cao tấm thả (khu vệ sinh dùng trần nhôm tấm thả). Nền, sàn các tầng lát gạch granite (khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn); bậc cầu thang trong nhà, sảnh và bậc tam cấp lát đá granite. Hệ thống dùng cửa kính cường lực, cửa khung nhôm hệ kết hợp kính và cửa chống cháy.

b) Giải pháp thiết kế kết cấu:

Kết cấu móng cọc bê tông ly tâm D300 loại A, mũi cọc đặt vào lớp cát hạt mịn, trạng thái chặt vừa; đài cọc và giằng đài bê tông cốt thép mác 250. Kết cấu phần thân khung bê tông cốt thép mác 250; tiết diện cột chính: 220x450mm, 220x350mm; tiết diện dầm chính: 220x600mm, 220x400mm; tường xây gạch bê tông, vữa xi măng mác 75. Cầu thang bộ ngoài nhà dùng tổ hợp thép.

c) Giải pháp thiết kế điện, chống sét:

Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ nguồn điện hiện có của Trung tâm cấp đến tủ điện tổng của công trình sau đó cấp đến các tủ điện tầng và các thiết bị. Dùng các dây dẫn: CU/XLPE/PVC(4x10)mm², (2x10)mm², (1x1,5)mm²... Thiết bị điện chính gồm: Điều hòa nhiệt độ, quạt trần và đèn chiếu sáng.

Chống sét cho công trình dùng các kim thu sét đồng D20 (dài 1,2m) đặt trên mái công trình; cọc tiếp địa đồng D20, dài 2,4m.

d) Giải pháp thiết kế cấp, thoát nước:

Cấp nước: Nguồn nước cấp cho công trình lấy từ nguồn nước hiện có của Trung tâm cấp lên các téc nước đặt trên mái công trình rồi cấp đến các thiết bị. Ống cấp nước sử dụng loại PPR.

Thoát nước: Nước mái thu gom vào các ống đứng sau đó thoát xuống hệ thống thoát nước mặt ngoài nhà; nước thải từ các xí, tiêu được thu gom vào bể phốt để xử lý sau đó thoát ra hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà; nước thoát sàn, chậu rửa thoát ra hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà. Ống thoát nước sử dụng loại u.PVC.

2.3.4. Cải tạo, xây mới phần hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà:

a) Sân đường nội bộ:

- Xây dựng bổ sung, hoàn trả 690,0m² sân đường bê tông nội bộ xung quanh các công trình xây mới thuộc dự án, kết cấu mặt sân đường từ trên xuống: Lớp bê tông mác 250, dày 150mm - Lớp cấp phối đá dăm đầm chặt, dày 200mm - Lớp cát san nền K90 - Lớp đất tự nhiên.

- Bồn hoa: Tổng diện tích bồn hoa khoảng 623,0m². Thành bồn xây gạch bê tông, vữa xi măng mác 75; chiều cao 0,35m (so với cốt mặt sân); mặt trên thành bồn lát đá granite.

b) Cấp điện:

Nguồn điện cấp cho các công trình xây mới thuộc dự án lấy từ nguồn hiện có của Trung tâm cấp đến tủ điện tổng của các công trình. Dây dẫn luồn trong ống nhựa xoắn HDPE đi ngầm đất, dùng dây dẫn CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC (4x50)mm².

c) Cấp, thoát nước:

- Cấp nước cho các công trình xây mới thuộc dự án được lấy từ nguồn cấp nước hiện trạng của Trung tâm; dùng các ống HDPE D32.

- Nước thải từ các công trình xây mới thuộc dự án được thu gom về Trạm xử lý nước thải của Trung tâm qua hệ thống ống u.PVC D200 kết hợp các hố ga (xây mới), đầu nối với thống thoát nước thải hiện trạng. Thoát nước mưa sử dụng rãnh B300 (xây mới) đầu nối với hệ thống thoát nước mặt khu vực.

- Xây mới Bể nước phòng cháy chữa cháy và Trạm bơm:

- + Bể nước: Diện tích xây dựng 106,6m². Cốt mặt bể +0,1m so với cốt mặt sân; cốt đáy bể -3,7m so với cốt mặt sân. Kết cấu bể bê tông cốt thép mác 250.

- + Nhà trạm bơm: Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng 26,4m², chiều cao công trình 4,1m (chiều cao tầng 3,3m; cốt nền nhà +0,2m so với cốt mặt sân). Kết cấu móng bằng bê tông cốt thép mác 250; kết cấu phần thân khung bê tông cốt thép mác 250; tường xây gạch bê tông, vữa xi măng mác 75.

2.4. Trung tâm Y tế huyện Kim Thành:

2.4.1. Xây dựng mới Nhà Khoa truyền nhiễm:

a) Giải pháp thiết kế kiến trúc:

- Quy mô 02 tầng + 01 tầng tum, diện tích xây dựng 620,0m², tổng diện tích sàn 1.262,0m², chiều cao công trình 11,85m (tầng 01 cao 4,2m; tầng 02 cao 3,9m; tầng tum cao 3,0m; cốt nền nhà +0,45m so với cốt mặt sân). Công trình sử dụng 02 cầu thang bộ, hành lang rộng 2,4m đến 3,15m, mặt bằng các tầng cụ thể như sau:

+ Tầng 01: Diện tích sàn 560,0m², bố trí: Các phòng làm việc (phòng trưởng khoa, phòng bác sỹ, phòng điều dưỡng...), các phòng chức năng (phòng tiêm, phòng thủ thuật, phòng cấp cứu...) và khu vệ sinh chung.

+ Tầng 02: Diện tích sàn 620,0m², bố trí: Các phòng điều trị, các phòng chức năng (phòng trực, phòng tiêm, phòng cấp cứu...) và khu vệ sinh chung.

+ Tầng tum: Tổng diện tích sàn 82,0m², bố trí tum thang.

- Tường ngoài nhà lăn sơn hoàn thiện, tường trong các phòng ốp gạch ceramic, tường trong khu vệ sinh ốp gạch ceramic cao sát trần giả; trần thạch cao tấm thả (khu vệ sinh dùng trần nhôm tấm thả). Nền, sàn các tầng lát gạch granite (khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn); bậc cầu thang trong nhà, sảnh và bậc tam cấp lát đá granite. Hệ thống cửa dùng cửa kính cường lực, cửa khung nhôm hệ kết hợp kính và cửa chống cháy.

- Hành lang cầu (kết nối với Nhà A): Quy mô 02 tầng, diện tích xây dựng 129,4m², tổng diện tích sàn 258,8m², chiều cao công trình 8,95m (tầng 01 cao 4,85m; tầng 02 cao 3,7m; cốt nền tầng 01 bằng cốt sân đường nội bộ).

b) Giải pháp thiết kế kết cấu:

Kết cấu móng cọc bê tông ly tâm D300 loại A, mũi cọc đặt vào lớp cát hạt vừa, trạng thái chặt; đài cọc và giằng đài bê tông cốt thép mác 250. Kết cấu phần thân khung bê tông cốt thép mác 250; tiết diện cột chính: 220x350mm, 220x220mm; tiết diện dầm chính: 220x600mm, 220x450mm, 220x400mm, 220x350mm; tường xây gạch bê tông, vữa xi măng mác 75.

c) Giải pháp thiết kế điện, chống sét:

Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ nguồn điện hiện có của Trung tâm cấp đến tủ điện tổng của công trình sau đó cấp đến các tủ điện tầng và các thiết bị. Dùng các dây dẫn: CU/XLPE/PVC(4x25)mm², (2x4)mm²... Thiết bị điện chính gồm: Điều hòa nhiệt độ, quạt trần và đèn chiếu sáng.

Chống sét cho công trình dùng các kim thu sét đồng D20 (dài 1,2m) đặt trên mái công trình; cọc tiếp địa đồng D20, dài 2,4m.

d) Giải pháp thiết kế cấp, thoát nước:

Cấp nước: Nguồn nước cấp cho công trình lấy từ nguồn nước hiện có của Trung tâm cấp lên các téc nước đặt trên mái công trình rồi cấp đến các thiết bị. Ống cấp nước sử dụng loại PPR.

Thoát nước: Nước mái thu gom vào các ống đứng sau đó thoát xuống hệ thống thoát nước mặt ngoài nhà; nước thải từ các xí, tiểu được thu gom vào bể phốt để xử lý sau đó thoát ra hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà; nước thoát sàn, chậu rửa thoát ra hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà. Ống thoát nước sử dụng loại u.PVC.

2.4.2. Cải tạo, xây mới phần hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà:

a) Sân đường nội bộ:

- Làm mới khoảng 550,0m² sân đường nội bộ xung quanh Nhà Khoa truyền nhiễm, kết cấu mặt sân đường từ trên xuống: Lớp bê tông mác 250, dày 150mm
- Lớp cấp phối đá dăm đầm chặt, dày 200mm - Lớp cát san nền K90.

- Bồn hoa: Tổng diện tích bồn hoa khoảng 450,0m². Thành bồn xây gạch bê tông, vữa xi măng mác 75; tổng chiều dài khoảng 370,0m; chiều cao 0,35m (so với cốt mặt sân); mặt trên thành bồn lát đá granite.

b) Cấp điện:

Nguồn điện cấp cho Nhà Khoa truyền nhiễm lấy từ nguồn hiện có của khu vực cấp đến tủ điện tổng của các công trình. Dây dẫn luồn trong ống nhựa xoắn HDPE đi ngầm đất, dùng dây dẫn: Cáp CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC (4x50)mm².

c) Cấp, thoát nước:

- Cấp nước cho Nhà Khoa truyền nhiễm được lấy từ nguồn cấp nước hiện trạng của Trung tâm; dùng các ống HDPE D32.

- Nước thải từ Nhà Khoa truyền nhiễm được thu gom về Trạm xử lý nước thải của Trung tâm qua hệ thống ống u.PVC D200 kết hợp các hố ga (xây mới), đầu nối với thống thoát nước thải hiện trạng. Thoát nước mưa sử dụng rãnh B300 (xây mới) đầu nối với hệ thống thoát nước mặt hiện trạng.

2.5. Trung tâm Y tế thị xã Kinh Môn:

2.5.1. Xây dựng mới Nhà Khoa xét nghiệm cận lâm sàng:

a) Giải pháp thiết kế kiến trúc:

- Quy mô 03 tầng + 01 tầng tum, diện tích xây dựng 345,6m², tổng diện tích sàn 1.076,3m², chiều cao công trình 14,55m (tầng tum cao 3,0m; các tầng còn lại cao 3,6m; cốt nền nhà +0,45m so với cốt mặt sân). Công trình sử dụng 02 cầu thang bộ, hành lang rộng 2,7m, mặt bằng các tầng cụ thể như sau:

- + Tầng 01, 02, 03: Diện tích sàn mỗi tầng 345,6m², bố trí: Các phòng làm việc, các phòng phục vụ công tác xét nghiệm (phòng chụp X-quang, phòng chụp cắt lớp vi tính, phòng siêu âm...) và khu vệ sinh chung.

- + Tầng tum: Diện tích sàn 39,5m², bố trí tum thang.

- Tường ngoài nhà lăn sơn hoàn thiện, tường trong các phòng ốp gạch ceramic cao 2,1m, tường trong khu vệ sinh ốp gạch ceramic cao sát trần giả; trần thạch cao tấm thả (khu vệ sinh dùng trần nhôm tấm thả). Nền, sàn các tầng lát gạch granite (khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn); bậc cầu thang trong nhà, sảnh và bậc tam cấp lát đá granite. Hệ thống cửa dùng cửa khung nhôm hệ kết hợp kính, cửa thép bọc chì và cửa chống cháy.

b) Giải pháp thiết kế kết cấu:

Kết cấu móng cọc bê tông ly tâm D300 loại A, mũi cọc đặt vào lớp sét pha, trạng thái nửa cứng; đài cọc và giằng đài bê tông cốt thép mác 250. Kết cấu phần thân khung bê tông cốt thép mác 250; tiết diện cột chính: 220x350mm, 220x300mm; tiết diện dầm chính: 220x400mm; tường xây gạch bê tông, vữa xi măng mác 75. Cầu thang ngoài nhà dùng tổ hợp thép.

c) Giải pháp thiết kế điện, chống sét:

Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ nguồn điện hiện có của Trung tâm cấp đến tủ điện tổng của công trình sau đó cấp đến các tủ điện tầng và các thiết bị. Dùng các dây dẫn: CU/XLPE/PVC(4Cx10)mm², (2Cx4)mm²... Thiết bị điện chính gồm: Điều hòa nhiệt độ, quạt trần và đèn chiếu sáng.

Chống sét cho công trình dùng các kim thu sét thép D14 (dài 1,0m) đặt trên mái công trình; cọc tiếp địa thép L63x63x6mm, dài 2,5m; dây dẫn sét thép D10, dây tiếp địa thép dẹt 40x4mm.

d) Giải pháp thiết kế cấp, thoát nước:

Cấp nước: Nguồn nước cấp cho công trình lấy từ nguồn nước hiện có của Trung tâm cấp lên các téc nước đặt trên mái công trình rồi cấp đến các thiết bị. Ống cấp nước sử dụng loại PPR.

Thoát nước: Nước mái thu gom vào các ống đứng sau đó thoát xuống hệ thống thoát nước mặt ngoài nhà; nước thải từ các xí, tiểu được thu gom vào bể phốt để xử lý sau đó thoát ra hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà; nước thoát sàn, chậu rửa thoát ra hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà. Ống thoát nước sử dụng loại u.PVC.

2.5.2. Xây dựng mới Nhà nội nhi:

a) Giải pháp thiết kế kiến trúc:

- Quy mô 02 tầng, diện tích xây dựng 441,4m², tổng diện tích sàn 882,8m², chiều cao công trình 11,55m (các tầng cao 3,9m; cốt nền nhà +0,45m so với cốt mặt sân). Công trình sử dụng 02 cầu thang bộ, hành lang rộng 2,4m, mặt bằng các tầng cụ thể như sau:

+ Tầng 01: Diện tích sàn 441,4m², bố trí: Phòng điều trị, phòng cấp cứu, phòng sơ sinh, phòng tiêm, phòng hành chính, kho dụng cụ và khu vệ sinh chung.

+ Tầng 02: Diện tích sàn 441,4m², bố trí: Phòng điều trị, phòng cấp cứu, phòng tiêm, phòng trưởng khoa, phòng nhân viên và khu vệ sinh chung.

- Tường ngoài nhà lán sơn hoàn thiện, tường trong các phòng ốp gạch ceramic cao 2,1m, tường trong khu vệ sinh ốp gạch ceramic cao sát trần giả; trần thạch cao tấm thả (khu vệ sinh dùng trần nhôm tấm thả). Nền, sàn các tầng lát gạch granite (khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn); bậc cầu thang, bậc tam cấp lát đá granite. Hệ thống cửa dùng cửa khung nhôm hệ kết hợp kính và cửa chống cháy.

b) Giải pháp thiết kế kết cấu:

Kết cấu móng cọc bê tông ly tâm D300 loại A, mũi cọc đặt vào lớp sét pha, trạng thái nửa cứng; đài cọc và giằng đài bê tông cốt thép mác 250. Kết cấu phần thân khung bê tông cốt thép mác 250; tiết diện cột chính: 220x220mm, 220x300mm, 220x400mm; tiết diện dầm chính: 220x400mm, 220x500mm, 220x600mm; tường xây gạch bê tông, vữa xi măng mác 75. Cầu thang ngoài nhà dùng tổ hợp thép.

c) Giải pháp thiết kế điện, chống sét:

Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ nguồn điện hiện có của Trung tâm cấp đến tủ điện tổng của công trình sau đó cấp đến các tủ điện tầng và các thiết bị. Dùng các dây dẫn: CU/XLPE/PVC(4Cx10)mm², (2Cx4)mm²... Thiết bị điện chính gồm: Điều hòa nhiệt độ, quạt trần và đèn chiếu sáng.

Chống sét cho công trình dùng các kim thu sét thép D14 (dài 1,0m) đặt trên mái công trình; cọc tiếp địa thép L63x63x6mm, dài 2,5m; dây dẫn sét thép D10, dây tiếp địa thép dẹt 40x4mm.

d) Giải pháp thiết kế cấp, thoát nước:

Cấp nước: Nguồn nước cấp cho công trình lấy từ nguồn nước hiện có của Trung tâm cấp lên các téc nước đặt trên mái công trình rồi cấp đến các thiết bị. Ống cấp nước sử dụng loại PPR.

Thoát nước: Nước mái thu gom vào các ống đứng sau đó thoát xuống hệ thống thoát nước mặt ngoài nhà; nước thải từ các xí, tiểu được thu gom vào bể phốt để xử lý sau đó thoát ra hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà; nước thoát sàn, chậu rửa thoát ra hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà. Ống thoát nước sử dụng loại u.PVC.

2.5.3. *Cải tạo, xây mới phần hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà:*

a) Sân đường nội bộ:

- Cải tạo 1.550,0m² sân đường nội bộ (đoạn từ cổng vào đến Nhà Khoa xét nghiệm cận lâm sàng và Nhà nội nhi): Đổ bê tông mác 250, dày 150 trên nền sân đường hiện trạng.

- Vía hè, bồn hoa: Diện tích 554,0m². Diện tích vỉa hè 180,0m², bề mặt lát gạch bê tông tự chèn.

b) Cấp điện:

Nguồn điện cấp cho các công trình lấy từ nguồn điện có của Trung tâm cấp đến tủ điện tổng của các công trình xây mới thuộc dự án. Các dây dẫn luồn trong ống nhựa xoắn HDPE đi ngầm đất; dùng các dây dẫn: Cấp CU/XLPE/DSTA/PVC (4Cx50)mm² cấp đến Nhà Khoa xét nghiệm cận lâm sàng, cấp CU/XLPE/DSTA/PVC (4Cx35)mm² cấp đến Nhà nội nhi. Chiếu sáng ngoài nhà dùng đèn cao áp cần đèn gắn tường gắn trên từng công trình (Nhà Khoa xét nghiệm cận lâm sàng và Nhà nội nhi), nguồn điện cấp từ tủ điện của các công trình.

c) Cấp, thoát nước:

- Cấp nước cho các công trình xây mới (Nhà Khoa xét nghiệm cận lâm sàng và Nhà nội nhi) được đầu nối từ đường ống cấp nước hiện trạng của Trung tâm; dùng các ống PPR D40, D32.

- Nước thải từ các công trình xây mới (Nhà Khoa xét nghiệm cận lâm sàng và Nhà nội nhi) được thu gom về Trạm xử lý nước thải của Trung tâm qua hệ thống ống u.PVC D200 kết hợp các hố ga (xây mới), đầu nối với thống thoát nước thải hiện trạng. Thoát nước mưa sử dụng rãnh B300 (xây mới) đầu nối với hệ thống thoát nước mặt hiện trạng.

2.5.4. Cải tạo phòng khám đa khoa Phúc Thành:

a) Cải tạo Nhà khám bệnh 02 tầng (Nhà A):

Quy mô 02 tầng, diện tích xây dựng 470,0m², tổng diện tích sàn xây dựng 940,0m². Kết cấu phần thân khung bê tông cốt thép; tường xây gạch. Giải pháp cải tạo chính như sau:

- Cải tạo cầu thang bộ, bậc tam cấp:

+ Phá dỡ sàn bê tông cốt thép tại tầng 02 phòng tiểu phẫu (trục (1-2)-(D-E) và cầu thang bộ tại trục (10-11)-(D-E); xây dựng cầu thang bộ (lồng thang khép kín) đảm bảo phòng cháy chữa cháy.

+ Tróc lớp granito mặt, cổ bậc hiện trạng tại cầu thang bộ trục 5-7 và bậc tam cấp; lát đá granite mặt, cổ bậc.

- Phá dỡ toàn bộ lớp gạch lát nền, sàn; lát lại bằng gạch granite.

- Tróc một số vị trí trát tường, trần; trát lại bằng vữa xi măng mác 75; cạo bỏ lớp sơn hiện trạng; lăn sơn lại toàn bộ công trình.

- Thay mới toàn bộ hệ thống cửa bằng cửa khung nhôm kết hợp kính và cửa chống cháy

- Thay mới xà gỗ và mái lợp tôn chống nóng; xử lý chống thấm sê nô mái.

- Cải tạo các khu vệ sinh hiện trạng.

- Cải tạo hệ thống cấp điện, cấp, thoát nước.

b) Xây mới Bể nước phòng cháy chữa cháy và Trạm bơm:

Diện tích xây dựng 71,5m². Cốt mặt bể +0,25m so với cốt mặt sân; cốt đáy bể -2,65m so với cốt mặt sân. Kết cấu bể bê tông cốt thép mác 300. Nhà trạm bơm xây dựng trên mặt bể có diện tích 24,5m², cao 2,8m; tường xây gạch bê tông, vữa xi măng mác 75; mái bê tông cốt thép mác 250.

2.6. Trung tâm Y tế huyện Nam Sách:

2.6.1. Xây dựng mới Nhà hành chính:

a) Giải pháp thiết kế kiến trúc:

- Quy mô 03 tầng, diện tích xây dựng 505,1m², tổng diện tích sàn 1.515,3m², chiều cao công trình 13,25m (tầng 01 cao 3,9m; các tầng còn lại cao 3,6m; cốt nền nhà +0,75m so với cốt mặt sân). Công trình sử dụng 02 cầu thang bộ, hành lang rộng 2,7m, mặt bằng các tầng cụ thể như sau:

+ Tầng 01: Diện tích sàn 505,1m², bố trí: Các phòng làm việc, phòng tiếp dân, phòng kho, phòng kỹ thuật và khu vệ sinh chung.

+ Tầng 02: Diện tích sàn 505,1m², bố trí: Các phòng làm việc, phòng họp giao ban, phòng kho, phòng kỹ thuật và khu vệ sinh chung.

+ Tầng 03: Diện tích sàn 505,1m², bố trí: Hội trường, phòng chuẩn bị hội trường, khu giải lao, phòng kho, phòng kỹ thuật và khu vệ sinh chung.

- Tường trong và ngoài nhà lăn sơn hoàn thiện (tường trong khu vệ sinh ốp gạch ceramic); trần thạch cao tấm thả (khu vệ sinh dùng trần nhôm tấm thả). Nền, sàn các tầng lát gạch granite (khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn); bậc cầu thang, sảnh và bậc tam cấp lát đá granite. Hệ thống cửa dùng cửa khung nhôm hệ kết hợp kính và cửa chống cháy.

b) Giải pháp thiết kế kết cấu:

Kết cấu móng cọc bê tông ly tâm D300 loại A, mũi cọc đặt vào lớp cát hạt nhỏ, trạng thái chặt vừa; đài cọc và giằng đài bê tông cốt thép mác 300. Kết cấu phần thân khung bê tông cốt thép mác 300 (riêng kết cấu phần mái hội trường dùng kèo thép định hình, lợp mái tôn); tiết diện cột chính: 220x300mm, 220x400mm, 220x500mm; tiết diện dầm chính: 220x600mm, 220x500mm, 220x400mm; tường xây gạch bê tông, vữa xi măng mác 75.

c) Giải pháp thiết kế điện, chống sét:

Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ nguồn điện hiện có của Trung tâm cấp đến tủ điện tổng của công trình sau đó cấp đến các tủ điện tầng và các thiết bị. Dùng các dây dẫn: CU/XLPE/PVC(4Cx16)mm², (4Cx10)mm², (2Cx6)mm²... Thiết bị điện chính gồm: Điều hòa nhiệt độ, quạt trần và đèn chiếu sáng.

Chống sét cho công trình dùng các kim thu sét thép D14 (dài 1,0m) đặt trên mái công trình; cọc tiếp địa thép L63x63x6mm, dài 2,5m; dây dẫn sét thép D10, dây tiếp địa thép dẹt 40x4mm.

d) Giải pháp thiết kế cấp, thoát nước:

Cấp nước: Nguồn nước cấp cho công trình lấy từ nguồn nước hiện có của Trung tâm cấp lên các téc nước đặt trên mái công trình rồi cấp đến các thiết bị. Ống cấp nước sử dụng loại PPR.

Thoát nước: Nước mái thu gom vào các ống đứng sau đó thoát xuống hệ thống thoát nước mặt ngoài nhà; nước thải từ các xí, tiểu được thu gom vào bể phốt để xử lý sau đó thoát ra hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà; nước thoát sàn, chậu rửa thoát ra hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà. Ống thoát nước sử dụng loại u.PVC.

2.6.2. Xây dựng mới Nhà ngoại sản:

a) Giải pháp thiết kế kiến trúc:

- Quy mô 05 tầng + 01 tầng tum, diện tích xây dựng 943,5m², tổng diện tích sàn 4.842,5m², chiều cao công trình 24,15m (tầng 01 cao 4,2m; tầng tum cao 3,3m; các tầng còn lại cao 3,9m; cốt nền nhà +0,75m so với cốt mặt sân). Công trình sử dụng 02 cầu thang bộ, 02 thang máy, hành lang rộng 3,3m, mặt bằng các tầng cụ thể như sau:

+ Tầng 01: Diện tích sàn 943,5m², bố trí Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản, gồm: Các phòng điều trị, khu đẻ (phòng đẻ, phòng bác sĩ, phòng điều dưỡng...), phòng làm sạch, phòng kỹ thuật và khu vệ sinh chung.

+ Tầng 02: Diện tích sàn 943,5m², bố trí Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản, gồm: Các phòng điều trị, khu mổ sản (phòng mổ sản, phòng thủ thuật, phòng điều dưỡng...), phòng làm sạch, phòng kỹ thuật và khu vệ sinh chung.

+ Tầng 03: Diện tích sàn 943,5m², bố trí Khoa nhi, gồm: Các phòng điều trị, khu khám và điều trị (phòng khám, phòng tiêm, phòng điều dưỡng...), phòng làm sạch, phòng kỹ thuật và khu vệ sinh chung.

+ Tầng 04: Diện tích sàn 943,5m², bố trí Khoa ngoại, gồm: Các phòng điều trị, khu khám và điều trị (phòng khám, phòng tiêm, phòng thủ thuật, phòng điều dưỡng...), phòng làm sạch, phòng kỹ thuật và khu vệ sinh chung.

+ Tầng 05: Diện tích sàn 943,5m², bố trí Khoa ngoại, gồm: Các phòng điều trị, phòng tiêm, phòng cấp cứu, khu mổ (phòng mổ ngoại, phòng bác sĩ, phòng điều dưỡng...), phòng làm sạch, phòng kỹ thuật và khu vệ sinh chung.

+ Tầng tum: Diện tích sàn 125,0m², bố trí tum thang và phòng kỹ thuật.

- Tường ngoài nhà lán sơn hoàn thiện, tường trong các phòng ốp gạch ceramic cao 2,1m, tường trong khu vệ sinh ốp gạch ceramic cao sát trần giả; trần thạch cao tấm thả (khu vệ sinh dùng trần nhôm tấm thả). Nền, sàn các tầng lát gạch granite (khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn); bậc cầu thang, sảnh và bậc tam cấp lát đá granite. Hệ thống cửa dùng cửa khung nhôm hệ kết hợp kính và cửa chống cháy.

b) Giải pháp thiết kế kết cấu:

Kết cấu móng cọc bê tông ly tâm D350 loại A, mũi cọc đặt vào lớp cát hạt nhỏ, trạng thái chặt vừa; đài cọc và giằng đài bê tông cốt thép mác 300. Kết cấu phần thân khung bê tông cốt thép mác 300; tiết diện cột chính: 400x500mm, 400x600mm, 220x500mm; tiết diện dầm chính: 220x700mm, 220x500mm, 220x400mm; tường xây gạch bê tông, vữa xi măng mác 75.

c) Giải pháp thiết kế điện, chống sét:

Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ nguồn điện hiện có của Trung tâm cấp đến tủ điện tổng của công trình sau đó cấp đến các tủ điện tầng và các thiết bị. Dùng các dây dẫn: CU/XLPE/PVC(4Cx25)mm², (4Cx16)mm², (4Cx10)mm²... Thiết bị điện chính gồm: Điều hòa nhiệt độ, quạt trần và đèn chiếu sáng.

Chống sét cho công trình dùng hệ thống chống sét tia tiên đạo, bán kính bảo vệ 29,0m.

d) Giải pháp thiết kế cấp, thoát nước:

Cấp nước: Nguồn nước cấp cho công trình lấy từ nguồn nước hiện có của Trung tâm cấp lên các téc nước đặt trên mái công trình rồi cấp đến các thiết bị. Ống cấp nước sử dụng loại PPR.

Thoát nước: Nước mái thu gom vào các ống đứng sau đó thoát xuống hệ thống thoát nước mặt ngoài nhà; nước thải từ các xí, tiểu được thu gom vào bể phốt để xử lý sau đó thoát ra hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà; nước thoát sàn, chậu rửa thoát ra hệ thống thu gom nước thải ngoài nhà. Ống thoát nước sử dụng loại u.PVC.

2.6.3. *Xây dựng mới Nhà đại thể:*

Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng 33,8m², chiều cao công trình 5,25m (cốt nền nhà +0,15m so với cốt mặt sân). Kết cấu móng bằng bê tông cốt thép mác 250. Kết cấu phần thân khung bê tông cốt thép mác 250; tiết diện cột 220x220mm; tiết diện dầm 220x400mm; tường xây gạch bê tông, vữa xi măng mác 75.

2.6.4. *Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải (phần xây dựng):*

Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải từ 50m³/ngày đêm lên 250m³/ngày đêm, cụ thể:

- Tận dụng cụm bể cũ hiện trạng; cải tạo, đấu nối với cụm bể xây mới.
- Cụm bể xây mới: Diện tích xây dựng 175,5m², cốt mặt bể +0,3m so với cốt mặt sân, cốt đáy bể -4,25m so với cốt mặt sân. Kết cấu bể bê tông cốt thép mác 300. Nhà vận hành xây trên mặt bể quy mô 01 tầng, diện tích sàn 41,7m², chiều cao 3,3m (tính từ cốt mặt bể); tường xây gạch bê tông, vữa xi măng mác 75; mái bê tông cốt thép mác 250.

2.6.5. *Cải tạo, xây mới phần hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà:*

a) Sân đường nội bộ:

- Cải tạo 3.730,0m² sân đường nội bộ: Đổ bê tông mác 250, dày 150 trên nền sân đường hiện trạng.
- Vĩa hè: Diện tích 1.310,0m², bề mặt lát gạch bê tông tự chèn.
- Bồn hoa: Thành bồn xây gạch không nung, vữa xi măng mác 75, tổng chiều dài 550,0m.

b) Cấp điện:

Nguồn điện cấp cho các công trình lấy từ nguồn hiện có của Trung tâm cấp đến tủ điện tổng của các công trình và hệ thống chiếu sáng ngoài nhà (chiếu sáng ngoài nhà dùng đèn cao áp cột thép bát giác cao 8,0m). Các dây dẫn luôn

trong ống nhựa xoắn HDPE đi ngầm đất; dùng các dây dẫn: Cáp CU/XLPE/DSTA/PVC (3Cx240+1Cx185)mm² cấp đến Nhà ngoại sản; cáp CU/XLPE/DSTA/PVC (3Cx185+1Cx150)mm² cấp đến Nhà khoa khám bệnh; cáp CU/XLPE/DSTA/PVC (3Cx35+1Cx25)mm² cấp đến Nhà khoa truyền nhiễm và Nhà HSCC, PHCN, Khoa dược; cáp CU/XLPE/DSTA/PVC (3Cx50+1Cx35)mm² cấp đến Nhà điều trị nội trú; cáp CU/XLPE/DSTA/PVC (3Cx70+1Cx50)mm² cấp đến Nhà hành chính; cáp CU/XLPE/DSTA/PVC (2Cx16)mm² cấp đến Nhà dinh dưỡng; cáp CU/XLPE/DSTA/PVC (2Cx6)mm² cấp đến các cột đèn chiếu sáng ngoài nhà.

c) Cấp, thoát nước:

- Cấp nước cho các công trình xây mới (Nhà hành chính, Nhà ngoại sản) được lấy từ bể nước ngầm hiện trạng của Trung tâm; dùng các ống PPR D32.

- Nước thải từ các công trình được thu gom về Trạm xử lý nước thải của Trung tâm qua hệ thống ống u.PVC D200 kết hợp các hố ga (xây mới). Thoát nước mưa sử dụng rãnh B300 (xây mới) đầu nối với hệ thống thoát nước mặt hiện trạng của khu vực.

- Xây mới Bể nước phòng cháy chữa cháy và Trạm bơm: Diện tích xây dựng 127,8m². Cốt mặt bể -0,1m so với cốt mặt sân; cốt đáy bể -3,15m so với cốt mặt sân. Kết cấu bể bê tông cốt thép mác 300. Nhà trạm bơm xây dựng trên mặt bể có diện tích 20,5m², cao 3,4m; tường xây gạch bê tông, vữa xi măng mác 75; mái bê tông cốt thép mác 250.

2.7. Giải pháp thiết kế về phòng cháy và chữa cháy:

Thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (đối với các công trình xây mới, cải tạo), tùy theo từng công trình, gồm một trong các nội dung chính sau: Đường giao thông cho xe chữa cháy; khoảng cách an toàn PCCC; giải pháp ngăn cháy; hệ thống báo cháy tự động; bình chữa cháy xách tay; đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn, hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà; hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà; hệ thống cấp điện cho PCCC; hệ thống chống sét.

(Chi tiết theo Hồ sơ Thiết kế cơ sở dự án: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương do Liên danh nhà thầu PBI - Tấn Phát - Thành An lập, Công ty cổ phần kiến trúc Việt Hà thẩm tra, Sở Xây dựng Hải Dương tổng hợp, thẩm định).

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng:

Nội dung hồ sơ dự án, thiết kế cơ sở cơ bản tuân thủ quy định pháp luật hiện hành;

Đơn vị tư vấn thực hiện khảo sát xây dựng, lập, thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phù hợp; các cá nhân tham gia chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế, thẩm tra các bộ môn có chứng chỉ hành nghề đảm bảo theo quy định.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch chi tiết xây dựng:

Vị trí và quy mô xây dựng các công trình xây mới cơ bản phù hợp với Quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt của từng Trung tâm Y tế.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư:

Nội dung và quy mô đầu tư trong Báo cáo nghiên cứu khả thi cơ bản phù hợp với chủ trương đầu tư được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2022.

4. Khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực:

Dự án được thực hiện trong khuôn viên khu đất của các Trung tâm Y tế tuyến huyện đang hoạt động, hệ thống hạ tầng kỹ thuật của các Trung tâm đang được kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực. Để đảm bảo khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật chung của các Trung tâm Y tế khi tiếp nhận các công trình xây dựng và trang thiết bị y tế thuộc dự án; ở bước tiếp theo đề nghị chủ đầu tư, đơn vị tư vấn rà soát, đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật (cấp điện, cấp thoát nước...) và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét có kế hoạch nâng cấp (nếu cần thiết).

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường:

Thiết kế phòng cháy và chữa cháy (đối với các công trình xây mới, cải tạo) được Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ - Công an tỉnh Hải Dương tham gia góp ý tại các Văn bản số: 176, 177, 178, 179, 180, 181/TĐTKCS-PCCC ngày 01 tháng 6 năm 2023 và Văn bản số 218/TĐTKCS-PCCC ngày 21 tháng 6 năm 2023; ở bước thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở, chủ đầu tư cùng đơn vị tư vấn rà soát, hoàn thiện các nội dung theo kiến nghị tại các Văn bản nêu trên, trình thẩm duyệt theo quy định;

Theo Văn bản số 1264/STNMT-CCBVMТ ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường. Chủ đầu tư có trách nhiệm lựa chọn 01 UBND cấp xã (nơi triển khai thực hiện dự án) để đăng ký môi trường theo quy định; các Trung tâm Y tế cấp huyện trước khi nhận bàn giao các công trình, thiết bị được xây dựng mới, cải tạo và lắp đặt có trách nhiệm liên hệ với Chi cục Bảo vệ môi trường để được hướng dẫn thực hiện các thủ tục về môi trường.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật:

Theo Báo cáo kết quả thẩm tra, hồ sơ thiết kế cơ sở tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng các tiêu chuẩn xây dựng, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định Tổng mức đầu tư xây dựng:

** Sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định Tổng mức đầu tư xây dựng; các căn cứ pháp lý để xác định Tổng mức đầu tư xây dựng:*

- Hồ sơ trình thẩm định cơ bản đầy đủ và hợp lệ.
- Các căn cứ pháp lý để xác định Tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với các quy định hiện hành, cụ thể:
 - + Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 2 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
 - + Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;
 - + Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
 - + Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;
 - + Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
 - + Công văn số 1689/SXD-QLN ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Sở Xây dựng Hải Dương về việc công bố Đơn giá nhân công xây dựng và Đơn giá ngày công chuyên gia tư vấn xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương;
 - + Công bố giá số 05/SXD-STC ngày 9 tháng 6 năm 2023 của Liên Sở Xây dựng - Tài chính về việc công bố giá vật liệu xây dựng tháng 5 năm 2023 trên địa bàn tỉnh Hải Dương;
 - + Các báo giá của nhà cung ứng sản phẩm và các bảng thông tin kê khai giá trang thiết bị y tế (của Bộ y tế) do chủ đầu tư cung cấp.

** Sự phù hợp của Tổng mức đầu tư xây dựng với sơ bộ Tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt; phương pháp xác định Tổng mức đầu tư xây dựng:*

- Tổng mức đầu tư xây dựng trình thẩm định phù hợp với Tổng mức đầu tư xây dựng được phê duyệt tại Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Phương pháp xác định Tổng mức đầu tư xây dựng được kết hợp từ các phương pháp sau:
 - + Phương pháp xác định từ khối lượng xây dựng tính theo thiết kế cơ sở;
 - + Phương pháp xác định từ dữ liệu về chi phí của các dự án, công trình tương tự đã thực hiện.

- Một số biện pháp thi công xây dựng (đào, đắp, phá dỡ các cấu kiện, thời gian thi công cọc cừ larsen...), cự ly vận chuyển đổ thải tại tổng mức đầu tư trình Sở Xây dựng thẩm định do chủ đầu tư, đơn vị tư vấn trình chưa thể hiện cụ thể trong hồ sơ. Vì vậy, chủ đầu tư, tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác, phù hợp. Đồng thời, ở bước khảo sát thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở đề nghị chủ đầu tư, đơn vị tư vấn khảo sát, rà soát thực tế các công trình tương tự, xác định các vị trí đổ thải để lập thiết kế, dự toán cho phù hợp.

- Chi phí vận hành, chuyên giao công nghệ; chi phí lắp đặt thiết bị của bể xử lý nước thải được lựa chọn theo hồ sơ tổng mức đầu tư xây dựng chủ đầu tư trình thẩm định (có báo giá của các nhà cung ứng kèm theo).

- Đối với công việc tư vấn lập đăng ký bảo vệ môi trường do chưa có định mức nên được dự tính bằng cách lập dự toán theo hướng dẫn tại mục II Phụ lục VI của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Ở bước thiết kế tiếp theo, Chủ đầu tư căn cứ vào nội dung, khối lượng công việc thực tế thực hiện để rà soát, xác định chi phí cho phù hợp.

** Sự phù hợp của nội dung Tổng mức đầu tư xây dựng quy định tại Điều 5 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP với các nội dung và yêu cầu của dự án:*

Nội dung của Tổng mức đầu tư xây dựng quy định tại Điều 5 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP cơ bản phù hợp với các nội dung và yêu cầu của dự án.

** Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về áp dụng, tham khảo hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng:*

- Hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng công trình cơ bản phù hợp với quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

- Một số công tác trong dự toán chi tiết do không có định mức ban hành nên được tạm tính trên cơ sở số lượng nhân công, số lượng ca máy thi công theo dự toán chủ đầu tư trình thẩm định. Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan căn cứ vào thực tế thi công tại hiện trường và các quy định hiện hành để xác định hao phí nhân công, máy thi công cho phù hợp.

- Một số định mức dự toán chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh: Ép cọc ống bê tông cốt thép dự ứng lực bằng máy ép robot D300; D350; nilon lót nền (AL.16122); đai nẹp ống gen D16 (BB.75401); lắp đặt vòi chữa cháy D50 (BB.86604)... và một số định mức khác nêu trong dự toán được thẩm định. Vì vậy, chủ đầu tư cần tổ chức kiểm chứng theo thực tế thi công.

V. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Các nội dung thuộc thẩm quyền thẩm định của Sở Xây dựng trong Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương đủ điều kiện để trình tổng hợp, phê duyệt cùng các nội dung thẩm định khác của dự án và triển khai các bước tiếp theo.

2. Kiến nghị:

Chủ đầu tư và các nhà thầu tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, bảng tổng hợp khối lượng, tài liệu của hồ sơ trình thẩm định;

Chủ đầu tư gửi hồ sơ dự án đến cơ quan được người quyết định đầu tư giao chủ trì thẩm định dự án để tổ chức thẩm định các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi (theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 và khoản 3 Điều 7 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP), tổng hợp kết quả thẩm định, trình phê duyệt;

Kích thước các cấu kiện bê tông cốt thép, tiết diện cốt thép ở giai đoạn thiết kế cơ sở mới là dự kiến. Ở bước thiết kế tiếp theo, căn cứ vào Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng ở bước tương ứng, đơn vị tư vấn thiết kế cần tính toán chi tiết cấu kiện, chi tiết liên kết để đưa ra giải pháp thiết kế cụ thể đảm bảo an toàn, ổn định cho công trình xây dựng và công trình lân cận; chủ đầu tư phải thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực hoạt động xây dựng thẩm tra thiết kế xây dựng về nội dung an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật làm cơ sở cho việc thẩm định;

Đối với hạng mục Trạm xử lý nước thải, trên cơ sở các thông số kỹ thuật và yêu cầu lắp đặt thiết bị xử lý nước thải, chủ đầu tư cùng đơn vị tư vấn thiết kế và nhà cung cấp thiết bị tổ chức rà soát, thống nhất giải pháp thiết kế đảm bảo việc lắp đặt và hoạt động khi đưa vào sử dụng;

Sở Xây dựng chỉ đánh giá về sự tuân thủ của pháp luật khi xác định tổng mức đầu tư xây dựng. Cơ quan trực thuộc người quyết định đầu tư chịu trách nhiệm thẩm định đối với việc lập và xác định giá trị tổng mức đầu tư xây dựng (trong đó có xác định giá trị chi phí thiết bị);

Trong dự toán, một số loại vật liệu, thiết bị được nêu tên loại cụ thể chỉ nhằm mục đích xác định giá trị Tổng mức đầu tư; trong quá trình thực hiện chủ đầu tư cần xem xét lựa chọn vật liệu, thiết bị phù hợp để tiết kiệm kinh phí đảm bảo quy định của pháp luật;

Chi phí quản lý dự án trong dự toán xây dựng công trình được thẩm định là chi phí quản lý dự án tối đa để thực hiện, chủ đầu tư căn cứ vào thực tế công tác quản lý dự án để xác định lại chi phí quản lý dự án theo quy định hiện hành;

Đối với các thiết bị thuộc danh mục tài sản nhà nước tổ chức mua sắm tập trung thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hải Dương, đề nghị chủ đầu tư thực hiện theo đúng quy định hiện hành;

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đảm bảo vị trí xây dựng công trình theo quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt; rà soát, kiểm tra cao độ, cốt xây dựng các công trình đảm bảo khớp nối với hạ tầng kỹ thuật hiện trạng của từng cơ sở Y tế;

Việc phá dỡ công trình cũ hiện trạng phải do đơn vị có năng lực và kinh nghiệm thực hiện đảm bảo theo quy định; trước khi phá dỡ, chủ đầu tư kiểm kê, đánh giá, xác định khối lượng vật tư, thiết bị hiện trạng phá dỡ, phối hợp cấp có thẩm quyền để xác định giá trị thu hồi đảm bảo quy định;

Chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn liên quan căn cứ vào phương pháp tính thuế giá trị gia tăng để áp dụng chính sách miễn, giảm thuế theo theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội.

Chủ đầu tư có trách nhiệm nộp bản chụp (định dạng .PDF) tài liệu Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng đã đóng dấu thẩm định cho Sở Xây dựng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đã đóng dấu thẩm định (Trường hợp không thực hiện được việc lưu trữ theo bản định dạng .PDF, đề nghị chủ đầu tư nộp bổ sung 01 bộ bản vẽ để đóng dấu lưu trữ); lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ để đáp ứng kịp thời yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng khi cần xem xét hồ sơ lưu trữ này theo quy định.

Trên đây là thông báo của Sở Xây dựng về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Hải Dương. Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCTTT UBND tỉnh Lưu Văn Bản; } (để báo cáo)
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Y tế;
- Giám đốc Sở; (để báo cáo)
- Các PGĐ Sở;
- Lưu: VP, QLXD&HTKT (Hà).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Tăng Bá Bay

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng
Công trình: Cải tạo, nâng cấp Khoa Khám bệnh thuộc Trung tâm Y tế
huyện Nam Sách

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số: 194/TTr-SXD ngày 22 tháng 11 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp Khoa Khám bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Nam Sách, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Cải tạo, nâng cấp Khoa Khám bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Nam Sách.

2. Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế huyện Nam Sách.

3. Nhà thầu khảo sát hiện trạng, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Hòa Bình HD.

4. Chủ nhiệm lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Kỹ sư Vũ Quang Dũng.

5. Nhà thầu thẩm tra thiết kế, dự toán: Công ty cổ phần khảo sát địa chất và xây dựng Hải Dương.

6. Mục tiêu đầu tư: Nâng cấp cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu khám và chữa bệnh của Trung tâm.

7. Địa điểm xây dựng: Trong khuôn viên đất hiện nay của Trung tâm Y tế huyện Nam Sách, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

8. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng

- Các quy chuẩn xây dựng Việt Nam có liên quan hiện hành;

- TCVN 4319:2012: Nhà và Công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản về thiết kế;
- TCVN 4470:2012: Bệnh viện đa khoa - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9213:2012: Bệnh viện Quận huyện - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 2737:1995: Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 5574:2012: Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 9206:2012: Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9207:2012: Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9385-2012: Chống sét cho các công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống;
- TCVN 4513 -1988: Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4474-1987: Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Một số tiêu chuẩn, quy phạm, hướng dẫn thiết kế khác có liên quan.

9. Nội dung, quy mô đầu tư và giải pháp thiết kế chủ yếu

9.1. *Nội dung, quy mô đầu tư:* Cải tạo, nâng cấp Khoa Khám bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Nam Sách, gồm:

- Cải tạo Nhà khám bệnh 02 tầng;
- Xây mới Nhà khám bệnh 01 tầng;
- Xây mới Nhà vệ sinh 01 tầng.

9.2. *Giải pháp thiết kế chủ yếu*

a) *Cải tạo Nhà khám bệnh 02 tầng*

- Không cải tạo bên trong phòng vệ sinh và phòng tắm.
- Phá dỡ các hạng mục hiện có:
 - + Phòng bó bột và phòng khám vị trí đoạn trục 12-14 và A-C.
 - + Khu tiếp đón vị trí đoạn trục 7'-9' và A-B.
 - + Lán bảo vệ vị trí đoạn trục 1-2' và A-B.
 - + Mái sảnh và mái che hành lang đoạn trục A-B và 1-12.
 - + Bể nước vị trí đoạn trục 3-6 và F-G.
- Mái:
 - + Tháo dỡ mái tôn, hệ thống xà gỗ thép hiện có; thay mới xà gỗ thép U80x40x3mm; lợp mới mái tôn dày 0,4mm.
 - + Phá dỡ lớp gạch chống nóng (phần phía dưới mái tôn) và lớp vữa lán sê nô; chống thấm sê nô mái bằng màng HDPE; lán vữa xi măng mác 100, dày 3,0cm toàn bộ mái.
 - Trát toàn bộ lớp trát tường, trần ngoài nhà; trát lại bằng vữa xi măng mác 75, dày 2,0cm; sơn 03 nước.

- Trát toàn bộ lớp trát tường, trần và gạch ốp tường trong nhà; trát lại bằng vữa xi măng mác 75, dày 2,0cm; ốp lại tường trong các phòng bằng gạch ceramic 300x600mm, cao 2,0m; sơn 03 nước (trừ phần gạch ốp).

- Phá dỡ lớp gạch lát nền, sàn (trừ khu hành lang tầng 01, phòng khám đoạn trục 7-10 và E-G tầng 01 và phòng răng hàm mặt tầng 02); lát lại bằng gạch ceramic 600x600mm.

- Phá dỡ các bậc tam cấp vị trí trục A.

- Mài lại granito cầu thang, bậc tam cấp trục 1 và F.

- Thay mới hệ thống cửa bằng cửa khung nhựa lõi thép.

- Thay mới hệ thống điện (trừ phòng răng hàm mặt): Nguồn điện lấy từ nguồn hiện có của Trung tâm cấp đến tủ điện tổng - tủ điện tầng - các thiết bị. Dùng các dây dẫn: Cu/XLPE/PVC (3x25)mm², Cu/XLPE/PVC (3x16)mm², Cu/PVC (2x4)mm², Cu/PVC (2x1,5)mm²... Thiết bị điện gồm: Đèn chiếu sáng và quạt trần.

- Tháo dỡ hệ thống chống sét hiện có; thay mới hệ thống chống sét: Sử dụng các kim thu sét D14 dài 0,6m đặt trên mái công trình. Kim thu sét liên kết với các cọc tiếp địa bằng dây dẫn sét D10; các cọc tiếp địa thép mạ kẽm L63x63x6 dài 2,5m được nối với nhau bằng dây tiếp địa D14.

- Thay mới 05 chậu rửa tại các phòng khám trục 8-12 và B-C.

- Thay mới đường ống thoát nước mái bằng ống uPVC D110.

b) Xây mới Nhà khám bệnh 01 tầng

- Giải pháp thiết kế kiến trúc: Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng 264,0m², chiều cao công trình 5,0m (cốt nền +0,5m so với cốt mặt sân). Mặt bằng bố trí sảnh và 10 phòng chức năng. Nền lát gạch ceramic 600x600mm; tường trong nhà ốp gạch ceramic 300x600mm cao 2,0m, phần tường còn lại sơn 03 nước; cửa đi, cửa sổ và vách kính dùng loại khung nhựa lõi thép; trần thạch cao, khung xương nổi.

- Giải pháp thiết kế kết cấu: Móng băng bê tông cốt thép mác 200; kết cấu phân thân sử dụng cột bê tông cốt thép mác 200 kết hợp tường xây gạch bê tông, vữa xi măng mác 75. Mái lợp tôn dày 0,4mm trên hệ xà gồ thép hộp 80x40x2mm và vì kèo thép hình V63, V40.

- Giải pháp thiết kế điện: Nguồn điện lấy từ nguồn hiện có của Trung tâm cấp đến tủ điện tổng - các thiết bị. Dùng các dây dẫn: Cu/XLPE/PVC (3x16)mm², Cu/PVC (2x4)mm², Cu/PVC (2x1,5)mm²... Thiết bị điện gồm: Đèn chiếu sáng và quạt trần.

- Giải pháp thiết kế cấp, thoát nước:

+ Cấp nước: Nguồn nước cấp cho công trình lấy từ téc nước trên mái Nhà khám bệnh 02 tầng hiện có cấp đến các chậu rửa bằng ống PPR D32, D25, D20.

+ Thoát nước: Nước thải từ các chậu rửa thoát ra hệ thống thoát nước chung của Trung tâm qua đường ống uPVC D76.

c) *Xây mới Nhà vệ sinh*

- Giải pháp thiết kế kiến trúc: Quy mô 01 tầng, diện tích xây dựng 50,1m², chiều cao công trình 4,0m (cốt nền +0,45m so với cốt mặt sân). Công trình phân chia thành 02 khu nam và nữ riêng biệt. Nền lát gạch ceramic chống trơn 300x300mm; tường trong nhà ốp gạch ceramic 300x600mm cao 2,1m, phần tường còn lại sơn 03 nước; cửa đi, cửa sổ dùng loại khung nhựa lõi thép; ngăn chia các xí, tiểu bằng vách compact; trần thạch cao chịu nước, khung xương nổi.

- Giải pháp thiết kế kết cấu: Móng và tường xây gạch bê tông, vữa xi măng mác 75. Mái lợp tôn dày 0,4mm trên hệ xà gồ và vì kèo thép hộp 80x40x2mm, 60x30x1,5mm.

- Giải pháp thiết kế điện: Nguồn điện cấp cho công trình lấy từ tủ điện tổng Nhà khám chữa bệnh 02 tầng hiện có cấp đến các thiết bị bằng dây dẫn Cu/PVC (2x4)mm². Thiết bị điện gồm: Bình nước nóng, đèn chiếu sáng và quạt thông gió.

- Giải pháp thiết kế cấp, thoát nước:

+ Cấp nước: Nguồn nước cấp cho công trình lấy từ téc nước trên mái Nhà khám bệnh 02 tầng hiện có cấp đến các thiết bị bằng ống PPR D40.

+ Thoát nước: Nước thải từ các bệ xí, tiểu thu gom, xử lý sơ bộ qua bể phốt - thoát ra hệ thống thoát nước chung của Trung tâm qua đường ống uPVC D110, 90...

10. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

11. Giá trị dự toán: 5.888.691.000 đồng (*Năm tỷ, tám trăm tám mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi một nghìn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	4.708.251.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	154.525.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	450.616.000 đồng
- Chi phí khác:	294.885.000 đồng
- Dự phòng:	280.414.000 đồng

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh (*từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi sự nghiệp y tế năm 2018 chuyển sang năm 2019*).

13. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định hiện hành về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

14. Thời gian thực hiện: Năm 2019-2020.

15. Các nội dung khác: Yêu cầu Chủ đầu tư căn cứ vào các Kiến nghị của Sở Xây dựng thẩm định tại Văn bản số 1859/SXD-QLXD ngày 22/11/2019, hoàn thiện hồ sơ, thực hiện theo đúng quy định.

(*Chi tiết như Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình do Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Hòa Bình HD lập; được Sở Xây dựng thẩm định tại Văn bản số 1859/SXD-QLXD ngày 22/11/2019, trình kèm theo*).

Điều 2. Chủ đầu tư căn cứ vào các nội dung phê duyệt tại Điều 1 tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo, theo đúng các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Nam Sách; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *lưu*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Khanh (15b)✓

CHỦ TỊCH



Nguyễn Dương Thái

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng

Công trình: Nhà hồi sức cấp cứu, phục hồi chức năng, khoa được
của Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26-11-2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26-11-2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07-02-2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29-9-2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 4219/2007/QĐ-UBND ngày 29-11-2007 của UBND tỉnh Hải Dương “Về việc phân cấp quản lý trong các lĩnh vực: Quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương tại Tờ trình số 1551/TTr-KHĐT ngày 23 tháng 9 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Nhà hồi sức cấp cứu, phục hồi chức năng, khoa được của Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Nhà hồi sức cấp cứu, phục hồi chức năng, khoa được của Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách.

2. Chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách

3. Tổ chức tư vấn lập dự án đầu tư: Công ty Cổ phần tư vấn quy hoạch và thiết kế xây dựng Hải Dương.

4. Chủ nhiệm lập dự án đầu tư: Ông Phạm Xuân Dương, kiến trúc sư, Cán bộ của Công ty Cổ phần tư vấn quy hoạch và thiết kế xây dựng Hải Dương.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Xây dựng nhà hồi sức cấp cứu, phục hồi chức năng, khoa được để có được công trình rộng rãi khang trang, có quy mô bảo đảm cho việc bố trí máy móc thiết bị hiện đại phục vụ nhân dân và điều hành của bệnh viện được hiệu quả hơn, đáp ứng yêu cầu khám và chữa bệnh của nhân dân ngày càng tốt hơn.

Từng bước xây dựng cơ sở vật chất có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu khám và chữa bệnh của xã hội ngày càng cao.

Cải tạo cảnh quan môi trường bệnh viện ngày càng xanh, sạch hơn.

6. Nội dung và quy mô đầu tư:

6.1. Vị trí xây dựng công trình: Bố trí vị trí xây dựng công trình: Nhà hồi sức cấp cứu, phục hồi chức năng, khoa dược của Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách theo Hồ sơ quy hoạch chi tiết do Công ty Cổ phần tư vấn quy hoạch và thiết kế xây dựng Hải Dương lập, UBND huyện Nam Sách đã phê duyệt tại Quyết định số 6055/QĐ-UBND ngày 17-7-2008.

6.2. Quy mô xây dựng:

Kiến trúc: Xây dựng mới nhà Hồi sức cấp cứu, phục hồi chức năng, khoa dược với quy mô 3 tầng hình chữ nhật; kích thước công trình là 42,6m x 15,0m; hành lang giữa rộng 3,0m; hành lang phía trước rộng 1,8m, hành lang đầu hồi phía Đông rộng 2,1m; một cầu thang giữa rộng 4,8m chia làm 2 lần; mỗi tầng bố trí 2 khu vệ sinh (riêng tầng 3 bố trí 1 khu vệ sinh cho nhân viên); tầng 1 (khoa hồi sức cấp cứu), tầng 2 (khoa phục hồi chức năng), tầng 3 (khoa dược + PHCN) với tổng diện tích sàn 3 tầng là 2.012 m²; các tầng có chiều cao 3,6m, nền nhà cao 0,75m so với cốt sân hoàn thiện; mái lợp tôn chống nóng.

Kết cấu: Móng cọc bê tông cốt thép 250 x 250 dài khoảng 9,5m; nhà xây gạch chỉ đặc mác 75, vữa xi măng mác 50; dầm sàn, mái, cột hiên đổ bê tông cốt thép tại chỗ; chống nóng và chống thấm: Xây dựng tường 110 bờ trụ, xà gồ thép chữ U và lợp tôn màu (trong nước sản xuất).

Hoàn thiện: Nền lát gạch Ceramic 300x300; phòng vệ sinh nền lát gạch chống trơn, tường ốp gạch men 200x250 cao 1,6m; toàn bộ tường, trần, dầm trát VXM mác 50; tường hành lang giữa và các phòng bệnh nhân ốp gạch men cao 1,6m, tường trong các phòng: xét nghiệm, thủ thuật, pha chế thuốc ốp gạch men 200x250mm đến sát trần; các phòng còn lại ốp gạch men chân tường cao 0,2m, phần tường còn lại lán sơn; cửa có khuôn đơn, cửa gỗ Panô kính, gỗ Chò chỉ.

Hệ thống cấp điện: Đi trong ống nhựa đi chìm trong tường; Hệ thống cấp điện cho chiếu sáng, sinh hoạt đi đường riêng; Hệ thống điện động lực đi đường riêng, thiết bị điện trong nước sản xuất. Nguồn điện hiện có của bệnh viện; thiết kế hệ thống chống sét hoàn chỉnh cho công trình.

Hệ thống cấp nước: Có bể ngầm, bơm nước lên bể trên mái (bể bồn), ống nhựa chịu nhiệt kết hợp ống thép tráng kẽm, thiết bị cấp nước trong nước sản xuất.

Hệ thống thoát nước mái: ống nhựa kết hợp ống thép tráng kẽm, xung quanh nhà có hệ thống rãnh thoát nước chung.

Hệ thống phòng cháy và chữa cháy cho công trình: Được thiết kế theo quy chuẩn và được Công an tỉnh Cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy.

(Chi tiết về quy mô, giải pháp xây dựng công trình như trong hồ sơ Dự án do Công ty Cổ phần tư vấn quy hoạch và thiết kế xây dựng Hải Dương lập, các sở đã thẩm định).

7. Vị trí và địa điểm xây dựng: Công trình được xây dựng trong khuôn viên của Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách.

8. Phương án xây dựng (Thiết kế cơ sở): Do Công ty Cổ phần tư vấn quy hoạch và thiết kế xây dựng Hải Dương lập, Sở Xây dựng đã thẩm định tại

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng

Công trình: Nhà hồi sức cấp cứu, phục hồi chức năng, khoa được
của Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26-11-2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26-11-2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07-02-2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29-9-2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 4219/2007/QĐ-UBND ngày 29-11-2007 của UBND tỉnh Hải Dương “Về việc phân cấp quản lý trong các lĩnh vực: Quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương tại Tờ trình số 1551/TTr-KHĐT ngày 23 tháng 9 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Nhà hồi sức cấp cứu, phục hồi chức năng, khoa được của Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách với các nội dung chủ yếu sau:

1. **Tên công trình:** Nhà hồi sức cấp cứu, phục hồi chức năng, khoa được của Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách.

2. **Chủ đầu tư:** Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách

3. **Tổ chức tư vấn lập dự án đầu tư:** Công ty Cổ phần tư vấn quy hoạch và thiết kế xây dựng Hải Dương.

4. **Chủ nhiệm lập dự án đầu tư:** Ông Phạm Xuân Dương, kiến trúc sư, Cán bộ của Công ty Cổ phần tư vấn quy hoạch và thiết kế xây dựng Hải Dương.

5. **Mục tiêu đầu tư xây dựng:**

Xây dựng nhà hồi sức cấp cứu, phục hồi chức năng, khoa được để có được công trình rộng rãi khang trang, có quy mô bảo đảm cho việc bố trí máy móc thiết bị hiện đại phục vụ nhân dân và điều hành của bệnh viện được hiệu quả hơn, đáp ứng yêu cầu khám và chữa bệnh của nhân dân ngày càng tốt hơn.

Từng bước xây dựng cơ sở vật chất có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu khám và chữa bệnh của xã hội ngày càng cao.

Cải tạo cảnh quan môi trường bệnh viện ngày càng xanh, sạch hơn.

6. Nội dung và quy mô đầu tư:

6.1. Vị trí xây dựng công trình: Bố trí vị trí xây dựng công trình: Nhà hồi sức cấp cứu, phục hồi chức năng, khoa dược của Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách theo Hồ sơ quy hoạch chi tiết do Công ty Cổ phần tư vấn quy hoạch và thiết kế xây dựng Hải Dương lập, UBND huyện Nam Sách đã phê duyệt tại Quyết định số 6055/QĐ-UBND ngày 17-7-2008.

6.2. Quy mô xây dựng:

Kiến trúc: Xây dựng mới nhà Hồi sức cấp cứu, phục hồi chức năng, khoa dược với quy mô 3 tầng hình chữ nhật; kích thước công trình là 42,6m x 15,0m; hành lang giữa rộng 3,0m; hành lang phía trước rộng 1,8m, hành lang đầu hồi phía Đông rộng 2,1m; một cầu thang giữa rộng 4,8m chia làm 2 lần; mỗi tầng bố trí 2 khu vệ sinh (riêng tầng 3 bố trí 1 khu vệ sinh cho nhân viên); tầng 1 (khoa hồi sức cấp cứu), tầng 2 (khoa phục hồi chức năng), tầng 3 (khoa dược + PHCN) với tổng diện tích sàn 3 tầng là 2.012 m²; các tầng có chiều cao 3,6m, nền nhà cao 0,75m so với cốt sân hoàn thiện; mái lợp tôn chống nóng.

Kết cấu: Móng cọc bê tông cốt thép 250 x 250 dài khoảng 9,5m; nhà xây gạch chỉ đặc mác 75, vữa xi măng mác 50; dầm sàn, mái, cột hiện đổ bê tông cốt thép tại chỗ; chống nóng và chống thấm: Xây dựng tường 110 bờ trụ, xà gồ thép chữ U và lợp tôn màu (trong nước sản xuất).

Hoàn thiện: Nền lát gạch Ceramic 300x300; phòng vệ sinh nền lát gạch chống trơn, tường ốp gạch men 200x250 cao 1,6m; toàn bộ tường, trần, dầm trát VXM mác 50; tường hành lang giữa và các phòng bệnh nhân ốp gạch men cao 1,6m, tường trong các phòng: xét nghiệm, thủ thuật, pha chế thuốc ốp gạch men 200x250mm đến sát trần; các phòng còn lại ốp gạch men chân tường cao 0,2m, phần tường còn lại lăn sơn; cửa có khuôn đơn, cửa gỗ Panô kính, gỗ Chò chỉ.

Hệ thống cấp điện: Đi trong ống nhựa đi chìm trong tường; Hệ thống cấp điện cho chiếu sáng, sinh hoạt đi đường riêng; Hệ thống điện động lực đi đường riêng, thiết bị điện trong nước sản xuất. Nguồn điện hiện có của bệnh viện; thiết kế hệ thống chống sét hoàn chỉnh cho công trình.

Hệ thống cấp nước: Có bể ngầm, bơm nước lên bể trên mái (bể bồn), ống nhựa chịu nhiệt kết hợp ống thép tráng kẽm, thiết bị cấp nước trong nước sản xuất.

Hệ thống thoát nước mái: ống nhựa kết hợp ống thép tráng kẽm, xung quanh nhà có hệ thống rãnh thoát nước chung.

Hệ thống phòng cháy và chữa cháy cho công trình: Được thiết kế theo quy chuẩn và được Công an tỉnh Cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy.

(Chi tiết về quy mô, giải pháp xây dựng công trình như trong hồ sơ Dự án do Công ty Cổ phần tư vấn quy hoạch và thiết kế xây dựng Hải Dương lập, các sở đã thẩm định).

7. Vị trí và địa điểm xây dựng: Công trình được xây dựng trong khuôn viên của Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách.

8. Phương án xây dựng (Thiết kế cơ sở): Do Công ty Cổ phần tư vấn quy hoạch và thiết kế xây dựng Hải Dương lập, Sở Xây dựng đã thẩm định tại

kết quả số 38a/TĐ-SXD ngày 24 tháng 3 năm 2008; Sở Công an đã cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 56/TĐ-PCCC ngày 07 tháng 7 năm 2008.

9. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình
- Cấp công trình: Công trình cấp II

10. Tổng mức đầu tư: 12.284.254.000 đồng (Mười hai tỷ, hai trăm tám mươi bốn triệu, hai trăm năm trăm bốn nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	10.010.255.000 đồng
- Chi phí tư vấn và chi khác:	1.134.998.000 đồng
- Chi phí thiết bị:	56.250.000 đồng
- Dự phòng:	1.082.751.000 đồng

11. Nguồn vốn đầu tư: Công trình được đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ về y tế (trong đó tại Quyết định số 2921/QĐ-UBND ngày 12-8-2008 của UBND tỉnh Hải Dương đã ghi 4.000 triệu đồng).

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

13. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2008 - 2009.

14. Diện tích sử dụng đất: Tổng diện tích đất quy hoạch 22.867,0 m².

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1710/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Chủ đầu tư căn cứ vào các nội dung phê duyệt ở Điều 1 và Điều 2 để tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo, theo đúng các quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hiện hành.

Điều 4. Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Y tế; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu VT, Ô. Trọng Hải (15b).

CHỦ TỊCH



Phan Nhật Bình

Nam Sách, ngày 9 tháng 10 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN NAM SÁCH
Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán
Công trình : Nhà Hồi sức cấp cứu –Phục hồi chức năng-khoa Dược
Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN NAM SÁCH

- Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11.
- Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/2/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình ; Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 16/2005/NĐ-CP ngày 7/2/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Căn cứ Quyết định số 4219/2007/QĐ-UB ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, về việc phân cấp quản lý dự án đầu tư trong các lĩnh vực: Quy hoạch, xây dựng ,quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình,quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương.
- Căn cứ Quyết định số 3471/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình : Nhà Hồi sức cấp cứu –phục hồi chức năng-khoa Dược Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách.
- Xét :-Kết quả thẩm tra thiết kế BVTC và tổng Dự toán số 139/TTr-QLDA ngày 8-10-2008 của Công ty CP Quản lý dự án và xây dựng Hải Dương về kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán công trình : Nhà Hồi sức cấp cứu –Phục hồi chức năng-khoa Dược Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán công trình : Nhà Hồi sức cấp cứu –Phục hồi chức năng-khoa Dược Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách, với những nội dung chính như sau:

1-Thiết kế bản vẽ thi công

Phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công ,công trình trên do Công ty CP tư vấn quy hoạch và thiết kế xây dựng Hải Dương lập ,Công ty CP Quản lý dự án và xây dựng Hải Dương thẩm định .

Các yêu cầu kỹ thuật và quy mô công trình như trong báo cáo thẩm tra thiết kế .

2-Giá trị dự toán :

Phê duyệt giá trị tổng dự toán công trình trên do Công ty CP tư vấn quy hoạch và thiết kế xây dựng Hải Dương lập ,Công ty CP Quản lý dự án và xây dựng Hải Dương thẩm tra :(làm tròn) : **10.094.414.000đ**

• Trong đó :

TT	Hạng mục chi phí	Kinh phí
A	Chi phí xây dựng (G) = (I +II)	8.069.100.120đ
I	Giá trị xây lắp (GxI)	7.989.208.040đ
II	Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường 1% (GxI)	79.892.080đ
B	Chi phí quản lý dự án: 2,268% (GxI)	183.007.191đ
C	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng :	812.185.474đ
1	-Thẩm định thiết kế cơ sở :	3.955.000đ
2	-Thẩm định tổng mức đầu tư :	1.892.000đ
3	-Lập dự án đầu tư : 0,637% x (G)	51.400.168đ
4	-Thiết kế phí : 3,227% x (G)	260.389.861đ
5	- Thí nghiệm nén kiểm tra cọc bê tông	63.412.456đ
6	- Đo an toàn bức xạ(TT)	5.000.000đ
7	- Chi phí khảo sát địa chất	35.046.608đ
8	- Chi phí khảo sát địa hình	13.089.000đ
9	- Chi phí quy hoạch chi tiết	67.249.000đ
10	-Thẩm tra TKBVTC +tổng DT : 0,359% x (G)	28.968.069đ
11	-Chi phí giám sát thi công : 2,34% (G)	188.816.943đ
12	-Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình : 35% GSTC	66.085.930đ
13	-Chi phí lựa chọn nhà thầu : 0,324% x (G)	26.143.884đ
14	-Chi phí thẩm định hồ sơ dự thầu : 0,01% x (G)	733.555đ
D	Chi phí khác = (I +2 +3)	71.196.973đ
1	-Bảo hiểm công trình : 0,225% x (G)	18.155.475đ
2	-Chi phí kiểm toán :	33.968.356đ
3	-Thẩm tra, phê duyệt quyết toán :	19.073.141đ
E	Thiết bị : Điều hòa NĐ 12.000BTU x 5 cái	41.250.000đ
G	Chi phí dự phòng 10%	917.673.976đ
	Tổng mức đầu tư	10.094.413.734đ
	Tổng cộng (làm tròn) :	10.094.414.000đ

(Bằng chữ : Mười tỷ, không trăm chín mươi tư triệu, bốn trăm mười bốn nghìn đồng).

• **Điều 2 :** Các ông(Bà) :Phòng hành chính, Kế toán, đơn vị tư vấn quản lý dự án ,căn cứ vào nguồn vốn và thiết kế dự toán được duyệt ở điều 1 để triển khai thực hiện theo đúng quy định về quản lý xây dựng cơ bản hiện hành.

Điều 3 : Các ông(bà) : Phòng hành chính, Kế toán, đơn vị tư vấn quản lý dự án ,căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận :

-Như điều 3.

-Lưu văn phòng.

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN NAM SÁCH



GIÁM ĐỐC
B.S. NGUYỄN TRUNG HẬT

Số: 4703 /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 18 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư

**Công trình: Nhà khoa truyền nhiễm và tường rào Bệnh viện đa khoa
huyện Nam Sách (nay là Trung tâm Y tế huyện Nam Sách)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức QĐP số 77/2015/QH13 ngày 19-6-2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18-6-2014;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18-01-2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3440/TT-STC ngày 14 tháng 12 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình: Nhà khoa truyền nhiễm và tường rào Bệnh viện đa khoa huyện Nam Sách (nay là Trung tâm Y tế huyện Nam Sách) với giá trị: 12.761.230.000 đồng (*Mười hai tỷ, bảy trăm sáu mươi một triệu, hai trăm ba mươi nghìn đồng*).

Trong đó: - Chi phí xây dựng: 11.197.855.000 đồng
- Chi phí QLDA, tư vấn và chi khác: 1.563.375.000 đồng

Điều 2. Chủ đầu tư công trình và các ngành có liên quan của tỉnh, căn cứ giá trị quyết toán được phê duyệt tại Điều 1 để thanh toán cho các đơn vị theo quy định hiện hành và xác định giá trị tài sản bàn giao đưa vào sử dụng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Nam Sách; Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Trọng Hải (12b)/



Nguyễn Dương Thái